

THỦ QUÁN

B ả n T h ả o



■ viết trong khói lửa

Năm thứ 5 tập 22 tháng 1-2006

Phạm Văn Nhân ■ NG~■ Trần Hoài Thư ■ Cao Vị
Khanh ■ Trần Bang Thạch ■ Lê Bá Lăng ■ Phạm Cao
Hoàng ■ Huỳnh Hữu Võ ■ Tô Đình Sự ■ Tôn Nữ Kim
Phượng ■ Nguyễn Văn Ngọc ■ Trần Doãn Nho ■ Doãn
Dân ■ Trương Cường Thanh ■ Lê Văn Thiện ■ Lữ
Quỳnh ■ Nguyễn Lệ Uyên ■ Hoàng Yên Trang ■
Nguyễn Cát Đông ■ Hải Phương ■ Khê Kinh Kha ■
Nguyễn Lương Vỹ ■ Phạm Ngọc Lữ ■ Nguyễn Đức
Nhơn ■ Đoàn Ngọc Kiều Nga ■ Nguyễn Vi Khanh ■
Mang Viên Long.

Thư Quán Bản Thảo
P.O. Box 58
S. Bound Brook NJ 08880 USA
E Mail: tranhoaitu@yahoo.com
nhanvanpham@yahoo.com



THU AN QUAN

Thư Quán bản Thảo
Tập Chí Văn Học Nghệ Thuật
(Năm Thứ 5)
viết trong khói lửa

Thư Quán Bản Thảo

TẬP HAI MƯƠI HAI, THÁNG GIÊNG 2006

(viết trong khói lửa)

Độc trong số này:

Viết chung: *Trang 5:* Phạm Văn Nhân, NG~, Trần Hoài Thư, Cao Vị Khanh, Trần Bang Thạch.

Thơ viết trong khói lửa: *Trang 37 :* Lê Bá Lăng, Phạm Cao Hoàng, Huỳnh Hữu Võ, Tô Đình Sự, Tôn Nữ Kim Phượng, Nguyễn Văn Ngọc.

Văn viết trong khói lửa:*Trang 48 :* Lê Bá Lăng, Trần Doãn Nho, Doãn Dân, Trần Hoài Thư, Trương Cường Thanh, Phạm văn Nhân, Lê Văn Thiện, Lữ Quỳnh, Nguyễn Lê Uyên, Hoàng Yên Trang, Nguyễn Cát Đông.

Thơ hôm nay: *Trang 145:* Hải Phương, Khê Kinh Kha, Nguyễn Lương Vy, Phạm Ngọc Lữ, Nguyễn Đức Nhơn, Đoàn Ngọc Kiều Nga, Cao Vị Khanh.

Văn hôm nay: *Trang 157:* Trần Hoài Thư, Trần Bang Thạch.

Văn học và đọc sách: *Trang 180:* Nguyễn Vi Khanh, Mang Viên Long.

Tranh bìa: Trần Quý Thoại

TQBT số 23 phát hành vào tháng 4 năm 2006. Bài viết xin gửi về trong tháng 2-06: nhanvanpham@yahoo.com hay tranhoaithu@yahoo.com.



VIẾT CHUNG

PHẠM VĂN NHÀN • NG~ • TRẦN HOÀI THƯ •
CAO VỊ KHANH • TRẦN BANG THẠCH •

Tâm sự với NG~

Phạm Văn Nhàn

1/

TQBT số 21 viết về nhà văn Võ Hồng. Và với số 22 chúng tôi sẽ ngược về thời gian, tìm lại những bài viết cũ đã di trên các tạp chí văn học xuất bản ở Sài Gòn của những nhà văn, nhà thơ vừa “ *cầm súng vừa cầm bút ở ngoài chiến trường*” đã ít nhiều một thời góp mặt làm nên dòng văn học tự do từ năm 1954 đến 1975.

Đi tìm lại những tác phẩm văn học của những người lính miền Nam viết văn quả thật là không đơn giản chút nào; vì những tư liệu báo chí cũ đã bị thiêu hủy sau tháng tư năm 1975... Tuy nhiên, dù có khó khăn đi tìm tư liệu, chúng tôi cũng “ cố gắng ” hoàn thành cho được số 22, mang chủ đề: *viết trong khói lửa* của những người lính trực diện với cái chết ngoài chiến trường năm xưa. Mà hôm nay, có người đã ngã xuống.

Cũng như những lần trước, muốn làm một số chủ đề, chúng tôi phải nhờ đến những bạn văn trong nước đi tìm những “ tư liệu” cũ để TQBT làm sống lại những con người, những tác phẩm- dù chưa đủ- nhưng có vẫn còn hơn không. Và hôm nay: “ viết trong khói lửa ” chúng tôi đọc lại, những bài thơ, những truyện ngắn của những người viết trẻ thời xa xưa ấy, để cho chúng ta thấy được tính nhân bản trong mỗi “ người lính trận miền Nam ” khi viết chúng tôi không một chút gì hận thù. Ngay cả những người dân sống trong vùng “ bị chiếm ” hay “ do những người bên kia kiểm soát” những người lính miền Nam vẫn tử tế; mặc dù, biết rằng họ vẫn nhìn chúng tôi dưới

con mắt chẳng bao giờ có thiện cảm!

Xuyên suốt trong những năm trực diện với chiến trường, với cái chết xảy ra trong gang tấc của chính bản thân mình và đồng đội. Nhưng, người lính cầm bút miền Nam vẫn chưa... và chắc chắn, chưa bao giờ viết những câu văn, hay câu thơ “xúi giục” đồng đội của mình phải làm thế nào để máu của “những người bên kia” đổ nhiều thêm nữa, hay qua “ngòi bút” để lấy đó làm động cơ thúc đẩy ...giết người. Cho dù chiến tranh có tàn khốc.

Vừa rồi, tôi có đọc trên Giao Điểm. com, tháng 11 năm 2005 có một “*thiên tiểu luận*” của cô Ngọc Thiên Hoa gồm 8 chương viết về: “Đặng Thùy Trâm bài thơ gửi lại”. Tôi chỉ trích một đoạn văn ngắn trong chương 5 “*Nhật ký Đ.T.T mở lại một thời chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lịch sử văn học*” tác giả bài viết, nhìn vào hình, theo tôi nghĩ có thể, cô chỉ là “thế hệ thứ hai” của chúng tôi. Lớn lên, nhìn cuộc chiến dưới con mắt còn rất “ngây thơ” chưa biết gì. Nhưng qua bài viết ấy, cô có cái nhìn, cái suy nghĩ, cái nhận xét thật sắc bén trên mỗi câu văn mà cô đã viết.

Cũng như một lúc tôi đọc Truyện và ký: Bàn Tay Không Thể Sinh Đôi của cô cũng trên trang Web của Giao điểm tháng 11, cô viết về cảnh sinh hoạt ở một cái xã Đồng Bò thuộc tỉnh Khánh Hòa. Mật khu Đồng Bò. Núi Đồng Bò thì chắc không lạ gì với dân Nha Trang. Cách Nha Trang không xa, chỉ 1km/đường chim bay về phía Tây Nam (?). Đứng ở đài phát thanh Nha Trang ta đã thấy Đồng Bò. Bài viết rất hay. Tôi đọc và cuốn hút tôi ngay vào câu chuyện. Đọc để thấy được cái “hận thù” ngút ngàn của người du kích phía bên kia. Khác hoàn toàn với người lính miền Nam chúng tôi

Tôi xin trích một đoạn văn của Ngọc Thiên Hoa....(xin trích) để gởi đến độc giả:

“....một tấm lòng nhân bản biết bao nhiêu. Những người viết lên những lời thơ bằng máu không bao giờ có thể là kẻ bỏ quê hương. Người lính miền Nam xuất hiện chưa rõ ràng trên sách vở nhưng họ mở đầu cũng chỉ là những học sinh, cũng vì nhiệm vụ mà khoát áo chiến binh, ra chiến trường không quên mang theo lòng nhân ái mà Trần Hoài Thư đã ghi lại trong “Ta, lính miền nam”:

Trong túi ta một gói thuốc chuẩn

Bắt tù binh mời điếu thuốc thơm

Để thấy miền Nam lính hiền ghê gớm

Cung cách đối xử cao cả (“ mời”) giữa người với người dù kẻ đó là tù binh (“bắt”) trên thơ ca thôi cũng đủ cho ta thấy sự khác biệt giữa hai người lính hai miền rõ như ban ngày. Một bên hiền lành, thân thiện. Một bên thù bực lửa và đầy sát khí ngút trời trong “ Bắt đi” của Tố Hữu:

Đại bác ta sau rèm tre ngoảnh cổ

Trông xuống khoanh đôi nọ

Ngon như một đĩa thịt bò tươi

Ở kia chúng nó đang cười

Cười đi nhé các con ơi rồi chết...”.

....(hết trích)

Khác! Rất khác, với những người bên kia. Người lính miền Nam cầm bút không dùng thơ văn để cổ xúy giết người. Và xem mạng sống con người không giống như “ một đĩa thịt bò tươi” ngon lành đang chờ dọn cỗ , chỉ chờ những viên đạn đại bác bắn tới để xé toạc thân xác của đối phương ra, mà: *cười đi nhé các con rồi sẽ chết.*

Khác! khác xa. Bởi người lính cầm bút miền Nam xem cuộc chiến này như một cuộc “ *rong chơi* ” theo ý thơ

của Nguyễn Bắc Sơn, và: “ *ta bắt trúng người vì người bạc phước, vì căn phần người xui khiến đó thôi* ”.

Cho nên cái tính nhân bản, nhân hậu trong văn chương người lính cầm bút miền Nam vẫn còn ghi đậm nét trong lòng người dân. Và nhất là, làm sao, gọi lại cho những lớp người trẻ hôm nay, trong và ngoài nước thấy được tính nhân bản, nhân hậu trong mỗi bài viết trước 1975; mà chắc chắn lớp trẻ hôm nay khó...mà tìm đọc được. TQBT chúng tôi không dám mang tham vọng làm sống lại dòng văn học cũ; vì chúng tôi chỉ là một nhóm người “ rất nhỏ ” lại mỗi người ở mỗi nơi, công ăn việc làm không lấy “ văn chương chữ nghĩa” làm nguồn sống chính, mà phải làm nhiều ngành nghề khác nhau để kiếm sống(trong và ngoài nước). Có chút thời giờ rảnh rồi ban đêm là làm TQBT để tìm, để đọc lại những bài viết của những anh em bạn bè cũ mới, đã tạo nên một TQBT có một sắc thái riêng biệt cho đến ngày hôm nay đã được 22 số.

Tuy nhiên, mỗi khi bắt gặp một tạp chí văn học cũ, một cái truyện cũ, một bài thơ cũ của người lính cũ...chúng tôi như bắt lại được một món “ bảo vật” của chính mình đã đánh mất tự năm nào. Như vừa rồi, anh (nhà văn) Trần Doãn Nho còn giữ lại được một vài tạp chí văn học cũ mang ra nước ngoài. Và, cũng vì bạn bè, anh đã trao lại cho anh Trần Hoài Thư để anh Thư copy in lại tạp chí Văn (số 132): “phượng trong thành nội” gửi tặng bạn bè; với mục đích là khơi lại trong tâm thức của bạn bè dòng “ văn học tự do” của một miền Nam năm nào. Đừng đánh mất nó!

Cũng vì với mục đích đó, TQBT cố gắng làm sống lại những bài viết cũ (dù vẫn còn rất ít) nhưng, cũng đủ để

gợi lại trong tâm thức bạn bè, đọc giả một dòng văn học đầy tính nhân bản- mà ai đó đừng bao giờ quên - của một miền Nam cũ. Và, nhất là của những người lính cầm súng như chúng tôi ít nhiều xin làm sống lại trong số báo 22 này, với chủ đề: *viết trong khói lửa* . Để “vinh danh” những người lính cầm bút đã ngã xuống trong cuộc chiến. Xin thắp cho các anh ấy một nén nhang để tưởng nhớ. Còn những bạn bè còn sống hôm nay thì sao? Xin gợi lại trong tâm thức của mỗi chúng ta những cái gì đó rất “đề thương” của cái thời còn rất trẻ khoát áo trận.

2/

Đọc lại tạp chí Văn, số 132, “phượng trong thành nội” xuất bản ngày 15 tháng 6 năm 1969. Tôi đọc đến trang cuối trong phần giới thiệu sách báo, tôi bắt gặp lại một tạp chí văn học của một người bạn cũ, ký giả Lê Minh, lấy tên cho tạp chí ấy là: Dựng Đất, xuất bản tại Nha Trang. Trước 1975, Lê Minh là ký giả cho những tờ nhật báo xuất bản ở Sài Gòn. Tôi nhớ không lầm là anh viết thường xuyên cho Độc Lập, Quyết Tiến và cả nhật báo Tiền Tuyến của quân đội nữa. Có lẽ vì “kẹt” tuổi lính sao đó, anh đầu quân vào làm lính ở tiểu khu Khánh Hoà. Lúc ấy, tôi với anh Trần Hoài Thư còn đóng quân ở Bình Định, mỗi lần “rủ nhau” về Nha Trang chơi, hai đứa chúng tôi thường ăn, ngủ tại nhà Lê Minh. Nói là nhà, chứ thật ra LM thuê cái phòng gồm có hai căn trên con đường Phan Đình Phùng bên hông toà án Nha Trang để ở. Và, cũng nói ngủ tại nhà Lê Minh cho sang một chút, chứ thật ra là trải chiếu ngủ ở cái phòng khách chật, nhỏ xíu, đủ để kê một cái bàn viết của anh, và một cái kệ sách, báo thật lớn kê sát vách tường. Rất thuận

tiện cho bạn bè mỗi lần ghé đến chơi: ngồi bệt dưới nền nhà, dựa lưng vào vách chỉ với tay một cái là có sách báo đọc... để chờ cơm. Còn phòng bên trong là nơi ngủ của vợ chồng Lê Minh.

Năm 1969, sau tết Mậu Thân, tình hình an ninh vẫn còn “khó khăn”, thế mà hai “thằng lính” chúng tôi vì thèm Nha Trang quá, dù về chơi vài ngày- đoạn đường thật dài từ Bình Định vào Nha Trang- thế mà vẫn qua mất được mấy người lính quân cảnh- Khi ấy, Lê Minh, là lính phải ứng chiến 100% tại các địa điểm trong thành phố, Lê Minh mới dẫn tôi và Trần Hoài Thư vào ngủ qua đêm ở trong những chuồng ngựa của viện Pasteur Nha Trang (đi ngõ sau) bỏ trống, mỗi thằng nằm trên giường bố nhà binh- của lính tiểu khu- mà ngủ. Từ đó, sau này, Trần Hoài Thư ra tác phẩm đầu tay: Nỗi Bơ Vợ Của Bầy Ngựa Hoang, do Ý Thức xuất bản (1969). Vì tôi và THT cùng một tuổi “ngựa”. Nằm ngủ trong chuồng ngựa viện Pasteur mới thấy hết cái nỗi bơ vợ của mấy thằng lính trận như chúng tôi khi về thành phố. Nếu không có những người bạn “văn nghệ” thì có lẽ muốn...đập phá.

Cùng năm ấy, Lê Minh ra tạp chí “văn học thời đàm” Dựng Đất. Đọc lại Văn số 132 thấy lại Dựng Đất, dù chỉ là một bản văn ngắn giới thiệu sách báo. Nhưng nó là một chuỗi những kỷ niệm của tôi với Lê Minh và Trần Hoài Thư. Dựng Đất số 1 gồm có nhiều tay viết nổi tiếng như nhà văn Võ Hồng, thầy Thạch Trung Giả. Rồi đến mấy người lính cầm súng, cầm bút như Tô Đình Sự, Chu Trầm Nguyên Minh, Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Sa Mạc, Nguyễn Âu Hồng, Thế Vũ, Lê Kí Thương, Thanh Hồ, Nguyễn Huy Hoàng, và cả nhà thơ nữ ...Tần Vy nữa. Dựng Đất ra được ba số thì “chết”.

Nhưng là một kỷ niệm khó quên trong tôi, bỗng dưng thấy lại cái tên Dựng Đất trên Văn 132. Hôm nay, những anh em trong Dựng Đất năm xưa ấy cũng đã có người nằm xuống, cũng đã có người bỏ qua phía bên kia, như Thế Vũ trước 1975. Những người đã mất, như thầy Thầy Thạch Trung Giả đáng kính, Như Tô Đình Sự, như anh Nguyễn Huy Hoàng, như Thế Vũ (hình như chết năm 2005 tại Sài Gòn, làm cho báo Thanh Niên và được chôn cất trong nghĩa trang thành phố). Và Lê Minh thì mất cách đây ba năm tại Tháp Chàm trong cái nghèo túng của một người lính vừa cầm bút trước 1975. Và thầy Võ Hồng thì đã quá già (84 tuổi) vẫn còn ở Nha Trang. Tôi không biết được tin anh Chu Trầm Nguyên Minh vẫn còn ở Nha Trang hay không ? Sau tháng tư năm 1975 tôi với anh CTNM và anh Từ Thế Mộng gặp nhau trong trại cải tạo ở Sông Mao. Tám tháng sau thì hai anh ấy được về (giáo chức biệt phái) chỉ còn tôi ở lại cho đến cuối năm 1982 mới được...về. Trong số bạn bè viết trong Dựng Đất năm nào chỉ có tôi và anh Trần Hoài Thư là qua được bên này, vẫn còn giữ liên lạc thường xuyên để làm TQBT.

Nhắc đến Dựng Đất có nhà thơ nữ Tần Vi, em vợ của người bạn tôi: anh Cao Đắc Bữu, thư ký cho nhật báo Quyển Tiến (Tần Vy là em của Mỹ Hảo) mà mấy năm nay tôi vẫn tìm kiếm vợ chồng Cao Đắc Bữu + Mỹ Hảo. Nhưng vẫn biệt tăm.

3/

Ngoài số chủ đề viết trong khói lửa mà chúng tôi nói ở trên. Hôm nay tôi nhận được lá thư từ Bình Định (An Nhơn) của một nhà văn bạn, anh MVL gửi ra cho tôi (

thư viết ngày 7 tháng 10 năm 2005). lá thư dài 6 trang giấy khổ lớn nói rõ và đủ chuyển đi về Nam của các anh lo giúp chúng tôi về “ dự án Y Uyên ” xem như thành công. Trong thư anh MVL nói là không những gia đình của anh Y Uyên (qua chị Tẩu và người em út- anh Vượng -) cũng như bạn bè của nhà văn quá cố Y Uyên (anh Đăng và anh Diễm) rất vui và rất cảm động khi thấy chúng tôi làm việc này. Theo trong thư, chị Tẩu rất hoan hỉ cảm ơn anh em và chị gửi lời hỏi thăm tất cả. Chị bảo: chỉ có tình cảm của bạn văn thơ (nói chung là văn nghệ) là trong sáng, là sâu đậm-còn thì không tránh khỏi sự toan tính, tạm bợ, gian dối của đời thường.

Tượng của anh đã được nhà điêu khắc Phạm văn Hạng (bạn cũ của nhà điêu khắc Đỗ Toàn- người đã tạc bức tượng Y Uyên- Đỗ Toàn đã mất) đứng ra xin nhận làm để hoàn thành lại bức tượng Y Uyên như cũ (dù điêu khắc gia P.V.Hạng rất bận rộn). Nếu tượng Y Uyên hoàn thành sớm thì các anh lại phải vào Sài Gòn một lần nữa để đem tượng về và làm một buổi lễ để dựng tượng lại, có những bạn bè “văn nghệ” cũ đến dự trong vòng “ hạn hẹp” của gia đình và bạn bè.(Các anh sẽ chụp hình và gửi qua cho tôi. Chúng tôi sẽ đi những tấm hình này trên TQBT. Nếu nhận hình sớm).

Cũng cần nói thêm với bạn là: bác sĩ Ninh, vợ của điêu khắc gia PVH rất nhiệt tình động viên chồng cố gắng giúp sao cho thật sớm để hoàn thành bức tượng vì biết các anh ở tận ngoài Trung vào. Chúng tôi, những người đứng ra làm “ dự án Y Uyên ” xin thành thật cảm ơn điêu khắc gia P.V. Hạng và bác sĩ Ninh trong việc giúp chúng tôi để hoàn chỉnh bức tượng của một nhà văn quân đội miền Nam đã nằm xuống trên chiến trường Nora,

Bình Thuận (1969).

(Tin giờ chót mới nhận là các anh vào lại Sài Gòn để đem tượng của Y Uyên về lại nhà, sau khi ĐKG Phạm Văn Hạng đã trùng tu lại nghiêm chỉnh . TQBT 22 phát hành là tượng của anh cũng đã xong như ngày xưa mà các anh em văn nghệ miền Trung đã đúc tượng khi anh nằm xuống- đọc bài Cà Kê ..Nam Du của NG~).

Cà kê... Nam Du

Ng~.

Như vậy cuối cùng thì bức tượng đồng Y Uyên cũng được phục chế hoàn chỉnh.

Bao nhiêu những lo lắng pháp phông của anh em đã được điêu khắc gia PVH và các môn sinh của anh đêm ngày đúc khuôn. Đúc và xóa và đúc chỉ với hai lỗ tai thôi (đã bị kẻ trộm cửa mất cách đây hơn ba mươi năm ở nghĩa trang quân đội Hạnh Thông Tây) nhưng quả thực là khó tạo được vẻ thật của nó lúc ban đầu mà điêu khắc gia Đỗ Toàn cùng anh em văn nghệ ở Tuy Hoà đã bỏ khá nhiều công sức như một tấm lòng với người bạn văn quá cố.

Hôm tôi đến nhà lần đầu, nhìn bức tượng bị mất hai lỗ tai, nhà văn Bùi Đăng (tác giả truyện dài Cúi Mặt dâng nhiều kỳ trên Bách Khoa, sau in thành sách) thăm thi: “may cho mày Uy ạ, mày mất hai lỗ tai để khỏi phải nghe những điều trái khoáy”. Và sau khi anh PVH nhận lời phục chế, cậu Vương (em út Y.U) đưa bức tượng từ bàn thờ xuống, nói đùa như thật: “Anh ngồi nhà lâu quá,

bữa nay anh L. anh H. và em đưa anh đi dạo phố chơi chút, sau đó “tút” lại cho anh đẹp trai như ngày nào”. Chúng tôi bật cười với một chút ngậm ngùi cay đắng.

Giờ thì bức tượng đã hoàn chỉnh, đặt trang trọng trên bàn thờ anh. Nhưng tấm hình thì nhiều vết hoạn ố thời gian. Tôi đề nghị gia đình cho tôi mang đi tiệm photostat lại. Vậy là Y Uyên cùng tôi lên xe máy rong chơi phố Sài Gòn giữa trưa nắng. Anh nhìn thấy gì và cảm nhận được điều gì trên những con phố anh em mình đi qua, qua từng ấy năm? Những thay đổi ồn ào, những nhốn nháo lộn cộn trong đầu mỗi người hụt hơi bởi những đòi hỏi vô tận vô cùng. Anh vào tiệm làm đẹp lại chút xíu nhân dạng mình trên tờ giấy ảnh. Còn tôi thì ngồi bên kia đường với vai bia đen ngó sang như ngày nào anh ngồi hút tót, tôi ngoài quán cà phê vỉa hè đợi anh vậy. Anh em mình vẫn gần nhau mà. Vẫn có những khoảnh khắc đợi chờ và tương ngộ và biệt ly. Không. Không thể là biệt ly mà là chia tay. Rồi chúng ta sẽ lại gặp nhau. Cuộc đời là một vòng xoay. Cuộc đời là sự chấm dứt trước và sau. Trở về với cát bụi, vô thường, có và không giữa những vòng xoáy của một hành trình thăm thăm những hố đen ngòm. Nhân dạng anh khoảnh khắc lại trở về với chốn cũ ngày nào. Dẫu cho đó là một khoảnh khắc không thật. Nhưng dẫu sao khuôn mặt anh, nụ cười rất trẻ thơ của anh làm tôi bồi ngùi nhớ lại những ngày xa vắng, rực rỡ những sắc màu của tuổi thanh xuân, của những ước mơ chưa toại lòng.

Anh vĩnh viễn ra đi nhưng anh vẫn còn đó với anh em, trong lòng anh em quý mến, trân trọng anh. Chỉ tiếc là hơi quá sớm quá vội vã khiến anh em không thể đọc tiếp những tác phẩm tuyệt vời của anh về thân phận con

người trong thời dẫu biển. Giờ thì anh và tôi và hai người bạn văn trẻ từng ngưỡng mộ anh lại rong chơi với một chút quá khứ mịt mờ. Lại vào quán ngồi uống bia với anh. Tấm ảnh chân dung lồng kính đặt trên ghế đầu như thể anh vẫn là Y Uyên của ngày nào. Anh em nâng cốc mời anh. Những vại bia lưng dần với chút bồi hồi se thắt. Anh mỉm cười nhìn chúng tôi như ngày nào anh thắng canh bạc xì phé, gọi chúng tôi vào quán Mỹ Châu Thành uống ly la ve nói chuyện làm báo văn chương. Cái quá khứ la đà kéo theo cơn say lúc nào chẳng hay để sáng nay đứng trước bàn thờ thấp anh nén hương tưởng nhớ. Anh em bạn bè gia đình anh đứng lặng trước bàn thờ nhìn sững vào bức tượng và tấm ảnh chân dung. Anh vẫn như xưa, nhưng có điều là không thốt lên lời nào với những người thân và bạn bè anh đang còn bơi lội trong chốn trầm luân. *Tôi đặt tập TQBT số tưởng nhớ anh và tập truyện của anh dưới chân tượng.* Tấm lòng của anh em đó anh. Sự thương nhớ của anh em trong ngoài nước gửi trọn lòng thành qua từng trang sách mà anh em góp lại trên các số tạp chí cũ gò lưng ra người đọc người đánh máy người layout người in đóng xén để gửi về anh. Hình như khoe miệng anh hơi dần nở ra với sự hài lòng, tôi nghĩ vậy khi nhìn chăm chăm lên tổng thể của bàn thờ anh. Những đoá huệ trắng, tulip trắng trong lọ cũng rưng rưng cảm thông. Tôi lại nghĩ, nếu bây giờ anh còn cười nói với anh em thì không rõ tóc anh đã nhuộm màu bạc trắng như mái tóc chị Mỹ chưa? Mối tình đầu mấy chục năm qua chị vẫn trân trọng mang theo bên mình và hôm nay, lần đầu tôi nhìn thấy chị bằng xương bằng thịt (chứ không phải nhân vật Mỹ trong truyện ngắn nào đó anh viết).

Không, Không ai quên anh được, mãi mãi sau này. Tôi chỉ có mỗi một băn khoăn là có khi nào những kẻ thù đã từng chĩa súng bóp cò vào người anh cảm thấy hối tiếc đã huỷ diệt một tài văn không? Chắc là không vì đó là đạn bom giữa chiến trường.

Không sao, anh em bạn bè và độc giả mến mộ anh vẫn luôn ở bên anh./

Rong Bút

Trần Hoài Thư

Một

Viết dưới trời khói lửa

1. **Xin** được gửi đến em - người bạn đọc trẻ chưa biết thế nào là chiến tranh - những trang báo Văn, Khởi Hành, Ý Thức cũ trước 1975 như những trang chứng từ của một thời bình lửa, mà ba mươi năm qua, chúng ta không thể tìm ra, dù trong hay ngoài nước. Nếu có tìm ra, thì cũng phải vào thư viện đại học Mỹ hay nhờ bạn bè lục lọi dưới đáy thùng carton mốc lạnh. Để em hiểu chúng tôi phải viết như thế nào khi chính chúng tôi là những người lính chiến đấu ngoài mặt trận.

2. Có phải người lính vừa đánh giặc vừa viết văn có hai con người trong họ. Khi cầm súng họ là người lính như mọi người. Và khi cầm viết họ trở lại con người đích thực.

Vì là con người, cho nên qua chữ nghĩa của họ, tính nhân bản được biểu lộ hơn bao giờ...

Vì là người lính cho nên họ đã chịu những số phận như bạn bè đồng đội của họ.

Có người vĩnh viễn ra đi. Có người bị tàn phế. Có người bị lịch sử đá lên đá xuống tới tả tả tới.

Cuối cùng, văn chương và cả họ đều biệt tích...

Bởi vì biệt tích nên rất khó mà tìm lại đứa con bất hạnh. Như những bài thơ của Trần Như Liên Phương, bút hiệu quá quen và quá dễ thương của nền văn chương thời chiến mà TQBT mong được đi trên số *Viết dưới trời khói lửa* này. Ngoài nước thì vô phương, còn trong nước bạn bè thì lục lọi khắp nơi, nhưng cũng không hơn không kém.

May tìm được một bài văn độc nhất của Trần Như Liên Phương được ký dưới bút hiệu Hoàng Yên Trang. Chúng ta không thể ngờ TNLP còn viết văn nữa. Nhưng sáng tác này lại là đầu tiên và cuối cùng của anh: Khi truyện lên khuôn thì tác giả đã tử trận ở Đồng Tháp.

Như vậy, mỗi sáng tác của người viết trẻ mang bộ đồng phục thời ấy ít nhiều mang dấu hiệu của một chúc thư cũng nên. Bao nhiêu điều bất an sẵn sàng bủa chụp. Bởi vậy trong hầu hết những sáng tác viết về chiến tranh của họ, đoạn kết luôn luôn là một nỗi buồn, hay bi thảm..

Truyện *Buổi Dừng Quân* của Lê Bá Lăng đi trong số này (trích lại từ Văn năm 1969) cũng không tránh được ngoại lệ. Nó nói lên tất cả những bi thương nhất, tàn nhẫn nhất về một cuộc chiến. Tàn nhẫn như chuyện người lính vô tình bắn vào thi thể bạn mình. Đau thương

như người dân giữa hai lần đạn. Phấn trắc lừa dối hiểm độc của người dân trong vùng sông đầu. Bị thảm như niềm ước mong của người lính tên Nuôi: Súng súng và súng. Ráng kiếm súng để nhận được phép thăm vợ con. Và cuối cùng là lá thư gửi về vợ chưa gửi được tìm thấy trên xác của Nuôi:

...Ông (trung đội trưởng) nhân đạo quá. Đ.m, Việt-cộng nó giết mình như ngoé mà bắt được thằng nào ông cũng cấm đánh đập. Anh thương ông quá chứ không thì anh xin qua tiểu đội quân báo rồi.

Đó là việc đồi xữ với tù binh. Còn có biết bao nhiêu chuyện trên chiến trường, trên những vùng đất đầy tai họa, mà người lính bấy giờ là chúa tể có quyền bắn giết sinh sát:

...Chúng tôi không thể liệng lựu đạn xuống hầm một cách điên cuồng mà phải nạt, phải gào, phải dọa, để đám dân, gồm đàn bà, con nít, từ dưới hầm, chui lên, để họ còn được sống. Chúng tôi không thể đá vào người đàn bà có bầu, dù biết rằng tác giả cái bầu kia là một tên du kích... Chúng tôi dí nòng súng vào bụng tang ông già, bà lão, dọa bắn, nhưng không thể bóp cò. Chúng tôi muốn đốt hết nhà, muốn phóng hỏa cả làng để trả thù, nhưng chúng tôi cũng đành bất lực. Chúng tôi phải chiến đấu trong sự dằn co của lương tâm và thù hận. Trời ơi, những câu hỏi và những câu hỏi. (1)

hay:

...Tôi đã bất lực. Tôi đã đầu hàng. Bà lão ấy là mẹ của kẻ địch. Người đàn bà có bầu ấy là vợ của kẻ thù. Đứa con nít ấy là con của kẻ địch. Tôi biết họ. Những người lính trong trung đội tôi cũng biết vậy. Họ chờ đợi tôi.

Nơi này, tôi là vua là chúa có quyền sinh sát. Nhưng tôi không thể. Mái tóc bạc phơ của bà lão. Cái thai vô tội, hay cô thiếu nữ đang ở tuổi thanh xuân... Chẳng thà họ lấy súng bắn chúng tôi trước. Chẳng thà họ có dấu hiệu gì để chống lại chúng tôi. Nhưng họ ngồi im lặng trên sân. Mắt không sợ hãi mà ương ngạnh. (2)

hay

Nhớ hôm bắt được em Việt Cộng

Xinh đẹp như con gái Sài Gòn

Ta nổi máu giang hồ hảo hán

Gật đầu ra lệnh thả mỹ nhân (3)

3.

Dù phản chiến hay hiếu chiến, dù không thích mang bộ đồng phục hay thích màu áo lính, khi ra trận, nếu không tuân theo đám đông thì bị đào thải. Cá nhân bấy giờ bị triệt tiêu, trở thành một con số zero. Khi được lệnh xung phong, dù sợ hay không sợ, hai chân người lính cũng phải chạy, cổ họng phải gào, phải rống, ngón tay phải chạm vào lẫy cò, cặp mắt phải láo liên, lỗ tai phải căng ra, mũi phải cố gắng đánh mùi tai hoạ. Nếu không bắn người thì người bắn ta... Không nghe lệnh ư. Ra tòa án mặt trận. Run sợ ư, cầm trái lựu đạn ra cách xa phòng tuyến 500 thước nằm chơi một mình trong đêm tối. Kích canh ngủ gật ư. Hãy bơi đầu nhì thiên đường vào mắt để nở tròng cay xé. Không thể làm dấu thánh giá, hay đọc kinh siêu độ trước khi bóp lẫy cò.

Nhưng sau khi trận đánh chấm dứt, tâm người lính trở thành tâm lành. Người lính trở lại bản chất của con người. Người lính thấp những nén nhang lòng lên người

quá cố. Người lính lấy poncho trùm phủ những xác chết bị trúng đạn toát lóat dị hóm. Người lính nhìn tên tù binh, thấy hình ảnh mình ở trong đó. Hắn cũng có mẹ già người yêu chờ đợi ở phương trời như người lính. Người lính bỗng thương hại. Và người lính bèn mời tên địch điếu thuốc.

Người lính không phải là ông thánh, nhưng tự trong bản chất, trái tim của người lính đã mọc những hạt thánh thiện rồi.

Đấy. Sự khác biệt của người lính Nam và lính Bắc là thế.

Một đảng chỉ biết căm thù căm thù và căm thù.

(Căm thù trên hầu như tất cả tác phẩm viết về chiến tranh của miền Bắc. Và ngay cả tác phẩm Nhật Ký của Đặng Thùy Trâm, một nữ bác sĩ đã nằm xuống trong chiến tranh, mới được phổ biến gần đây)

Và một đảng thì:

Ta bắn trúng người vì người bạc phước

Vì căn phần người xui khiến đó thôi.

(Nguyễn Bắc Sơn)

Hai

1. Những bài hát miền Nam trước 1975 đã một thời theo tuổi trẻ anh lính dên...Ngày xưa lính dên cùng cô hàng cà phê hay cô gái Thượng. Ngày xưa hỏi em em xa xứ. Hỏi anh anh xa nhà. Mời em vào quán nhỏ. Uống vào mây trời xa. Ngày xưa, tiếng hát khứa đau thật sự, như Ngàn trùng ngăn cách mà không đêm nào lại không

trỗi lên từ rạp chiếu bóng của thành phố em. Trong gió, tiếng hát của Lệ Thu khi thì rõ khi thì yếu. Khi thì bị át trong tiếng mưa. Khi thì lại vang vọng như dội vào tường vách. Đêm miền núi sao thấp như thể trên đầu. Trở về lại phòng cư xá, vườn ngát ngào hương sứ. Không cần mở cửa vì cửa kính đã vỡ từ lúc nào. Và tiếng hát lọt vào phòng. Buồn không thể tả.

Bây giờ tiếng hát không làm cửa đau mà chỉ là một phương tiện để giải trí hay để dỗ dành giấc ngủ. Càng lớn tuổi hình như ta càng làm khó cho chính ta. Có phải ? Ngày xưa ra trận, mủ nhẹ nên coi đời cũng nhẹ. Trước mặt là thù. Dưới chân là mìn bẫy. Trên cành là lựu đạn gài. Và trong không khí là có thể những đôi mắt rình mò, nhắm lỗ chiếu môn chờ đợi bóp cò. Ngay cả ngòi quán bên đường cũng có thể có một trái lựu đạn được tung vào... Như vậy, sao ta lại quá dễ dàng với cuộc đời đến thế. Thuốc lá cà phê rượu đàn bà bạt mạng.... Lúc ấy sao thân ta lại nhẹ tênh đến như thế dù trên lưng súng đạn ba lô nặng trĩu...

Bây giờ thì khác. Không gì hết mà tại sao lại nặng trĩu vậy cả. Mới hắt hơi cũng thấy lo. Mới xây xẩm mặt mày thì cũng thấy sợ. Thèm thuốc đến độ nước miếng cứ trào mà không dám hút... Rượu quý đắt tiền cũng không dám uống nhiều... Lại thêm những màu đen màu đỏ, những ràng buộc nợ kia... Như nhân vật của bức tranh của Trần Quý Thọaai trên TQBT 10. Những sợi dây hệ lụy kéo ngang kéo dọc kéo tới kéo lui bắt hấn mệt ngất.



May mà còn có tiếng hát của cô. Cô thay mẹ à ơi. Cô thay em dỗ dành. Cô thay bà tiên vỗ về đẩy đưa cái tao nôi qua ngày qua tháng. Cô là Khánh Ly, Lệ Thu. Mai Hương, là Lê Dung, Ánh Tuyết, Bảo Yến, là em. Mất nhấm lại. Đừng suy nghĩ nữa. Suy nghĩ cả đời rồi. Làm khó cho mình có ích chi chứ. Như lời ca Bảo Yến hằng đêm đưa ta vào giấc ngủ: *Anh đến thăm. Áo anh mùi thuốc súng. Ngoài trời mưa lê thê...* của Chiều Mưa Biên Giới (Nguyễn văn Đông) hay *Em hỏi anh bao giờ trở lại của Kỷ Vật Cho Em*(thơ Linh Phương, Phạm Duy phổ nhạc) hay *May mà có em đời còn dễ thương* (thơ Vũ Hữu Định, Phạm Duy phổ nhạc)...

2. Cuối cùng, chúng tôi vừa in xong tập thơ *Kỷ Vật Cho Em* của Linh Phương (VN) mà chúng tôi đã sưu tập được. Tập thơ này được Động Đất xuất bản vào năm 1971. Bài thơ nguyên tác *Kỷ Vật Cho Em* đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ thành ca khúc, rất quen thuộc với chúng ta trong thời chiến và ngay cả bây giờ. Giống như tập thơ Chiến Tranh VN và tôi của Nguyễn Bắc Sơn, tập KVCE đã đi vào cùng cõi hư vô tro bụi, chịu chung vận mệnh oan nghiệt của lịch sử. Chúng tôi xem đây là việc làm cần thiết để giữ gìn một

di sản văn chương. Vì tập thơ này in rất hạn chế, quý bạn nào thích xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Chúng tôi sẽ biểu tặng.

(1) (2) *Đánh giấc tại Bình Định* (Trần Hoài Thư -Tập truyện Thư Ấn Quán xb, năm 2002)

(3) *Hành Quân* (Linh Phương –Kỷ Vật Cho Em – thi tập, Thư Ấn Quán tái bản 2006)

Muse

Cao Vị Khanh

Lần nào cũng vậy, dẫu mưa hay nắng, trong suốt những kỳ giảng khóa về văn chương Âu châu ở đại học Cornell (New York) vào những năm 50, khi nhà văn Vladimir Nabokov (tác giả của cuốn tiểu thuyết Lolita đã một thời làm chấn động dư luận thế giới) lên giảng đường, là người ta thấy, lặng lẽ như một chiếc bóng và điềm nhiên như y hên từ đời nào, người đàn bà thanh mảnh, mắt xanh tóc vàng như trời và nắng Bắc Âu, đến ngồi ngay giữa hàng ghế đầu hoặc hơi chếch về bên trái chút xíu, không xa lắm bục giảng mà cũng không gần lắm...

Rồi thì là, mắt gần như không bao giờ rời thuyết giả, tay chăm chú ghi chép không sót một lời hoa mỹ của vị giáo sư hùng biện vừa là nhà văn với nghệ thuật ẩn dụ xuất chúng...

... có khi với nhặt giùm viên phấn mà ông ta vừa vụng tay đánh rớt...

... có khi nhắc giùm một trang sách mà ông ta cần dẫn chứng, hay một câu thơ trong lúc bất cập ông ta lỡ quên...

Bài giảng chấm dứt, người đàn bà có khuôn mặt sáng ngời với phong cách rất thanh lịch đó đi vội lên lau bảng, rồi đứng nép qua một bên, nhẫn nại chờ cho xong xuôi hết những câu hỏi đáp giữa ông thầy và đám sinh viên hiếu kỳ...

Như một cái bóng. Cái bóng được hiểu bằng cả hai nghĩa, đen và trắng.

Il était une fois... khi chàng 24 tuổi, họ gặp nhau và nàng phải lòng ngay " người thi sĩ trẻ tuổi và đẹp như thiên thần" khi cả hai đang phải bỏ nước lưu vong sang Âu châu vì cuộc cách mạng sô-viết. Như một rắp tâm của định mạng, nàng quyết lòng chinh phục và giữ làm của riêng cái trái tim rất dễ-vỡ của chàng. Bằng cách nào ? Dễ ợt ! Vốn là một thiếu nữ xinh đẹp, thông minh lại thích thơ và làm thơ từ nhỏ, nàng cứ đọc vanh vách mấy câu thơ của chàng thi sĩ trẻ tuổi tài hoa và nhiều cao vọng đó là xong.

Và... như vậy rồi bắt đầu cho một cuộc sống chung kéo dài mấy chục năm, cũng giống như bất kỳ một cuộc-sống-chung-mấy-chục-năm nào khác. Tuy nhiên ở đây có điều khác hơn là nhân vật chánh không chết từ trang đầu của cuốn tiểu thuyết ngàn trang theo kiểu nói giỡn (mà đúng ?) của ai đó về ý nghĩa của hôn nhân. Mà ngược lại, nhân vật chánh ở đây lại thăng hoa lên thành một tay kiệt xuất ... trong văn chương.

Thần thoại Hy Lạp và La Mã đều có nói đến chín người con gái, kết quả của chín đêm ân ái giữa thần Zeus và nữ thần Mnemosyne. Mỗi người là kết tinh của ý nguyện phá-sâu-thành của mẹ trong chín lần phối ngẫu với cha nên từ khi được sanh ra họ chỉ nguyện được ca hát cho đời vui trên đỉnh Olympe quanh năm tuyết phủ. Có phải tiếng ca đem đến niềm vui, tránh xa nỗi buồn nên tâm ý của họ có phải là ý nghĩa khởi đầu cho cảm hứng làm nghệ thuật... Chín người con gái vì vậy được phân vai hiện thân cho chín ngành nghệ thuật thời cổ là thi văn, âm nhạc, ca kịch, vũ điệu v.v... Người ta gọi đó là Les Muses.

Trong tiếng Pháp, danh từ này lại đôi khi được gán ghép một cách thơ mộng cho những người đàn bà đã đóng một vai trò nào đó, công khai hay lén lút, vẫn có giá trị quyết định trong đời sống sáng tác của một nghệ sĩ.

Từ khi gặp gỡ rồi yêu nhau rồi lấy nhau rồi dắt nhau qua bao nhiêu đoạn thẳng trầm của đời sống, có bao giờ Véra và Vladimir Nabokov thắc mắc về sự liên hệ khít khao giữa hai người.

Có thể cái tình hình chính trị hết sức rối rắm và cái đời sống quá sức tất bật của những kiều dân trên bước đường lưu lạc, hết chạy trốn cộng sản Nga tại chính quê hương qua Anh qua Đức, đến chạy trốn phát-xít bỏ Đức sang Pháp, rồi rời Pháp qua Mỹ... đã không cho họ có thời giờ ngạc nhiên về sự gắn bó lạ thường của hai người trẻ tuổi, trí thức, nghệ sĩ và cao ngạo như nhau.

Chỉ thấy đó là một cuộc kết hợp tuyệt vời của một nghệ sĩ và "nàng-thơ" của mình, một thứ muse hóa thân với mùi thơm da thịt.

Nabokov viết văn, làm thơ, dạy học... việc nào cũng có Véra ở trông. Bà chấm bài học trò, soạn thảo giáo trình... đánh máy bản thảo, sửa lỗi chính tả, tra cứu tài liệu, giao dịch với nhà xuất bản (toàn là những việc nhàm chán) và cũng là người đọc giả đầu tiên những trang viết còn thơm mùi mực... đôi khi cả những trao đổi phê phán... Người đàn bà rất thông minh sắc sảo lại không thiếu phần tài hoa đó bỗng tự xóa mình thành một cái bóng. Một cái bóng rất mờ. Mà lại in rất đậm lên suốt quá trình sáng tạo của người đi bên cạnh. Đó là chưa kể đến những việc vụn vặt mà cần thiết trong đời sống hằng ngày bà cũng làm nốt. Ồ, những việc hết sức cần thiết dù rất nhỏ nhặt đó đôi khi lại trở thành phức tạp vô cùng cho mấy cái đầu óc vốn lừng lững trên mây. Làm như bà biết người chồng của bà dư sức thêu hoa dệt gấm mà lại vụng về vô cùng trong việc giặt giũ, nấu bếp hay xách giỏ đi chợ vậy đó. Bà dành hết cho bà. Để mặc ông lang thang trong cái thế giới văn chương lãng đãng của ông. Tấm lòng bà bao dung ông đến nỗi có lần một cô sinh viên Mỹ phải kêu lên giùm là nô lệ. Mà có là nô lệ hay không, người đàn bà kiêu kỳ đó ?

Trong mấy pho truyện kiếm hiệp của Kim Dung có những tình bạn tri kỷ tri âm đến lạ đời. Như cái ông gì đó của chính phái mà lại giao du hết sức thân thiết với một ông ma đầu bất kể mọi luật đời ngăn cấm chỉ vì mê tài đàn sáo của nhau. Để đến nỗi khi bị phát giác phải chịu cảnh thân bại danh liệt, đành chịu tự sát mà đền đáp ân tình. Mà nếu nghĩ cho cùng, kiếp này có mổ bụng cũng cam, khi mà trong cái cõi nhân gian mệnh mông này

ông tìm ra được đâu kẻ thứ hai để tiếng đàn thánh thót của ông được nhập làm một với tiếng sáo vi vu của người. Cũng kiểu như khi Bá Nha gảy khúc lưu thủy thì Tử Kỳ nghe ra nước chảy miên man, mà gảy khúc hành vân thì tri âm nhìn ra mây bay cuộn cuộn. Phải đồng cảm như vậy thì khúc Phượng cầu hoàng của Tương Như mới làm cho Trác Văn Quân cuốn gói đi theo. Mà đã đi theo thì có sá gì ba cái chuyện lật vật mà không gánh đỡ được cho nhau. Phải không ?

Véra, người đàn bà định mệnh của Vladimir Nabokov thật ra đâu có phải gái nhà quê nhà mùa gì mà dễ dàng xỏ mũi. Bà cũng là trang phong lưu khí cốt, chữ nghĩa uyên thâm lại thêm sành nhiều thứ ngoại ngữ không kém gì ông. Ngay cả trong khi giảng dạy, có lắm khi, bà còn phải nhắc tuồng cho ông mỗi khi cái đầu tham bác đó dễ chứng bị trục trặc. Cũng có khi chính bà đã phải trì kéo ông lại với văn chương khi con người nhiều đam mê đó sa đà qua một đam mê khác chẳng hạn như cái thú mãi mê xách vợt đi bắt bướm. Đã có bao nhiêu lần bà kiên nhẫn lặn lội theo ông trên những đồng cỏ ngút mắt, những vườn cây rậm rạp, những nẻo lộ quanh co chạy đuổi lảng quăng theo những cánh bướm trên ghẹo... Nhìn bằng con mắt thường tình thì dường như bà đang là cái bóng lẻo đẻo theo ông... Nhưng có chắc vậy không, ở cái chỗ mà nhân-gian-không-thể-hiểu!

Còn biết bao nhiêu chuyện mà nhân-gian-không-thể-hiểu trong cái đời sống hằng ngày rất mực bình thường của họ (mà thật sự không bình thường chút nào). Thử

nghĩ đến một-ngày-trong-đời-Vladimir-Nabokov. Giả sử một buổi sáng chuyển mùa nào đó, có một chút gì đó cửa cửa mình trong khoảng trời đất mênh mông làm ông bỗng giật mình dậy sớm hơn mọi khi, bà thì vẫn còn rút mình trong chăn nệm còn ấm hơi đôi lứa... rồi ông nhòm mình nhìn qua cửa sổ và chợt thấy nguyên một khối hừng đông đỏ rực, chiếu hắt cái ánh sáng lạ kỳ lên cả một vùng Adirondack còn chập chờn sương núi, ông sung sướng như mới vừa được tắm gội bằng mưa móc của thiên nhiên, ông la lên và gọi bà dậy... thử tưởng coi nếu bà giật mình nhướng mắt rồi bực bội chui lại vào chăn mà không quên cầu nhàu phán cho một câu... có-vậy-mà-cũng-làm-người-ta-mất-ngủ-! thì thử hỏi sẽ tội tình cho ông biết mấy. Và biết đâu mấy cái tứ thơ vừa mới chờn vờn trong đầu ông cũng đâm ra tắc tị. Và như vậy lại càng tội tình biết mấy cho văn chương. May mắn lắm dường như không phải vậy. Hình như là bà đã sung sướng theo ông, choàng dậy, khoác cái áo ngủ lên người và nhẹ nhàng (nhớ là nhẹ nhàng) đến đứng lặng (nhớ là chỉ đứng lặng) bên ông và cùng ngắm cùng chia sẻ với ông cái giây phút hiếm hoi được giao hòa cùng trời đất. Chính là những giây phút đó, những giây phút nghe ra không làm no được như một miếng bánh mì, không làm ấm được như một chiếc áo, chính là cái nút thắt gút của sợi giây đã buộc chặt hai người lại làm một. Chính những giao cảm tuyệt vời đó đã đóng một vai trò không nhỏ trong cái nguồn cảm hứng vô tận của văn nhân. Rồi ... khi-chén-rượu-khi-cuộc-cờ-khi-xem-hoa-nở-khi-chờ-trăng-lên... Tới chỗ này thì lại phải bắt chước Nguyễn Khuyến mà tán thán thêm nữa. Rượu-ngon-không-có-bạn-hiền-không-mua-không-phải-không-tiền-không-

mua. Ở thì rượu nào cũng là rượu, sao lại có thứ rượu-bạn-hiền. Mà điều ngẫm nghĩ thì cũng phải. Rượu có khi cạn-ly-đầy-rót-đầy-ly-cạn mà không ăn nhằm gì. Có khi mới nhấp môi đã thấy đắng ghét mà chào thua. Trắng mười sáu có khi nhìn thấy nằm-sóng-soãi-trên-cành-liễu. Có khi mới dòm đã thấy lằng nhách vô duyên muốn bỏ mà đi ngủ quách cho rồi. Cái chỗ khác nhau chính là cái chỗ có cùng-người-đồng-điệu hay không. Tửu-phùng-tri-kỷ-thiên-bôi-thiếu là như vậy. Mà lung-linh-bóng-sáng-bống-run-mình cũng là vậy đó.

Rượu là rượu hay rượu chỉ là hèm

Trắng là trắng hay trắng chỉ là cái vệ tinh quay vòng vòng trái đất.

Khổ nỗi cái số người uống rượu thì nhiều mà tìm cho được cái người cùng đối ẩm thì ít. Lý Bạch nhảy xuống sông vớt trăng chỉ có một, nên tìm được kẻ đồng tình cùng đứng trên bờ mà ngắm con trăng xẻ làm hai cũng khó lắm thay. Huống hồ gì hai ông bà đã vừa tầm vừa cỡ lại đồng điệu đồng tình đồng tâm đồng cảm đến quên nhau như vậy thì cũng khó mà nói ai theo ai cho được.

Cho nên nếu chỉ nói Véra theo ông thì cũng e có điều oan ức. Vlad còn theo bà nữa chứ. Mà hể đã theo nhau là theo cho bén gót. Đã lụy nhau là lụy cho chìm châu. Hồng nhớ Chu Mạnh Trinh đã có lần nói sao. Danh-sĩ-với-giai-nhân-cùng-một-kiếp-hoa-nghiêm-nặng-nợ (nhau !) mà.

Đã có lần Véra tuyên bố bà ta là độc giả ái mộ số một của nhà văn Nabokov. Trước hết và sau cùng, người độc

giả Véra hẳn là người thưởng thức trọn vẹn nhất và thấm thấu tận tuyệt nhất nét tài hoa của tác giả Nabokov. Cái lối giao tình của họ y thể như của những bậc cao nhân lúc đời chưa tục lụy, lòng người ta còn trong vắt như hai tấm gương phản hồi. Một hơi xao tấm lòng này cũng làm mấp máy cõi lòng kia. Văn chương của Nabokov như một vũ trụ đầy sao hẳn đã nhấp nháy trong lòng Véra những vòm đêm huyền diệu. Chữ nghĩa thì cũng giống như cái ống kính vạn hoa, xoay trở trăm bề rồi bề nào cũng cho mình cái chỗ đáng ngó. Từ tình yêu thế tục tìm ra tình yêu thăng hoa (hay ngược lại) hẳn không là điều thú vị lắm sao. Con mắt xanh của bà đã nhìn ra thiên tài giữa cõi thế nhân lúc nhúc thì đành đoạn gì mà bạc đãi người theo hạng lục lục thường thường. Uổng lắm chứ ! Người ta vẫn thán phục nhà văn Nabokov về một trí tưởng tượng ngoại hạng, một óc phê bình sắc bén và những trò chơi chữ kỹ xảo như phù thủy điều khiển âm binh... Người Anh người Pháp người Mỹ đều công nhận phần đóng góp sáng tạo của nhà văn Nga lưu vong này cho mỗi nền văn chương của riêng nước họ. Lolita đã gây ra chuyện nhức đầu cho mấy nhà đạo đức nhưng rồi ai nấy cũng phải công nhận đó là một kiệt tác văn chương. Thử hỏi có bạn đời như vậy thì tội gì mà không đối đãi cho phải điệu đời nhau.

Cho nên làm gì có chuyện Véra là nô lệ. Chỉ có chuyện Véra là một thứ muse đã bỏ đỉnh Olympe thần thoại về nhập thế chỗ bụi lấm, chẳng những hóa thân thành nguồn cảm hứng mà còn dành làm thân cái cò lặn lội... dút móm, chăm chút, đỡ đần cho người văn chương rảnh tay mà kể chuyện trần gian.

Ta cũng nài tình thương người đồng điệu ! (1)

(1) Chu Mạnh Trinh

Ngày Tạ Ôn

Trần bang Thạch

Những ngày thương khó bắt đầu ngay khi những người di dân đầu tiên, những người Pilgrims, tới Mỹ Châu, thuở đó là vùng rộng lớn mà vô cùng hoang dã. Cái khổ của họ chính là bước đầu cho một nước Mỹ giàu mạnh sau này. Các di dân và thổ dân da đỏ thu hoạch vụ mùa đầu tiên năm 1621. Cũng năm đó Thống Đốc William Bradford của bang New England công bố ngày cầu nguyện và cảm tạ. Đến năm 1623, trời hạn hán, đất đai khô nẻ, những di dân cùng những thổ dân da đỏ họp nhau cầu trời, trời nghe thấy lời nguyện cầu của họ, những cơn mưa đổ xuống giữa cơn nắng hạn. Rồi họ cùng nhau ngồi lại ăn mừng, cảm tạ đất trời. Dần dần ngày Thanksgiving được nhiều nơi công nhận và chính Tổng Thống G.Washington chính thức ban hành ngày Thanksgiving là ngày nghỉ toàn quốc.

Sáng sớm hôm nay, bắt đầu cho ngày nghỉ lễ Thanksgiving, tôi đọc bài báo của Leon Hale. Có lẽ hơn hai mươi năm nay bao giờ tôi cũng rất thích cột báo của nhà báo lão thành này. Chuyện ông viết là những chuyện rất bình thường, rất gần gũi với mọi người; dưới ngòi bút của ông chúng thành những chuyện hay. Ông thấy thế nào, ông nghĩ ra sao, ông thật thà thân mật nói

như vậy với trăm ngàn độc giả của ông, trên nửa thế kỷ nay. Trong bài báo này, trên trang Metropolitan của tờ Houston Chronicle, số ngày Thứ Năm ông Leon Hale nói rằng nếu không nhờ ơn phước nhân ngày Thanksgiving năm nay thì một tai nạn đáng lẽ đã xảy ra cho ông. Rồi ông tỉ mỉ tả sự việc. Đại khái sáng hôm qua khi ông đang lái xe về hướng đông trên con đường quen thuộc, chai nước ông để trên bệng ngồi bỗng lặn xuống sàn xe, ông đạp thắng, dừng xe lại một chút xịu để lượm chai nước. Đâu có ai ngờ chính cái tíc tắc lúc ông Hale dừng xe lại trước khi xe ông tới ngã tư là lúc một chiếc xe đỏ phóng nhanh về hướng nam, vượt bệng stop tại ngã tư. Ông Hale cảm tạ trời đất đã ngăn tai nạn chết người này. Ông cảm tạ cho ông và cảm tạ cho người tài xế lái chiếc xe đỏ, dù người ấy không biết được cái tíc tắc may mắn đó.

Chuyện của ông Leon Hale đã khiến tôi phải giật mình. Chắc chắn hơn hai mươi năm lái xe, hai lượt đi về gồm hơn tám mươi dặm mỗi ngày, ít nhất tôi cũng có được cái tíc tắc may mắn tương tự như của ông Hale; hay chắc tôi cũng có cái tíc tắc may mắn khi mình vượt bệng stop, suýt gây ra tai nạn mà không hay. Rồi tôi nghĩ tới những người thân quen của tôi. Và tôi nghĩ tới những người không quen. Những người còn đang lái xe trên xa lộ mỗi ngày. Tất cả đều bình yên, cho tới sáng ngày hôm nay. Tất cả đều đã vượt qua những cái tíc tắc định mệnh, cho tới giờ phút này. Đó chỉ mới nói về chuyện lái xe. Ta còn biết bao sinh hoạt hàng ngày khác nữa. Không có mảnh sắt vụn vô tình nằm trên phi đạo sân bay New York thì năm năm trước không có tai nạn thảm khốc cho chuyến bay Concorde. Chỉ một hột máu bằng chún nhang

động nơi một sợi thần kinh não cũng đủ đem đi mạng sống của một anh bạn nhà văn của tôi vào một đêm 14 tháng 8 năm 98 giữa lúc văn tài đang hồi sung mãn. Vân vân ...Một chút thiếu may mắn là coi như chấm hết. Có lẽ không có lời nào thích hợp nhất để thưa với Đất Trời bằng lời tạ ơn. Bất chước những người Plymouth colonists và dân da đỏ 384 năm trước, bất chước ông Hale, sáng nay tôi xin cảm tạ những ân tứ mà tôi đã nhận được suốt một năm qua.

Đó là tạ ơn Đấng tối cao đã cho những điều may mắn.

Còn tạ ơn đời, tạ ơn người thì biết bao nhiêu mà nói.

Đời cho ta ngọt bùi để ta hân hoan đi tới và để ta chia xẻ, ta đa tạ. Đời cho ta đắng cay để ta tự bước vào lò nung mà tôi luyện, ta đa tạ. Đời xô ta ngã để ta biết tự mình học đứng dậy, ta đa tạ. Đời quất cho ta những đòn trí mạng rướm máu thịt da để ta biết xót xa và biết chịu đựng, và biết nổi đờn đau của người, ta đa tạ. Sao người ta cứ bảo con người vốn khổ nên chào đời đã có ba tiếng khóc oa oa? Xin hãy nghĩ lại mà coi: Từ một vùng tối , đứa bé bỗng được ra vùng sáng, nó khóc vì sung sướng không được sao? Có ai mà chưa một lần để rơi nước mắt vì một niềm vui ?

Nhân gian không có người nào mang tên là kẻ chán đời, đấy chẳng qua là một tên gọi khác của người yêu đời, người tha thiết với đời mà thôi. Ai đó đã viết: Kẻ tự tử là kẻ yêu đời nhất. Tôi ghét em vì tôi đã quá đổi yêu em. Đời đã cho ta quá nhiều cho nên, nhân Mùa Tạ Ơn, xin được cảm ơn Đời.

Người cũng cho ta quá nhiều, lắm khi không biết phải cảm ơn ai.

Người mang nặng đẻ đau để cho ta chào đời và khổ cực sớm hôm cho ta thành người, dù ta có suốt đời vất vả trèo lên núi cao hay lặn xuống biển thẳm cũng chưa sánh được và cũng chưa thấy được công ơn trời biển ấy. Ta có dịp hầu hạ chun trà, chén thuốc cho Người, dù có trăm ngàn dịp thì cũng chỉ là một giọt nước nhỏ nhoi trong nguồn nước Mẹ chảy hoài không dứt, hay một hạt cát bé tí rên ngọn Thái sơn ngàn năm cao vọi vọi, mặc cho nắng mưa sương tuyết. Ta có cảm tạ hàng ngàn lời, cảm tạ cả đời, phỏng có được bao nhiêu so với tình thương bao la, lồng lộng không bao giờ tính toán, và lòng hy sinh vô bến vô bờ cao ngất trời mây? Người mẹ, người cha thì nuôi con không tính tháng tính ngày, nhưng mỗi phút mỗi giây con đau, mỗi tháng mỗi ngày con khổ là mẹ cha không đếm sót một chút nào; mẹ cha đếm rồi mẹ cha nhân lên gấp bội nỗi khổ trong ruột gan của mẹ cha; mẹ cha đếm rồi mẹ cha thương con gấp ngàn vạn lần hơn. Đời mẹ cha đã hóa thành đời con ngay khi con còn trong cái bào thai chín tháng. Nói về mẹ cha là nói về công ơn trời biển. Xin Cha và Mẹ nhận cho lời tạ ơn này. Rồi những người thân thích, ruột rà, những người bạn thân, bạn quý... nắm tay ta đi trong cuộc đời thương khó; cùng ta cười khóc với niềm vui, nỗi buồn; vực ta dậy khi ta chìm đắm, lao đao; dạy dỗ ta nghe điều hay lẽ thiệt và tha thứ cho ta bao điều lầm lỗi. Ta xin cúi đầu cảm ơn tất cả. Cảm ơn tình người.

Tại sao ta không thể cảm ơn những người đã ghét ta? Những người đã có lần dìm ta xuống vực? Nhân vô thập toàn. Biết vậy tại sao ta trách người đã ghét ta vì cái bất toàn nào đó của ta? Làm như vậy thì biết chừng nào ta mới thành người? Thuốc đắng dã tật. Đang mang bệnh

sao ta nhắm mắt nhắm mày, làm như bị bắt buộc uống chén thuốc đắng; hay ta hàm hồ lén đổ nó đi? Vậy thì bao giờ ta mới hết cơn bịnh mãn tính? Sao có nhiều dấu hỏi nơi câu trên đây quá vậy? Thật ra tất cả là một câu trả lời: Xin được ân cần nghiêng mình cảm ơn bạn, người đã vì ta mà ghét ta. Chắc người không từ chối nhân Mùa Tạ Ơn này.

Nghe được những tin từ quê nhà: các bạn văn đã hoàn thành công việc phục hồi di tượng của nhà văn quá cố Y Uyên, có người đã về Nha Trang thăm viếng và trao tận tay nhà văn Võ Hồng TQBT 21 với những hình ảnh và bài viết về ông. Sự cảm động chắc chắn không thể thiếu trong những tình cảnh này. Tất cả cũng là sự biết ơn đối với những công trình tim óc.

Cuối cùng xin được chào vĩnh biệt và xin được cảm ơn người vừa mới ra đi ngày 24 tháng 10 vừa rồi: Người tiên phong trong phong trào tranh đấu cho dân quyền Hoa Kỳ, bà Rosa Parks.

Cảm ơn mọi người, nhân Ngày Tạ Ơn.



Thơ Viết Trong Khói lửa

LÊ BÁ LÃNG • PHẠM CAO HOÀNG • HUỲNH
HỮU VÕ • TÔ ĐÌNH SỰ • TÔN NỮ KIM
PHƯỢNG •

LÊ BÁ LÃNG

Tao vẫn gặp Màỵ

tao vẫn cứ gặp màỵ
đực

gặp hoài gặp mãi
hai

gặp màỵ trong hầm đen
âu

gặp màỵ ngoài bãi vắng
đổi

gặp màỵ lúc đột kích
gặp màỵ khi xung phong
mong

gặp màỵ sáng thứ hai
gặp màỵ chiều chủ nhật
điên

gặp màỵ lúc chuyển quân
gặp màỵ khi về phép
ảnh

gặp màỵ khóc
vọng

gặp màỵ cười

gặp màỵ kêu gào

gặp màỵ chửi bới

tao vẫn cứ gặp màỵ

gặp ngày

gặp đêm

gặp màỵ khi mưa

gặp màỵ lúc nắng

gặp màỵ khi ăn

màỵ trốn trong buồng

màỵ ngồi ngoài phố

màỵ là thằng

màỵ là thằng

thằng lo

thằng giận

thằng sợ hãi
thằng ước

thằng khùng
thằng

thằng lên cơn
thằng ám

thằng tuyệt

thằng căm thù
thằng đói khát

tao vẫn cứ gặp màỵ

gặp màỵ lúc tỉnh

gặp màỵ lúc say

gặp màỵ co quắp

gặp màỵ ngay đơ

sao tao vẫn cứ gặp màỵ

găp

găp

găp

găp

(viết trên quê hương làm
than) Văn 121.

(viết trên quê hương làm
than) Văn 121.

(viết trên quê hương làm
than) Văn 121.

(viết trên quê hương làm
than) Văn 121.

(viết trên quê hương làm
than) Văn 121.

(viết trên quê hương làm
than) Văn 121.

(viết trên quê hương làm
than) Văn 121.

Người ba mươi ta cũng ba mươi
Kể cũng đã hơn mười năm, xa lắc

Thì vui đi cho hết một đời
Rằng, ta kể trời cho sống sót.

Đôi khi ta mơ một căn nhà trống
Dù thu sang hay lồng lộng buổi mưa về
Gõ trên quãng đời xưa mà hát
Rằng, ngàn năm mây trắng đời ta.

Bạn ta, còn đây lưng chén rượu
Ta mời người cạn nốt cùng ta
Dấu lòng ta bạc hay người bạc
Cũng cầm bằng như bóng mây qua

Cũng như là những giọt máu hồng
Đã nhỏ xuống trong mùa xương máu
Bên trời kia, người nghe gì không
Tiếng ai vọng đau mấy chiều cố xứ.

Trong lòng ta có một giòng sông
Giòng sông xưa đục mù bến nước
Lau lách khuya sương lạnh hàng hàng
Bạn ta hỡi, làm sao quên được.

Ta chợt thấy trong đôi mắt người
Có điều gì người chưa thể nói
Mây vẫn còn giăng trắng một trời
Hồn ta cũng giăng đầy sương khói.

Có nỗi buồn nào đang len trong từng mạch máu
Có mũi nhọn nào đâm trong tim ta từng cơn
Cạn chén rượu thấy trời đất sụp

Ta cũng như người, có vui gì hơn.

Bạn ta, người sống đã bao năm
Mà sương gió đầy trên mái tóc
Ta cùng người đi giữa phương Đông
Đất rộng quá nên ngàn năm còn cô độc

Mây trắng quá và chiều tê tái lắm
Biết về đâu giữa lúc hoàng hôn phai
Ta cùng người, những bóng đời lệch théch
Chiều tan mau rồi vẫn bóng đêm dài

Sống nửa đời chẳng có một quê nhà
Buổi lặn đạn thân gởi nhờ đất khách
Chẳng lẽ ta ôm lòng mà chờ
Chờ một thuở huy hoàng trên mặt đất

Chẳng lẽ ta bắt chước người xưa
Ôm chí lớn đi cùng trời đất
Trăm năm rồi như bóng mây qua
Chí đã cùn nên thiên thu đành chôn chặt

Chẳng lẽ ta học người thất thế
Mượn dấm chén rượu lãng quên đời
Hay ngửa mặt ngâm câu khí khái
Giữa chợ đời lê gót rong chơi

Bạn ta, vui chi mà cười ngất
Buồn chi đập chén vỡ tan tàn
Mây phương Nam có khi mù phương Bắc
Có khi là mây chia cách ngàn năm

Ta có khi đứng bên tuyết lộ
Thấy một màu nắng úa dưới nhân gian
Lớp lớp những mô xanh bóng cỏ
Huyết sâu kia ta đã có phần

Giữa lớp lớp ngựa xe và tiếng động
Giữa trùng trùng kẻ lạ người quen
Ta sống cũng như người đã chết
Dù mạch máu ta vẫn chảy âm thầm

Chiều nay, đèn nhà ai thấp sáng
Nghe rộn ràng bên lớp khói đèn quanh
Mười năm, người hay ta người viễn khách
Rét về chưa mà hồn lạnh căm căm.

HUỲNH HỮU VÕ

Dưới Chân Đồi Xích Thổ

(viết bởi chương trình Dạ Lan. Đài tiếng nói quân đội
Sài Gòn)

1. Nơi anh đồn trú

Dưới chân Đồi Xích Thổ này có con sông
Con sông có cây cầu bắt qua
Bên này là vườn táo là nghĩa địa là ruộng hoang
Là lô cốt là hầm chông là bãi mìn
Buổi sáng anh ở nơi đây

Đu đưa lời tình bên khóm táo
Với bầy te te với tiếng gió sang mùa
Anh phải ngủ thật nhiều vào ban ngày
Để đêm từng đêm ngồi ôm súng gác
Anh phải cười nơi đây thật to
Để khỏi nghe tiếng súng
Anh phải vắng tục nơi đây cho đã
Vì thiếu bóng đàn bà suốt tháng
Anh phải thủ dâm
Mỗi khi đài quân đội đưa lời “ Em yêu lính ”
(Tất cả bạn bè anh vẫn thế
Có gì đâu mà giấu phải không)
Anh cởi trần ra tắm nắng
Khi mặt trời lên cao
Anh cởi trần ra tắm mưa
Khi mưa vừa nặng hạt
Anh đi giầy bố Mỹ hút Quân tiếp vụ
Anh đội nón Đại Hàn ca nhạc Trịnh Công Sơn
Anh rất thương lính hơn hồi chưa nhập cuộc
Anh rất ghét lính khi đã lãnh lương xong
Anh ăn buổi sáng buổi trưa nhịn đói buổi chiều
Anh ăn buổi chiều nhịn đói buổi trưa buổi sáng
Anh cũng thường nhịn ăn suốt ngày
Sau những lần uống rượu
Nước bidong anh bữa ngọt bữa cay
Tâm thần anh ngày thanh bình ngày nội chiến
Anh ngủ nhờ trên đất
Đất mẹ Việt Nam mền yêu
Anh bối sâu lòng đất
Chôn xác những thằng người
Những thằng người bất hạnh

Trong một nội chiến tương tàn phí lý và bắn thủ
Trong một nội chiến nnhục nhằn đắng dai và bịnh hoạn
Bạn bè anh đưa còn đưa mất
Đưa đào ngũ đưa vào bịnh viện
Đưa cụt tay đưa què giò
Những thằng còn ở lại đây
Tháng những qua ngày ngồi vỗ súng ca
Anh ca bài ca yêu thương
Của một quê hương chia cắt bởi những con tàu
(Không phải mấy nhịp cầu bắt qua dòng Bến Hải)
Anh ca bài tình ca quê hương
Quê hương của một dòng sông
(Dòng sông này không chia cắt tình người)
Anh ở đây dưới chân Đồi Xích Thố
Nhìn anh em bằng mũi súng ngoại bang
Anh ở đây dưới chân đồi nằng chấy
Vùng đất khô cằn của một quê hương
Quê hương của một giống người bị trị
Một ngàn năm, một trăm năm
Rồi còn bao nhiêu năm?

2. Khi anh hành quân

Bảy ngày gạo gói thương vào đó
Xua tay trần hung hãn một ngày vui
Bạn và anh đã nặng lòng yêu nước
Như đã nặng lòng yêu khói thuốc capstan
Nếu bên cánh rừng này ví dụ:
Dù có em anh sẽ bắn tan thành
Cũng như lúc dùng quân
Anh đã bắn vào radio có tiếng em hát

Đặc lệnh hành quân bảy ngày “ cơm no áo ấm ”
Bảy ngày đi năm lít rượu trong người
Mở nắp bidong cho hơi nồng trăn mạc
Cho đất trời một vũng dưới chân anh
Nếu rừng Thái An
Đạn bom không dẫm nát
Thì rượu nếp than sẽ đốt cháy tới bờ
Anh hiền ngang như con bọ hung lửa
Xối tan tàn mẩy bãi cứt trâu khô

(Khởi Hành số 27.1972)

NGUYỄN VĂN NGỌC

Viết Trên Đường Chuyển Quân

tháng chạp về Tây Ninh tăng phái
đại đội chuyển quân bằng công voa
chào nhé Tân Uyên, rừng bỏ lại
bạt ngàn tre, dài những trận mưa

qua Gò Dầu Hạ trời hừng sáng
so vai nghe lạnh gió đông về
xe dừng, lính đổ tìm hàng quán
ta cũng thêm sao, ly cà phê.

phố nhỏ đều hiu buồn như thế
cô hàng đôi mắt ướt, xa xăm
cũng tóc xõa vai cho ta nhớ
người yêu xưa giờ cũng mù tăm

đốt thuốc, khói bay bay quán sớm
mấy thằng em cười nói râm ran
đời lính trận, tử sinh, nguy khốn
niềm vui là đôi phút nghỉ chân

xe tiếp tục đường lên tây bắc
tháng chạp, mùa đang lúa chín đồng
tháng chạp, làm viện quân đuổi giặc
Giáng sinh này lại ở trên rừng.

TÔN NỮ KIM PHƯỢNG

Chiêm bao

em mất nghìn thu xanh cỏ biếc
ta lên rừng thăm ngủ chiêm bao
vòng tay thần thánh xa biên biệt
ta gặp nhau mà vẫn nhớ nhau

em nhớ ta hay ta nhớ em ?
từng đêm lặn lội giữa bương biển
ta qua hậu nghĩa ngày mưa xám
róc vỏ thân trầm ta viết tên

năm tuổi chiến trường xuyên vạn lý
núi sông biết mặt đưa phong trần
yêu em, ta bỗng thành thi sĩ
thơ lính hào hoa vỗ súng ngâm

ta trót đam mê ngọn ngút lửa
nghìn đêm nuôi nấng mộng phi thường
cho em một cánh tay gần gũi
dành một tay vào lúc nhiều nhương
(Văn 121, 1968)

TÔ ĐÌNH SỰ

Còn những gì đã mất

Đốt cây pháo bông thời thế lắm lì mừng tuổi nhau
Mịn màng chớp mắt lâu lâu
Được một lúc chói chang và biến động
Lũ trẻ nhỏ reo hò trong nhịp khổ nhọc rất mực
Trời thúc kè mùa xuân và nài nỉ
Hạnh phúc rêu rao một người thất chí
Thắt cổ nhân tình bằng sợi dây dao
Tình ái cấm đầu chạy trong khi không có gì đuổi theo
Mùa đông cười ngất ngát

Tôi leo từng nấc thang dài
Giữa bao la đời bao quát
Tôi dạy tôi làm xiếc kiếm cơm
Tôi dạy tôi khóc cười cho đúng lúc
Không gì ngoài sự thật của nhau
Hãy tưởng tượng đừng bao giờ khôn lớn.

(trích tuần báo Nghệ Thuật, số 53 ngày 12.10.1966)



VĂN VIẾT TRONG KHÓI LỬA

**LÊ BÁ LĂNG • TRẦN DOÃN NHO • DOÃN DÂN •
TRẦN HOÀI THỨ • TRƯƠNG CƯỜNG THANH •
PHẠM VĂN NHÀN • LÊ VĂN THIỆN • LỮ QUỲNH •
NGUYỄN LỆ UYÊN • HOÀNG YÊN TRANG •
NGUYỄN CÁT ĐÔNG •**

LÊ BÁ LĂNG

“...Hai bên đường, nước mưa đã làm trôi nhiều lớp đất cát để lộ những hố chông đã mục. Cuộc chiến đã quá dài ngày. Hy vọng hòa bình vẫn như đóm lửa hạnh phúc của chúng mình, loé lên rồi phụt tắt hoài mãi phải không Xuân ?...”

BUỔI DỪNG QUÂN

Thằng Nuôi cầm chai "33" vừa múa vừa gọi tôi: Thiếu úy, thiếu úy. Tôi định bỏ đi thẳng nhưng thằng Bảy đã rời bàn rượu chạy kéo tôi vào :

- Ngồi với em út cho vui đi đại ca.

- "33" nghe đại ca.

- Ủ, chi cũng được.

Buổi trưa trời nắng gắt, con nắng như muốn làm khô đi lượng nước đã ngập đầy những cánh đồng sau mấy tuần mưa lụt. Trên mặt bàn, mấy gói mực khô Đại-hàn xé dở; gương mặt thằng Nuôi chưa tái nhưng cặp mắt hần đã đỏ kè. Thằng Bảy vừa rót rượu vào cốc vừa réo người đàn bà chủ quán :

- Thêm nhiều " 33 " nữa đi chị hai.

Mụ Hồng vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trước trán, liếc tình thằng Nuôi :

- Mấy chai nữa anh ?

- Chừng nào say thôi.

Thằng Nuôi vỗ vỗ túi áo trả lời. Trời vẫn im gió, mồ hôi thấm ướt lằn vải mỏng sau lưng áo mụ Hồng, để lộ khoảng da trắng muốt. Bên kia cánh đồng, dòng sông Lại-giang trải dài bao quanh con đường đá đỏ gồ ghề dẫn lên quốc lộ Một. Con đường đã mang tôi về phố

những giờ phép ngăn ngủi hiếm hoi, con đường nhắc tôi những mất mát ngày một nhiều, một cuộc tình, một căn nhà cũ, đổ nát, tan hoang; những bạn bè thăng một nẻo... tôi không còn gì ngoài nỗi buồn mỗi lần trở lại nhìn những thềm gạch vụn, những chỗ ngồi của Lữ của Hùng của Xuân của Ngọc... những kỷ niệm dập dồn nổi sóng. Tôi thấy mình bất lực và đã bao lần muốn trốn chạy, muốn bỏ đi.

Thằng Bẩy đưa ly cùng vào ly tôi nói thiếu úy cứ uống. Tụi em chịu chơi lắm mà. Uống đi ông. Tôi nhìn thằng Nuôi rồi nhìn mẹ Hồng. Gần ba mươi mấy tuổi rồi, mẹ vẫn chưa tìm được người đàn ông chung thủy.

Thằng Nam bảo trước kia mẹ làm điểm ở Sài-gòn có tiếng, sau về đây chôn ông già bị Việt-cộng giết rồi gặp lúc quân đội về bình định quận này, mẹ ở nán lại mở quán nhậu luôn. Những lời đồn đại về mẹ cũng nhiều nhưng không vì vậy mà quán mẹ ít khách. Những buổi dừng quân như thế này, ngoài đám khách hàng quen thuộc thường ngày gồm mấy toán nghĩa quân mấy nhân viên hành chánh quận ; còn có chúng tôi nên quán lúc nào cũng có người, có tiếng cười, tiếng nói. Mẹ Hồng cũng khôn ngoan, biết chiều khách nên đã hơn năm trời buôn bán ở đây mà chẳng ai ăn lương hay có ý định phá phách quán này. Tôi bấm thằng Nuôi hỏi nhỏ :

- Có vụ hả mày ?

Hắn kê miệng vào tai tôi :

- Dạ, đại khái thôi thiếu úy.

Thằng Bẩy được dịp chen vào :

- Thật tiếc quá, bữa nay tôi còn tiếc.

Tôi bảo mày lại định nhắc chuyện cũ à. Hắn tợp một ngụm bia rồi ra dấu tiếc rẻ nói :

- Thì cái vụ thằng chả bữa hôm ở Lang xá bầu đó, ông đừng đưa vợ lên Đại-bàng thì tui tui giàu to biết mấy. Chỉ cần hai thùng nước lã là nó chỉ, nó khai hết. Ông để tui Quân báo mập quá trời...

Tôi nói thôi dẹp cha chuyện đó đi, khai thác tù binh là bổn phận của tiểu đội, đâu phải quyền tao. Tui mà than phiền mãi, chán phèo..

Thằng Nuôi vẫn lè nhè, chặc lưỡi:

- Hai trăm ngàn ? Hai trăm ngàn tui chỉ nạp thiếu úy một nửa, một nửa tui nhậu lai rai với bạn bè, sức mấy Đại-bàng biết được. Tui tác chiến mấy năm rồi, lên lon xuống cấp mãi cũng vì mấy thằng kinh tài Việt-cộng đó. Ông mới ra trường, xin lỗi ông đừng giận, ông đâu kinh nghiệm bằng tui.

Tôi cầm chai "33" dẫn mạnh xuống bàn hét im đi - rồi tu một hơi và đứng dậy bỏ ra khỏi quán. Sau lưng tôi, tiếng thằng Bầy vọng theo : Thiếu úy, thiếu úy, hấn say nói bậy, ông giận tui tui làm gì. Tôi nghe như một chuỗi âm vang từ cõi lạ nào. Trời vẫn nắng gay. Một vài tên lính lang thang gặp tôi đưa tay chào. Tôi mỉm cười với chúng, đi thẳng về phía quận, tôi muốn tìm một giấc ngủ để nguôi quên, để đuổi xua những mệt mỏi sau mỗi lần hoạt động trở về. Trước mặt tôi, bộ chỉ huy hành quân trung đoàn chờn vờn nhảy nhip. Tôi gục xuống cửa " tăng-xê " và có cảm giác được dịu lên vồng nằm.

oOo

Cuộc lục soát bắt đầu từ mười giờ sáng đến mười hai giờ trưa nhưng vẫn chẳng thấy dấu vết gì ngoài những căn hầm trú ẩn đã bị phá, những ngôi nhà đổ, vườn tược bỏ

hoang. Đại-bàng cho lệnh tạm ngừng để cơm nước. Tôi nghĩ thầm phải chăng vùng này đã hết Việt-cộng ? Những cuộc hành quân lục soát cấp tiểu đoàn trước đây năm sáu tháng đã thành công đến thế sao ?

Tôi chọn một căn nhà tranh gần con lộ nhỏ, chia vị trí canh phòng cho các tiểu đội rồi bảo thằng Nam đem thức ăn nguội kiếm bếp hâm. Căn nhà không có ai ngoài một người đàn bà cùng ba đứa bé. Tôi hỏi lúc người đàn bà bước ra cửa :

- Đi đâu hết chị ?

- Dạ chỉ có mấy mẹ con em đây thôi.

- Chồng chị đâu ?

- Dạ vào làm ăn trong Đà-nẵng.

- Đà-nẵng ? Tôi hỏi lại và nhìn kỹ bốn góc nhà. Thằng Bẩy cầm sẵn lưỡi lê đưa vào bụng người đàn bà uy hiếp :

- Làm ăn con mẹ gì ? Đà-nẵng hay lên bưng ?

Người đàn bà vẫn bình tĩnh lặp lại :

- Dạ ảnh lái xe trong Đà nẵng thật mà.

Tôi giật tay thằng Bẩy nói thôi được, để tụi này ăn xong hẳn rồi. Thằng Nuôi lấy tôi bảo coi bộ bà này khó tin quá thiếu úy. Thằng Bẩy cũng lộ vẻ nghi ngờ. Mấy đứa bé thấy chúng tôi ôm nhau ngồi nép dưới một góc đường, vẻ sợ hãi. Mái tranh nhiều nơi đã dột nát. Người đàn bà giúp chúng tôi dọn thức ăn ra chiếc phản mọt giữa nhà. Tôi vừa ăn vừa hỏi tiếp sao chị không đem con vào Đà-nẵng theo anh cho tiện ? Ở đây yên lăm sao chị chẳng chịu đi. Người đàn bà ngồi mân mê chéo áo dài đen đã bạc màu nói dạ dạ có đi rồi mà phải về lại, ảnh không thích ảnh nói về đây chịu cực khó chịu cực khổ chi cũng được, sống qua ngày, trong nớ vật giá mắc mớ, làm sao

cho đủ ăn. Vả lại còn ngày đơm tháng kỵ còn nhà cửa ruộng vườn, mồ mả.

Thằng Nuôi trợn mắt ý chừng muốn chửi thề hay rửa một câu gì, chợt nghe tiếng thằng Hải tiểu đội một hét phía hông nhà :

- Lên ! lên không tao bắn nát óc ngay.

Cả bọn chạy ừa ra. Tôi mở khóa an toàn cây M.16 và cho lệnh giữ người đàn bà tức khắc. Tiểu đội thằng Hải đã bố trí mặt sau nhà.

Tôi hỏi lớn :

- Gì thế Hải ?

- Vi xi. Vi xi lại đây mau thiếu úy !

Trong lùm tre rậm, dáng một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi đang lồm cồm bò lên từ vũng nước. Thằng Hải cười nói :

- Đ. m, cha nội đội bèo có lẽ từ sáng giờ, ngộp quá nên ngoi đầu lên, gặp lúc tôi đi cầu, thật rủi cho ông bà nó quá.

Tôi chỉ người đàn ông bảo tới đây coi cha nội. Khuôn mặt hấn tái bầm vì lạnh, trên lưng trần, mấy con đĩa no tròn còn đeo cứng. Thằng Nuôi móc túi quần lấy dây vừa trói vừa nạt :

- Súng đâu mày ?

- Dạ em không có súng.

- Em em gì, mày muốn chết hả ?

- Dạ không.

- Vậy hầm bí mật đâu ?

- Dạ em không biết, em nghe bộ đội lên, chạy không kịp, em trốn đại dưới này chứ em không làm gì hết.

Thằng Nuôi tát ngay mặt hấn một cái :

- Đ. m mày láo hả ?

Rồi quay sang người đàn bà đang ôm mặt khóc, hấn hỏi :

- Mẹ mày đây phải không? .

- Dạ... không, vợ em.

Tôi gạt thẳng Nuôi qua một bên, châm cho người đàn ông điếu thuốc, nâng cằm hấn lên, nhìn và bảo :

- Mày giữ chức vụ gì ở đây ? thuộc đơn vị nào ? súng đâu ? biết gì hãy nói đi, lập công chuộc tội, tao sẽ đề nghị cho chiêu hồi, bị bắt rồi, đừng đối quanh, vô ích.

Hấn vẫn chối dài, bộ thiếu não :

- Dạ em không biết chi hết, thật mà.

- A, lại ngoan cố.

Thằng Bảy vừa hoa chân định đá một cú "genou" vào bụng tên Việt-cộng, nhưng tôi đã kịp cản lại. Cùng lúc, lệnh di chuyển cũng bắt đầu. Mấy đứa nhỏ đã bỏ nhà chạy ra đứng vây quanh người đàn bà khóc ngất. Tôi bảo thằng Đắc hiệu trưởng viên gọi mấy xin ý kiến Đại-bàng :

- Hãy cho dẫn đến gặp tôi. Cả hai vợ chồng.

*

Buổi chiều, lúc chúng tôi đã lục soát xong mục tiêu kế cận trở về, ngang qua căn nhà buổi sáng người đàn bà đã được trả tự do đang ngồi ôm mấy đứa con ngó mông xuống ngã quận, đôi mắt đỏ ngầu. Thằng Nuôi nói lớn với lũ bạn sau lưng.

- Đ.m., đã theo Việt-cộng còn nói lái xe trong Đà-nẵng.

Cả bọn cười ồ. Tôi xếp tấm bản đồ nhét vào bụng và liên lạc máy với thằng Ba, trung sĩ tiểu đội trưởng quân báo ở toán tiền sát :

- Có gì không Ba ?

- Thằng hồi trưa hả ?

- Cảnh giới kiểm du kích địa phương, cũng xoàng thôi.

-Thế hằm ?

- Có chứ, hằm mới chịu dẫn đi chỉ đó. Bắt thêm một thằng huyện đội và hai tên tiểu đội trưởng bị thương. Lấy một colt Trung-cộng, hai tiểu liên Tlệp-khắc, một súng trường Nga.

- Mông tại hay cổ tại ? . .

- Hai trăm thiên. Đã trình đại-bàng.

- Vậy là mày đổ ngược nữa.

- Cũng nhờ anh đó.

Tôi nghe tiếng hằm cười cùng lúc với tiếng Đại- bàng bảo di chuyển nhanh kéo trời tối. Tôi nhìn đồng hồ và chợt thấy lòng buồn nản lạ. Xuân giờ này chắc đang bài lớp.

Hai bên đường, nước mưa đã làm trôi nhiều lớp đất cát để lộ những hố chông đã mục. Cuộc chiến đã quá dài ngày. Hy vọng hòa bình vẫn như đóm lửa hạnh phúc của chúng mình, loé lên rồi phụt tắt hoài mãi phải không Xuân ?

*

Khi hai chiếc xuồng máy chở chúng tôi vừa cập bến thì toán Việt-cộng bên kia làng cũng vừa vượt khỏi con kênh trước mặt. Cuộc đột kích đã bị lộ. Tôi nhảy lên bờ, khoát tay làm hiệu, hét :

- Xung phong !

Thằng Bảy cầm cây M16 dẫn tiểu đội vừa chạy hàng ngang vừa bắn như điên ở cánh trái, tôi, tiểu đội trưởng Hải, thằng Nuôi chạy cánh phải. Tiếng hò hét, tiếng súng át cả tiếng máy C.25 ra lệnh của Đại-bàng, nhưng chỉ mười phút sau, tiếng súng im hẳn, nhiều xác chết đã nằm phoir trên cỏ. Thằng Bảy vừa thở vừa dẫn một lúc

bốn thằng bị trói cặp cánh đến trước mặt tôi :

- Một mình em hạ hai thằng, bắt sống hai tên, phần thằng Nuôi hai tên đó.

Tôi nhìn lui hai chiếc xuống, bảo mày dẫn xuống giao cho thằng Nam giữ, chúng ta tiếp tục lục soát. Bỗng thằng Hải ở đằng xa vẫy tay tôi gọi lớn :

- Súng, súng đây thiếu úy ơi.

- Đâu ?

Tôi chạy đến chỗ hắt vừa chỉ, dưới bờ kinh, một cái xác lênh bênh nằm úp mặt xuống nước, hai tay còn ghì chặt một cây M16 bên cạnh năm khẩu tiểu liên 47. Thằng Hải nhắm cái xác bóp cò ; một băng đạn nổ, hắt cười :

- Thế cho chắc ăn, thiếu úy.

Tôi nói thôi, xuống lật xác đi. Hải vươn mình nhảy ùm xuống nước. Bỗng hắt bưng mặt thét :

- Trời ! thằng Nuôi sao lại nằm đây thiếu úy ?

Tôi thất thanh hỏi lại :

- Ai ?

- Dạ, thằng Nuôi !

*

Tám giờ đêm, lúc cái xác thằng Nuôi đã được chở về quân y viện tôi bỏ bữa cơm tối, ra đứng trước bờ sông, gần phòng hội nhìn vợ vẫn. Đã mùa đông nhưng trời còn lạnh. Lượng nước mưa trên mấy cánh đồng sau lưng quận và trước quán mụ Hồng lúc chiều ngồi uống rượu tôi thấy đã cạn nhiều. Con đường đất đỏ dẫn lên quốc lộ Một nhập nhòa trong bóng tối vẽ một nét mờ trên mặt sông đêm. Tôi lại thấy nhớ Xuân, nhớ Lữ, nhớ Hùng... Không còn gì nữa: những cuộc đột kích như đùa giỡn với tử thần tôi đã quen nhưng sao trưa này thằng Nuôi có thể chết âm thầm và dễ dàng như vậy được ? Sao không là

thằng Bảy, không là tôi ?

Trong “ tăng-xê ” thằng Nam vẫn đốt đèn ngồi cùng bọn thằng Hải, thằng Đắc. Trên một tấm ván thông vừa mới dựng, thằng Nam đã đặt cái cốc bằng nhựa đựng đầy gạo Mỹ, cắm mấy chân hương. Chỗ ngồi của mày đó Nuôi. Chỗ ngồi không bao giờ mày còn thấy, còn nhìn tao, còn say rượu nói tao mới ra trường chưa kinh nghiệm, chưa biết lấy tiền Việt-cộng đem xài...

Bên tai tôi, giọng thằng Nam từ tốn đọc bức thư tìm thấy trong túi áo thằng Nuôi lúc chiều :

“ Em Soạn. Anh đổi ra xứ Huế này gần trọn một năm nhưng vẫn chưa có phép về Sài-gòn để thăm em và các con, thăm tí má, bởi đơn vị bận hành quân mãi.

Tháng trước, thằng Tính bạn anh đã về Sài-gòn bảy hôm nhờ nó tìm được một hầm súng của Việt cộng. Anh thấy thế mà thèm.

Anh vẫn khoẻ mạnh, còn hơn dạo ở Pleiku nữa. Dạo đó, anh gặp hầm luôn, có tiền lại có phép nữa, bây giờ nghĩ lại, anh thấy anh tội quá, nhất là để em phai khổ một mình. Tuần trước, nếu ông trung đội trưởng anh chịu chơi một chút, anh đã kiếm được cả phép lẫn tiền rồi. Ông nhân đạo quá. Đ.m, Việt-cộng nó giết mình như ngoé mà bắt được thằng nào ông cũng cấm đánh đập. Anh thương ông quá chứ không thì anh xin qua tiểu đội quân báo rồi.

Nãy giờ anh nói nhiều vậy chắc em cũng khó hiểu. Thôi để lúc nào về phép được anh sẽ kể rõ hơn...”

(Văn 121, năm 1969)

TRẦN DOÃN NHO

VÀI KỶ NIỆM NHỎ VỀ LÊ BÁ LĂNG

“Vâng, tôi chỉ nằm mơ. Bên ngoài khung cửa sổ, trăng sáng thật đầy và âm thanh những tiếng ve vẫn rộn ràng, dòn dã. Mùa hạ đang còn. Tôi nhủ thầm như thế. Mùa hạ đang còn với hoa khế, với tiếng ve, với ánh trăng phía ngoài kia, nhưng trong tôi, thực ra, mùa hạ mù sa, bay mất. Đã một thời nào”.

Lê Bá Lăng (truyện ngắn *Mùa hạ, một thời nào* in ở tạp chí Bách Khoa, số 360, ngày 1/1/1972)

Tôi vào sống ở Sài Gòn từ mùa thu năm 1968, cùng với bạn bè ngụ trên một căn gác thuộc đường Phát Diệm, cách toà soạn báo Văn chừng hơn một cây số. Một buổi chiều mùa hè năm 1969, anh Trần Phong Giao nhắn tôi đến toà soạn Văn. Lúc tôi đến, anh chỉ tôi một thanh niên Huế, người trắng trẻo, đẹp trai và hỏi có biết ai không. Tôi lắc đầu. “Lê Bá Lăng đấy!”, Trần Phong Giao nói. Và quay sang tôi “Còn đây là Trần Doãn Nho”. Giới thiệu xong, Trần Phong Giao tiếp tục gõ lóc cóc trên chiếc máy đánh chữ, y như không có chuyện gì xảy ra. Lăng và tôi ôm chầm lấy nhau y như thể đã quen tự hồi nào rồi rủ nhau ra chợ Thái Bình ở ngay trước mặt toà soạn, nhậu. Chúng tôi quen nhau từ đó. Sau này, thỉnh thoảng có việc vào Sài Gòn, Lê Bá Lăng lại ghé thăm tôi. Anh viết “Thư tháng Mười gửi Thục” (hình như in ở Bách Khoa) ghi lại những lần gặp gỡ đó. Năm 1972, tôi về Huế đi dạy. Lúc này, Lăng cũng trở

lại nghề dạy học, đồng thời ghi danh đi học ở Văn Khoa. Chúng tôi gặp gỡ nhau thường xuyên, la cà từ hành lang trường Văn Khoa cho đến các tiệm cà phê hay lang thang trên các đường phố Huế. Vào mỗi cuối tuần, chúng tôi lại gặp nhau uống bia và bù khú chuyện văn chương chữ nghĩa. Tính tình Lãng hào sảng, thẳng thắn, khuôn mặt khi nào cũng tươi vui, hớn hởi, ăn mặc luôn luôn chỉnh tề, tươm tất. Anh mê viết. Các truyện ngắn của anh thường xuất hiện đều đặn trên Bách Khoa và Văn. Anh viết dẫn đo, cẩn trọng. Văn anh dung dị và chắc, khỏe, nhưng khi nào cũng phảng phất một nỗi buồn phiền không rõ nét. Anh thương bạn và đọc rất kỹ bài viết của các bạn văn, dù quen hay không quen. Anh khen, chê thành thật, ít khi dùng sáo ngôn. Người cùng trang lứa, anh hay kêu “mi, tau” một cách tự nhiên. “Ê, Thực, hôm ni mi có rảnh không mi?”... “Nì, cái truyện mi mới viết khá lắm. Tau khoái cái tựa đề”... “Còn cái đoạn ni mi viết tau không chịu, quê lắm”... “Thằng Dũng mới viết cái truyện được lắm, mi đọc chưa?”, vân vân.

Sau 1975, bằng đi một thời gian dài, có đến 7, 8 năm gì đó, tôi mới gặp lại Lê Bá Lãng tại nhà Viêm Tĩnh. Anh không khác trước bao nhiêu. Vẫn trắng trẻo, đẹp trai và áo quần vẫn tươm tất dù lúc này hoàn cảnh hoàn toàn khác trước. Anh cho biết là đời sống gia đình rất khó khăn. Anh lại bị bệnh đau bao tử nặng, không làm được gì nhiều để giúp gia đình. Nghe tôi thỉnh thoảng đi Sài Gòn buôn bán, anh nhờ tôi tìm mua giúp một loại thuốc trị bao tử của Pháp (giờ tôi chẳng nhớ tên), lúc đó rất hiếm trên thị trường, vì chỉ có thuốc đó mới giúp anh đối phó với bệnh. Tôi nhận lời. Vào Sài Gòn, tôi cố hỏi kiếm cho anh, nhưng không có. Lo bon chen kiếm sống,

sau đó tôi quên mất. Năm sau, tình cờ gặp lại anh, anh nhắc. Tôi hứa. Nhưng vẫn tìm không ra. Một thời gian sau đó, gặp nhau, anh lại nhắc. Nhưng lúc đó, tôi không đi Sài Gòn nữa, do tình hình thị trường khó khăn.

Một hôm, khoảng đầu năm 1989, một buổi tối, Viêm Tịnh đến nhà tôi, hốt hoảng báo tin bệnh tình Lãng đột ngột trở nặng. Chúng tôi vội đến nhà anh ở Võ Dạ. Anh nằm trên chiếc giường tre, người gầy nhom, tiêu tụy, má hóp, hai lưỡng quyền nhô hẳn lên choán hẳn cả khuôn mặt. Hơi thở yếu ớt. Nghe chị Lãng nói có chúng tôi đến, anh chợt mở lớn mắt, giọng thều thào “Thằng Thục, thằng Ngọc đó há?”. Tôi gật đầu. Anh trở mình, xoay về tôi, bắt đầu nói, giọng nói trở nên càng lúc càng mạnh. Tôi và Viêm Tịnh đưa tay can ngăn, sợ anh mệt. Chị Lãng cũng can ngăn. Nhưng anh cứ nói. “Tại vì mi hết, mi biết không, Thục. Tau có nhờ mi vào Sài Gòn tìm mua cái thuốc đau bao tử cho tau mà mi quên. Mi tệ quá...”. Sau đó, anh tiếp tục nói, giọng sang sảng. Anh kể đủ thứ kỷ niệm từ bạn bè cho đến gia đình, con cái. Thấy anh ngừng lại để thở, tôi ra dấu cho anh đừng nói nữa, nhưng anh vẫn nói. “Mi để cho tau nói, tau còn sức, tau còn nói...”. Anh nói cả 15, 20 phút, sau đó giọng yếu dần. Chị Lãng vuốt ngực cho anh. Tôi và Viêm Tịnh định quay ra, thì anh bỗng trở mình. “Mấy đứa bây về phải không? Ừ thì về đi. Nhưng Thục ơi, tau nói đùa rứa chứ tau không trách mi mô, mi đừng buồn...”

Đêm đó, anh mất.

Ngày đưa đám, rất nhiều bạn bè ở Huế đã đưa anh tới nơi an nghỉ cuối cùng. Cùng với các bạn văn, tôi bốc một nắm đất ném xuống mộ anh, giả biệt, lòng tràn dâng lên một nỗi ngậm ngùi khó tả. Lãng nghèo, bạn bè nghèo,

Huế quá nghèo trong một đất nước lúc đó quá sức nghèo. Lễ chưa xong, tôi vội vã đạp xe về, lòng vương vất mãi âm thanh của những lời anh vĩnh biệt: *Thục ơi, tau nói rứa chứ tau không trách mi mô, đừng buồn...*

Nhà văn Lê Bá Lăng sinh năm Quý Mùi (1943) tại Huế , tốt nghiệp Sư Phạm Quy Nhơn. Động viên và trở về dạy lại năm 1969. Anh vừa đi dạy vừa đi học và tốt nghiệp cử nhân Văn Khoa, sau đó chuyển lên dạy Trung Học. Anh mất năm 1989, 46 tuổi.

Boston, đầu Thu/2005

DOÃN DÂN

“...Hiệu nhìn lơ đãng những chiếc lá gạo rớt nằm đây đó dưới mặt sân, trên thảm cỏ, tần mẩn hỏi lại lòng mình. Chàng lấy làm lạ: ở bên nhà sống trong những đêm như thế, kề sát với những đe dọa quanh mình thì chàng cho là êm ả. Giờ đây, đứng giữa một nơi thực sự bình an, im ắng thế này sao chàng lại vẫn không sao có được một sự yên ổn trong lòng? Tưởng như trong khoảng không gian êm tĩnh ở đây thiếu mất cái gì không thể nào tìm ra được...”.

TIẾNG GỌI THÂM

Cánh cửa sổ đập vào khung liên tiếp ba, bốn cái liên. Hiệu hết còn ngỡ vực: vừa rồi, gió đã làm chàng tỉnh dậy (Mọi buổi tối, sau khi cuộc chuyện trò chấm dứt, trước khi vào phòng ngủ, bao giờ Hiệu cũng nhớ đóng cửa sổ. Tối nay chàng bỏ cuộc nửa chừng quên lửng một thói

quen). Chàng đổi thế nằm, xoay nghiêng người, quay mặt vào trong, cố ngủ lại. Chàng nhắm mắt mà trong lòng mơ hồ hồi hộp, đón đợi những tiếng cửa đập tiếp theo. Chàng chuẩn bị trước một cái giật mình. Bên ngoài, gió chạy ào ào từng đợt trên mái nhà, trong dãy hành lang. Hiệu khó chịu về nỗi hồi hộp của mình, nó làm tinh thần chàng căng ra khó ngủ. Thế nhưng chàng vẫn nằm yên, không muốn dậy. Chàng khó chịu hơn: chỉ cần bước mấy bước, ra khép cửa, là chàng có thể tha hồ yên tâm ngủ tiếp, hết lo phải bị khua rộn thành linh; vậy mà chàng không làm được. Nghĩ đến sự phải chui ra khỏi mền, giẫm chân lên lớp đá hoa lạnh ngắt vào giữa lúc này, chàng thấy ngại vô kể. Giấc ngủ nửa chừng lẫn quẩn trong hai con mắt, như một sức nặng, đè chàng dấn xuống mặt giường. Giấc ngủ nửa chừng dường như có gì liên quan, thân thuộc với sự lười biếng. Hiệu đoán, có lẽ mình mới ngủ được nhiều lắm là chừng hai tiếng đồng hồ. Hai mắt chàng cay xè, dày cộm. Song, tinh thần thì lại tỉnh táo, mỗi lúc mỗi thêm tỉnh táo. Chàng tự biết: như thế là giấc ngủ đã lãng xa rồi, khó kêu nó trở lại. Chàng tuyệt vọng, đành mở mắt.

Trời về khuya gây gây lạnh. Không khí giống như tỉnh Đà Lạt bên nhà. Hiệu thấy thêm một hơi thuốc lá một ly cà phê phin nóng (lại những thứ dễ làm cho chàng lười biếng). Chàng nhào người, với tay lấy bao thuốc trên mặt bàn, rút một điếu, đánh diêm châm, hút. Làn khói ấm đầu tiên, bùi bùi trong cổ họng. Chàng nhìn sang giường bên kia: anh bạn vẫn ngủ ngon lành. Hai giường quá gần nhau. Hiệu nghe rõ tiếng anh ta thở đều đều, bình thản. Ngọn đèn nhỏ xíu gắn trên tường, toả ra một vòng ánh sáng tròn, mỏng. Càng xa, ánh sáng càng nhạt

dần. Đáng nằm hơi nghiêng, mặt hướng về phía Hiệu, đầu trật khỏi gối, nghẹo qua một bên tóc tai lòa xòa, lờm chờm. Một bàn tay anh lót hững hờ dưới má. Cái lưng trần, phơi ra ngoài tấm chăn xô lệch, gần tuột khỏi người. Không có cặp kính trắng, trông anh lạ hẳn, có vẻ ngây thơ, hơi khờ dại. Mọi nét hăng say; mọi tức tối, dần hắt; mọi biểu lộ quá mức trên mặt anh ta, hoàn toàn biến mất: Đáng lại trở thành dễ thương, hiền lành, chân thật. Hiệu chăm chú ngắm anh ta, bất giác, chàng mỉm cười rửa thắm, không ác ý: “Mẹ! Cái thằng vô tâm thật!”.

Gió bên ngoài thành linh nổi mạnh hơn. Cánh cửa sổ lại đập liên tiếp vào tường. Lần này cả hai cánh thay nhau đập, tiếng kêu chát chúa. Thế này thì hết còn lì được nữa. Hiệu đành tung chăn ngồi dậy, đi ra đóng cửa. Luôn tiện, chàng băng qua khoảng sân hẹp, sang dãy nhà thấp dùng làm toilet. Lúc trở về, chàng hoàn toàn tỉnh táo hẳn. Đã quen với cái lạnh, chàng hết ngại, dừng lại đứng vợ vắn ngoài hành lang, bên bức tường thấp, ngay cửa phòng mình. Gió đã dịu bớt, nhưng trời vẫn lạnh. Cây gạo cao lớn, đứng sừng sững phía cuối sân, xoè những cành lá xum xuê, che lấp ánh đèn từ khu nhà ăn hắt lại. Bóng tàn cây đong đưa qua lại, lặng lẽ, nhẹ nhàng trên mặt khoảng sân rộng, như một tảng mây đen lớn. Những dãy nhà gạch chìm trong một lớp sáng mờ mờ, hơi đục. Không phòng nào còn để đèn; cửa ra vào khép kín. Lòng hành lang sâu thẳm, im lìm, gợi cho Hiệu cảm giác bơ vơ, hiu hắt. Trong đêm vắng, cái sân như rộng thêm ra; dãy hành lang như được nối dài thêm. Ánh vật mang một bộ mặt nghiêm trang, bí mật. Đây đó, nơi góc tường, dưới chân cột, cạnh gốc cây... thấy như cùng toát ra một nỗi buồn vu vơ, lạnh lẽo.. Cách chỗ Hiệu đứng chừng

mười thước về phía tay mặt, là nơi hồi tối bọn chàng tụ họp. Bây giờ chỗ đó trống trơn. Hiệu nhìn cây cột xi măng màu trắng mà chàng thường đứng dựa lưng trong khi trò chuyện, chàng thâm hiểu, rồi đây, khi đã trở lại quê nhà, khó lòng chàng quên nó được: cây cột vô tri bỗng đứng hắt vào lòng Hiệu một nỗi bùi ngùi, một sợi buồn thoáng nhẹ. Từ mạn đường cái, út dưới chân đồi, bỗng vẳng lên tiếng xe hơi lướt nhanh, mất hút. Tiếng động cơ thành linh hiện ra, biến mất lại như muốn làm cho sự tĩnh mịch trong đêm càng thêm tĩnh mịch. Nó gợi nhắc đến chiều rộng mệnh mệnh của niềm hoang vắng. Hiệu như “nghe” được rõ ràng cái sự im lặng bao la tràn trải quanh mình. Chàng bỗng nhận ra, đã từ lâu lắm, từ hồi còn nhỏ cũng nên, chàng không bắt gặp một đêm bình yên, phẳng lặng thế này. Đêm bình yên quá cũng là một sự kiện bất thường; một điều hiếm thấy. Chàng đâm ra ngỡ ngàng, bàng hoàng. Như người tỉnh cờ, chợt khám phá ra một sắc thái mới của cuộc đời mình, khác hẳn với cái sắc thái mà mình vẫn sống. Thế này cũng là một sắc thái mới chớ sao: Một đêm thanh vắng, không có chuyện gì, tự đứng tĩnh dậy, liền phải đối diện với cái lặng thình bát ngát quanh mình. Một đêm như thế đâu đã xảy ra trong cuộc đời chàng? Nó hẳn phải là một điều mới chứ! Từ trước đến nay, mặc dầu đã sống gần nửa đời mình, chàng vẫn chưa từng được gặp đêm nào quá ư an lành, êm ả thế này, một sự êm ả tưởng chừng có thể giơ tay nắm được. Chưa. Chưa bao giờ. Đêm tối của chàng thì không an lành, êm ả. Trong cái chuỗi đêm lê thê, dài dặc đã từng lũ lượt diễn qua trong cuộc đời chàng, quả thật Hiệu không thể nào tìm ra một đêm an lành êm ả. Đêm của chàng dày đặc những nỗi lo âu, bồn chồn, khắc

khỏi...

Đêm của chàng luôn luôn có những bất trắc, hiểm nghèo thường xuyên rình chờ, quanh quẩn kề cận bên mình. Nổi bất trắc núp dưới lùm cây, sau mô đất nhỏ, trên một lối đi bé xiu ngoằn ngoèo, lượn khuất quanh co giữa những khóm tre, bụi chuối, gập lẩn vào đám cỏ dại xanh tốt hai bên... Trong đêm tối, bất cứ cái gì, ở bất cứ đâu cũng đều hàm chứa những nỗi hiểm nghèo, những điều trọng đại. Ngay đến cả sự lặng thinh lại cũng mang cái ý nghĩa bất an, trọng đại: Lặng thinh chỉ là giai đoạn ngừng nghỉ tạm thời, chuẩn bị cho một chuyện gì ghê gớm sắp sửa xảy ra. Như thế, đêm tối của chàng tự nó đã là nguy hiểm; tự nó đã đủ nói lên sự trọng đại rồi.

Hồi ở bên nhà, những đêm không đi hành quân, đi kích, được nghỉ tại trại, Hiệu thường nằm ngủ trên chiếc ghế bố kê sát chân tường, ngay dưới một khuôn cửa sổ. Giấc ngủ của chàng hiếm khi nào nguyên lành trọn vẹn. Nó bị xé toí ra thành nhiều mảnh cách quãng không đều. Hầu như đêm nào cũng vậy. Và mỗi đêm chàng mỗi giật mình choàng tỉnh vì mỗi nguyên cớ khác nhau. Giác quan của chàng cũng phải trực tiếp đối đầu với những diễn biến khác nhau bày ra quanh chỗ chàng nằm. Có đêm, lúc choàng tỉnh, bên tai, những tiếng pháo binh lớn nhỏ bùng lên tới tấp, vang rền. Tiếng những viên đạn rít trong không khí, Hiệu nghe rõ rệt tưởng chừng chúng xẹt ngang lỗ tai mình. Lúc đó nhìn qua cửa sổ, chàng thấy những đóa hoả châu lóa lên sáng rực, lặn lẽ rút xuống từ từ. Trái này sắp tắt lập tức có những trái khác tiếp theo. Cứ thế liên tiếp không ngừng.. Cả một nền trời vàng hoe, sáng rực, soi rõ những mái nhà tôn im lìm trong trại, soi rõ từng chiếc hố cá nhân ngay sát hàng

rào, và soi rõ đến cả những hòn đá con, ngổn ngang, lổm chổm trên khoảng sân mặt đất đỏ. Một mảng ánh sáng lọt qua cửa sổ, ngả xuống đỉnh màn, vàng tươi như tấm lụa mỏng. Tấm lụa mỗi lúc một nhạt dần, đến khi gần mất, lại chợt vàng tươi trở lại. Thế này là ắt có một cuộc đụng độ đâu đây. Chắc là đụng lớn: gà cồ đã gáy, không phải chuyện thường. Nằm trên ghế bố, Hiệu vừa theo dõi những trái hoả châu, đồng thời để ý, lắng tai nghe ngóng, hồi hộp chờ một tiếng kèn báo động, tiếng keng của toán lính canh... Trong khi đó gió vẫn thổi trên mái nhà làm một tấm tôn đã cũ nhấp nhô từng hồi, phát ra tiếng kêu đều đều, bình thản. Từ phía làng xa, vẳng lên những tiếng chó sủa vu vơ, náo nức... Có đêm, một chiếc phản lực bất ngờ xẹt lướt ngang đầu làm chàng bừng tỉnh. Khi chàng định thần lại được thì chiếc phản lực đã vút xa rồi. Tiếng máy rền rền, nhỏ dần, yếu ớt cuối cùng mất hút ở tận cuối trời. Không gian lặng im trở lại. Hiệu nhìn vợ vẩn ra ngoài: qua lá màn, bên kia cửa sổ, tít đằng xa, một chấm đèn đỏ của chiếc trực thăng chớp sáng, chớp sáng liên hồi, di chuyển lạng câm, buồn bã giữa cái bát ngát bao la của nền trời đêm đen thẫm. Phải cố lắng tai, lâu lâu Hiệu mới nghe được tiếng máy trực thăng mơ hồ vẳng lại, chấp chới, chấp chờn.

Như vậy, từ trước đèn nay, kiểm điểm lại, Hiệu thấy, quả thật mình chưa có một đêm an lành, êm ả. Đêm đêm lượn lờ, lảng vảng chung quanh giấc ngủ của chàng là những tiếng súng, những trái hoả châu, những ánh đèn chớp sáng...

Thế nhưng, suy đi nghĩ lại, những đêm như thế chàng thấy cũng cứ nên cho nó là êm ả: chưa phải trực tiếp đón những lần đạn không rõ từ đâu lao tới phía mình; chưa

phải hướng súng ra phía hàng rào, bóp cò lia lịa để chống một cuộc tấn công; chưa phải bỏ nhào xuống hố tránh một đợt pháo kích bất ngờ... Còn được nằm yên trên tấm ghế bố của mình, nghe tiếng đại bác bắn đi đâu đó, theo dõi chiến cuộc diễn tiến quanh mình... như thế, cũng cứ nên coi là một đêm êm ả. Được chứ? Sao không?

Hiệu nhìn lơ đãng những chiếc lá gạo rớt nằm đây đó dưới mặt sân, trên thảm cỏ, tản mẩn hỏi lại lòng mình. Chàng lấy làm lạ: ở bên nhà sống trong những đêm như thế, kề sát với những đe dọa quanh mình thì chàng cho là êm ả. Giờ đây, đứng giữa một nơi thực sự bình an, im ắng thế này sao chàng lại vẫn không sao có được một sự yên ổn trong lòng? Tuồng như trong khoảng không gian êm tĩnh ở đây thiếu mất cái gì không thể nào tìm ra được. Hiệu đâm phân vân , ngẩn ngại không biết nên gọi cái sự im lặng trong những đêm ở bên nhà, hay sự im lặng giờ đây là một sự kiện bất thường.

Trong đêm vắng, chỉ có mình mình đối diện với nỗi lặng thính, thanh thản trên đất nước người, chàng bỗng cảm thấy lòng mình buồn bã, nghe như từ một chỗ nào sâu kín tận đáy hồn mình, vẳng lên một tiếng gọi thầm, tiếng gọi mơ hồ, vu vơ, chấp chới mà thật thiết tha, khắc khoải vô cùng. Lần đầu tiên từ mấy tuần nay, Hiệu chợt ý thức rõ ràng: mọi thứ ở đây đúng là hoàn toàn xa lạ; đúng là không có lấy mảy may thân thuộc với mình. Những con đường, những khu phố, những người, những cảnh... xa lạ đã đành. Đàng này, xa lạ cả đến một niềm êm ả, xa lạ cả đến một cái lý do làm mình thức tỉnh trong đêm. Ở bên nhà mỗi lần bừng tỉnh là mỗi một lý do đường hoàng, chính đáng: tiếng súng nổ rất bên tai, tiếng phản

lực rít trên đầu, bị địch tấn công, pháo kích... Trong khi đó ở đây lý do sao mà nghèo nàn, vô vị; giạt mình choàng tỉnh lại chỉ là vì một làn gió lướt quanh nhà, vì một cánh cửa quên không khép lại! Thành ra “choàng tỉnh” ở đây mất đi rất nhiều ý nghĩa, trở nên không được nghiêm trang. Quan hệ “choàng tỉnh” hoá ra như một hành động rờn chơi, đùa cợt vậ thôi, không có gì bắt buộc. *(8 chữ tiếp theo không đọc được vì ố lem vàng)*

Vậy thì quả thực ở đây, mỗi nét Hiệu thấy đều mỗi xa lạ với chàng: mỗi nhắc nhở chàng cảm giác bơ vơ, đơn độc. Chàng bỗng giận mình: tại sao mãi đến bây giờ chàng mới nhận ra điều đó? Tại sao phải đợi đến lúc đứng trong đêm vắng một mình, chàng mới thấy mình bơ vơ, đơn độc? Ban ngày giữa một nhịp sống xô bồ, rối tinh, nồn nả, chàng bị cuộc sống quanh mình lôi đi, cuốn mất khiến chàng xa lạc khỏi chàng. Tâm hồn chàng không có được một sự rảnh rang, thư thả để ngó lại mình. Đến khi có dịp nó liền nhận ra còn có vô số những điều cần phải lưu tâm, chăm sóc.. Chàng như một người đêm ngày say sưa mê mải trong cuộc đồ đen, không màng gì đến chuyện ăn, chuyện ngủ.

Đến khi đám bạc tan rồi, phủ tay đứng dậy mới sức nhận ra bụng đói cồn cào, toàn thân mệt mỏi. Lúc đó mới cảm thấy cần một bát cơm nguội, một chỗ ngủ lưng. Thở xác nó tự vùng lên, đòi hỏi đến nhu cầu của nó.

Tâm hồn của Hiệu bữa nay cũng vùng lên, đòi những nhu cầu? Nhu cầu của nó là những cái gì? Không lẽ lại là một trái hoả châu, một chầm đèn đỏ, một tiếng đại bác xé rách bầu trời? Không lẽ nhu cầu của nó lại là những cái nhảm nhí, tầm thường đáng khinh như vậy? Nhu cầu của nó sao lại không là giọng nói, tiếng cười,

làn môi, khoé mắt của Quỳnh? Sao lại không là những sợi tóc trắng điểm trên mái tóc mẹ chàng? Sao lại không là những vết nhăn nếp nhăn khắc khổ ở trên nét mặt của chàng? Sao lại không là những tiếng cãi vã om sòm của người lân bang, lối xóm...

Đứng trong đêm vắng, một mình loay hoay mò mẫm giữa những đòi hỏi ngấm ngầm dằng dai, âm ỉ, Hiệu nghe hoang mang, ngờ vực: một trái hoả châu, một tiếng súng nổ, tệ hơn nữa một tiếng chửi thề của bà hàng xóm... không ngờ cũng có lúc tâm hồn của mình coi là lớn lao, quan trọng... Chúng mà quan trọng? Láo lếu, hồ đồ, khả nghi hết sức...

Và trong đêm vắng, một mình, chàng nghe tiếng mình rửa thắm trong trí: “cái tâm hồn này, hảo huyền, vợ vẫn! Mẹ! Đáng đánh đòn!”

(trích Bách Khoa số 308, ngày 1 tháng 11 năm 1969)

TRẦN HOÀI THƯ

VIẾT VỀ DOÃN DÂN

Trong số những người viết văn làm thơ thuộc sư đoàn 22 BB tại Bình Định trong thời gian từ 1967-1970, tôi được quen biết nhà văn Doãn Dân. Doãn Dân là người lớn tuổi nhất (sinh năm 1938) so với đám chúng tôi. Anh phục vụ tại phòng hai sư đoàn lúc ấy cấp bậc trung úy. Anh đã lập gia đình và rất đông con. Nếu tôi nhớ không lầm vào năm 1970, trước khi tôi rời Sư đoàn, anh chị đã có đến 5 cô con gái. Nghe nói anh chị có thêm một cháu gái nữa trước khi anh tử trận vào tháng 4 năm 1972.

Những truyện ngắn của anh tuy mang danh là ngắn, nhưng thật sự khá dài. Anh viết rất kỹ. Viết đi viết lại nhiều lần. Đặc biệt, dù ở trong quân ngũ, nhưng anh lại ít viết về đời sống quân ngũ. Điển hình là tác phẩm *Chỗ của Huệ*, đã từng đi nhiều kỳ trên tạp chí Bách Khoa mà nhân vật chính là một người nữ với thân phận đau lòng ngang trái trong một xã hội nhiễu nhương tan rã. Đối với tôi, anh là một nhà văn đáng nể. Với gánh nặng gia đình cộng thêm gánh nặng của đời quân ngũ, thế mà anh vẫn viết và viết hầu như không mỏi mệt.

Mùa hè 1972, từ vùng đồng bằng Cửu Long, tôi nghe tin anh tử trận ngoài vùng hoả tuyến.

Mới đây, một người bạn cũ cùng sư đoàn quen biết anh cho hay, sở dĩ anh được lệnh ra ngoài vùng địa đầu này là do sự húc hặc giữa anh và thượng cấp. Anh bị trả về Bộ Tổng Tham Mưu và sau đó bị chuyển ra một đơn vị bộ binh ngoài Quảng Trị. Và anh tử trận vào ngày 29 tháng 4 năm 1972 trên đại lộ máu, lúc mới 34 tuổi. Nghe nói xác anh bị mất.

Hai tác phẩm mà anh để lại cho đời là:

1. *Chỗ của Huệ* (Saigon, Nhân Văn Xã xb, 1968)
2. *Tiếng gọi thầm* (1972)

Anh nằm xuống không nắm mồ. Và 2 tác phẩm xuất bản của anh rất khó được tìm lại. May mắn thay, **Chỗ của Huệ** được lưu trữ tại thư viện đại học Cornell(1) và

Harvard (2).

Truyện ngắn sau đây do bằng hữu của chúng tôi từ trong nước đã cố công tìm tòi, và đánh máy lại - như nén hương lòng tưởng nhớ đến một nhà văn tài hoa đã nằm xuống trong chiến tranh.

(1) *Location: Kroch Library Asia Call Number: PL4389.D68 C5*

(2) *Location: Harvard-Yenching Harvard
Depository MLC-V [Consult Circ. Desk for hy5e31]*

TRẦN HOÀI THƯ

“...Người lính đã trở về quê hương của hần. Mười tám năm trước đây, ta đi học xách cà mèn, cơm mắm thơm mùi gian khổ, dưới những trận bom của tàu bay Tây, trong ánh lửa bập bùng của ngọn đèn dầu hỏa. Mười tám năm trước đây, giấy bồi học trò, thầy dạy cho ta thế nào là cuộc đời cơ cực của những ngày kháng chiến. Anh cảm thấy run sợ. Thế mà mười tám năm đã bay qua như một làn mây khói. Anh đi vất vả, bước chân như nặng nề lê trên con đường đất đỏ, và con tim anh trở nên loạn xạ, thỉnh thoảng trong lòng ngực. Ở từng vuông đất, từng bờ bụi, từng gốc mù u, gốc đa rậm kia. Anh đánh hơi được những kỷ niệm trong sáng của một thời ngây thơ..”

GÒ BỒI BÊN KIA SÔNG

Buổi sáng vào đầu mùa hạ, chiếc cầu gỗ, được toán công binh Đại Hàn dựng tạm trên giong sông Gò Bồi, đã bị đốt để quay phim. Không còn ai để ra bờ nhìn ngọn

lửa, đang từ từ thiêu dần những mảnh ván, những cột gỗ trên giòng sông xanh. Chỉ trừ đám dân quê đang ngồi trên hai chiếc sà lúp, được thuê từ các vùng an ninh. Họ đội nón lá, mang áo quần rách rưới, bên cạnh những nồi đồng, rế mây, thúng gạo. Chỉ trừ đám lính Đại Hàn, súng cầm tay, nhìn xuống cười rộ rỡ. Chỉ trừ tiếng la hét của người đạo diễn, dưới một cây đa trụi lá. Máy phóng thanh cầm tay, mãi mãi rít lên những âm thanh xa lạ, nhức nhối như ánh nắng chói chan trên giòng nước. Con sông đang khóc, những giọt lệ của người dân quê đang chảy, chiếc cầu gỗ, nối giữa hai vùng đất mầu mỡ; chợ huyện, chợ Dinh, sáng chiều em buôn gạo, anh đội nón lá hút thuốc rê, vác cuốc thăm đồng, sáng chiều, toàn là nhớ trông, trông nhớ. Và cả khu nhà gạch ngói đang loi ngoi thoi thóp trên bờ cũng phải khóc. Những ngôi nhà gạch tróc mái, vỡ vụn, những bức tường loang lỗ, da thịt, còn ghi đậm những hàng chữ kháng chiến, chiến khu, còn xúi giục đấu tranh giai cấp, còn hận thù, còn hoan hô, còn đả đảo và ngôi nhà thờ đạo, chỉ còn lại cái tháp chuông, và lồng sâu hun hút gió. Gò bồi, gò bồi em vác cuốc thăm đồng. Gò bồi, anh vác mo côm nếp... Gò bồi được sống lại, đột nhiên trở mình, vào cuốn phim ngoại quốc. Gò bồi bắt đầu cháy, từ chiếc cầu, từ mái nhà, từ chuồng heo. Gò bồi, bừng dậy trong tiếng lửa reo, và hơi gió nóng, trong đôi mắt hầu như thần nhiên của đám dân quê.

Người lính đã trở về chốn cũ khi chiếc cầu ván đang âm ỉ cháy. Anh nhảy xuống xe, phủi bụi đỏ, chống cây súng vào bờ đá ong. Tiếng la, truyền lệnh từ chiếc máy phóng thanh. Người chuyên viên đang sửa soạn thâu cảnh đoàn người tản cư được di tản từ vùng lửa đạn qua bên bờ an

ninh bằng những chiếc sà lúp của Đại Hàn. Vài ba người lính ngoại quốc đang bơi đầy xuống ra xa. Người lính đã ngồi trên đá, nghĩ lại chuyện đi, cảm thấy ớn lạnh. Con đường đỏ, đầy hố, qua một vùng thê lương. Làng xóm ở hai bên đường đã trở thành tha ma hoang phế. Những bụi tre khuất những mái nhà tranh lâu đời không người, và những kênh hồ đen thẫm. Đó là nơi ẩn dấu tốt đẹp cho những người du kích từ phía bên mật khu qua hay những cuộc phục kích bất ngờ xảy đến trên lộ trình. Người lính đã di chuyển bộ, sau đám lính súng cầm tay, mở đường đằng trước, trong khi những toán nhỏ tiến sâu vào bên trong. Người lính đã trở về quê hương của hắn. Mười tám năm trước đây, ta đi học xách cà mèn, cơm mắm thơm mùi gian khổ, dưới những trận bom của tàu bay Tây, trong ánh lửa bập bùng của ngọn đèn dầu hỏa. Mười tám năm trước đây, giấy bồi học trò, thầy dạy cho ta thế nào là cuộc đời cơ cực của những ngày kháng chiến. Anh cảm thấy run sợ. Thế mà mười tám năm đã bay qua như một làn mây khói. Anh đi vất vả, bước chân như nặng nề lê trên con đường đất đỏ, và con tim anh trở nên loạn xạ, thành thạch trong lòng ngực. Ở từng vuông đất, từng bờ bụi, từng gốc mù u, gốc đa rậm kia. Anh đánh hơi được những kỷ niệm trong sáng của một thời ngây thơ. Buổi trưa, anh nằm dưới gốc cây mù u, nghe đàn sáo ríu rít trên cành, và lũ chim tu hú vào mùa lúa chiêm, tu hú, tu hú, như đem anh vào một giấc ngủ, đầy mộng mơ, đầy thiên đường tuổi nhỏ. Anh vẫn thấy những trái mù u, đỏ sậm; những trái mù u, đã bị những con chim sâu cắn tróc vỏ, đầy đầy trên bờ cỏ.

Buổi chiều, anh ra đứng trên cầu gỗ, nhìn giòng sông dưới ánh hoàng hôn. Con sông tối thẫm hai bên bờ, và

lấp lánh một màu bạc trắng ở khúc giữa. Đàn vịt đang lội trở về, và những con trâu mình đen bóng, vẫn còn tắm nước. Đó là một hoàng hôn kỳ diệu, anh nghĩ vậy. Lần đầu tiên, anh tự động xúc cảm. Trời đất như trở nên buồn bã. Màu sáng le lói ở khoảng trời cao, như cố gượng một giây phút, cũng như con đường đất đỏ kia, chạy thẳng băng về quận, như đi hiu hơ trong màu nhá nhem. Anh vẫn đứng yên, trong những cơn gió ru nhẹ nhàng, gây gây lạnh da thịt anh.

Tiếng đại bác của một đồn Đại Hàn bên kia sông, bắt đầu nổ dồn, về hướng núi Bà. Những vệt đạn lửa, phụt bay trên không rồi phụt tắt. Chóp nhà thờ nổi bật, thật đen, trên nền trời sâm sẫm, và còn gợn một chút sáng đỏ dịu dàng. Chóp nhà thờ, như một người cô độc, hiện bên cạnh những cành cây khẳng khiu và xơ xác, như một bức tranh tĩnh mặc. Anh bỗng nhiên thêm những tiếng chuông chiều ròn rã trên tháp. Nhưng không, tất cả chỉ là một nỗi hiu quạnh, vô chừng, lồng trong một khung cảnh chiến cuộc kề cận, như ve vuốt từng mảnh không gian, nhu lờn vờn từng cội không khí... Súng Đại Hàn, mỗi một lúc lại bắn dữ dội. Đạn lửa lại tiếp tục hiện, rồi tắt, hiện rồi tắt. Một toán lính Đại Hàn, bắt đầu di chuyển bên bờ sông, hình bóng mờ nhạt, nặng nề. Dưới những gốc dừa trơ trụi, là một dãy nhà ngói, nhà gạch đã bị chiến cuộc phá hủy. Những vách tường lở lói, hiện những lớp gạch màu đỏ sẫm, như da thịt bốc trần từng mảnh một, những mái ngói bị tróc, và những nền xi măng vỡ vụn từng đồng gạch. Dãy nhà thăm thê, nhìn xuống giòng sông chiều mà anh ngỡ rằng, chúng đang khóc cùng sông, cùng nước, cùng đất trời: những tàn tích của chiến tranh, binh lửa đang xảy ra trên quê hương

anh.

Anh đã đứng yên, và lòng thì vô cùng xúc động. Một người lính nào đã đi qua cầu, ván run lên từng nhịp, vĩ sắt thì rên xiết dưới những bước chân. Đàn vịt đã lên bờ, trâu đã lên bờ chỉ còn lại một con sông sầm tối, chảy giữa hai bờ tre. Chóp nhà thờ bây giờ chỉ còn một chấm nhỏ, rất mơ hồ, bên chòm cây trụi lá. Những buổi chúa nhật, biết còn những con chiên đến quì gối đọc kinh, những người con gái ngoan đạo dịu dàng bước vào của thánh. Biết còn những hồi chuông gọi kẻ trở về. Biết ai qua đây, cúi đầu xuống, để lắng nghe trong tâm hồn mình một hồi chuông dĩ vãng. Ở đây là đâu. Anh nhìn con đường đất đỏ, hiu quạnh, giữa một đồng khô cỏ cháy, bao la trước mặt anh, anh cứ ngỡ, ở đó, là những bụi xương rồng đã bám đầy dặt từng hang đá, những con kỳ nhông, rực lửa, tự do trên những ngôi mộ ngàn xưa của một thời hậu chiến.

Con sông vẫn bình thản chảy, như thời gian đã trôi qua, ở đây, thời gian sẽ dừng lại vĩnh cửu, thời gian sẽ khóc cùng những mái ngói tróc lở kia, những tường vách trơ thịt, đổ sập kia, những lỗ đạn chi chít trên kia, và ở dưới sâu lòng đất, sẽ là những xác người nằm an giấc. Mỗi người qua đây, sẽ soi mình xuống giòng nước, cũng như một dây phốt tiêu điều đã nhìn xuống đáy sông này, để nhận rõ thế nào là một sự bất hạnh của con người... Anh thấy mơ hồ, trên con đường xa tím mù khơi, một đoàn người khăn gói, tiêu tụy, bồng bế nhau lếch thếch, tránh nạn ra đi. Gò bồi, ngày xưa, gò bồi, mang đất phù sa vào từng ruộng đồng, từng vườn trái, từng ao nhà, từng nương bắp... Ở đây, có những người suốt đời làm thân viễn xứ, mà khi trở lại, đi trên những cái nền đỏ điều tàn, mà ôm

mặt khóc... Anh biết có một người đã trở về sau mười tám năm. Ngày hấn ra đi, vào năm 14 tuổi, và hấn trở về, thì đã 32. Ngày hấn ra đi, chân vẫn còn đi đất, đôi vai vẫn nặng trĩu những nỗi khốn khổ của ly loạn, của những ngày trốn dưới hầm, dưới biển, trong những lần Tây đổ bộ, Tây trên trời nhảy dù.

Bây giờ, anh đã trở lại. Vào mùa hè, mà đam cu đất, ngơ ngác tìm ăn. Một nỗi xúc động vô biên, đến trong hồn anh, khi anh thấy cái bóng mờ nhạt của ngôi nhà thờ, khuất sau những chòm hoa phượng đỏ, và những cành lá xum xuê. Anh thấy rõ một phần nóc nhà thờ màu đỏ, và chiếc thập tự giá đều hiu trên nền trời chiều. Ở đó, có vẻ gì âm u và thê thiết. Ở đó, làm sao anh đến được. Chắc gì, cách con đường đất đỏ mà anh đã qua, không một bóng người du kích? Anh bước qua mỗi bước như dẫm trên bao nỗi sợ hãi, lo âu. Từ khi ra khỏi bót gác của Đại Hàn qua những hàng dây kẽm gai, những ụ cát, anh đã nhận rõ những cành phượng vĩ khô, gầy guộc, như những nanh vuốt của một con quái vật. Súng đã bắt đầu lên đạn, mở khóa an toàn, chĩa về hai bên đường. Đây là một ngôi nhà gạch, đổ nát giữa một vườn rậm, xum xuê màu xanh bát ngát. Đến khúc nữa là một hồ sen, với những búp sen hồng mịn, ẩn hiện giữa đám lá, và đến một khúc nữa, là những cây đa, to lớn, tỏa bóng rợp cả một vùng. Nó nhắc lại trong lòng anh một quãng ấu thời. Nó làm anh thêm và tiếc. Nó đang trình bày trước mắt anh, như một tiệc nuôi dưỡng đầy nước mắt. Con đường vẫn trải dài, như thể luôn vào giữa một khu rừng hoang đường. Đường càng xa, càng trở nên xanh thắm, mà bước chân anh cũng vẫn chưa quán quít, bối rối. Những con mắt vô hình như lưỡi dao sắc, lạnh băng, sẵn sàng nuốt

da thịt. Anh đến một chiếc cầu mới sửa chữa. Những móng nền còn đúc, những tấm ván còn bắt lên, lở dở... Một công trình mây khói, anh nghĩ. Tại sao, mỗi buổi sáng, buổi chiều, con đường vẫn phải được mở đường, vẫn phải được những người lính dò mìn, và ở từng khoảng, những nỗi bất trắc, hiểm nguy sẵn sàng xẩy ra. Oi, mấy chục triệu cho một công trình mây khói. Bước đi mỗi bước lòng anh như chùng xuống, như một đám mây chì xám. Nặng nề trên một bầu trời sắp mưa.

Những chùm hoa phượng đỏ, rợp trên nóc ngôi nhà thờ, đã làm anh buồn đến rơi nước mắt. Từ con đường này đến đó, chỉ cách một cánh đồng, thế mà, chẳng khác một con sông ngăn cách. Ở đó, là sự chết. Dưới bầu trời sáng mai, tuy trời rất trong, và gió hây hây thổi, mồ hôi anh đã bắt đầu thấm trên áo. Anh theo đám người đi trước, tiến xa cách đường một khoảng, và tiếp tục từng đợt, vào chiếm từng ngôi ấp nhỏ. Lũ cu đã bay tung lên, bất ngờ, đôi cánh đập hồi hã. Đám người đàn bà con gái đã lom khom dưới đồng, chẳng buồn ngược mắt nhìn đám lính đang vượt qua cánh đồng. Bước chân anh bắt đầu mỏi, và như sắp sửa lê trên ruộng đất khô nẻ. Nhưng anh vẫn đi, như ngủ, như để cái thân thể của mình trong cõi đất trời. Anh bỗng liên tưởng đến cái chết của một người bạn. Hấn bị phục kích trên con đường hấn mở mỗi ngày, vào một buổi sáng dưới chân đồi NORA. Hình ảnh một người bạn nằm sắp ngửa giữa bờ suối cạn, thân thể thì đầy vết đạn, nó gọi vào lòng anh một nỗi sợ hãi không đâu. Một nỗi sợ hãi đến lạnh mình.

Và áp cuối cùng, bọn anh đã dần hàng ngang, la hét lên trời, chạy tông cửa, tông nhà vào... Chiến tranh là vậy. Ở đây, chiến tranh xảy ra mệt mỏi và buồn nản. Con

đường đã chia ra hai miền. Háo Lễ, Nho Lâm, Tân Dân, An Cửu, và cái dãy núi Bà, u ám, trọc lóc, như vùng đất nghèo nàn, nứt nẻ mà anh đã qua, có khi nào anh trở lại. Ngôi chùa Háo Lễ Đông, Xóm đạo nhà thờ Tây, những cái hồ sen, cá trắng phơi mình trên mặt nước, những chòm hoa phượng thắm đại, ngất ngây dưới nắng kia, sẽ là những kỷ niệm đầy nước mắt. Hết rồi, buổi mai, hết rồi buổi chiều... Ra đi, tắm áo vải, rách, bạc màu trên thân thẳng bé, giữa một trời lửa đỏ, và đạn reo. Bây giờ ta trở lại, súng đạn âm ầm, ta chạy như bay, ta cúi xuống uống hừng hực bi đông nước, ta hét ta la.

Nơi anh dừng chân, có những cơn gió nam, cuốn lốc, mang theo hơi lửa của mùa hạ, anh như một kẻ điên khùng, cởi áo, luồn ra sau nhà, ngồi dựa vào ụ rơm vàng, giữa đám tre đang kêu lên kiu kịt. Con trâu mẹ, mới sinh con, ở trong chuồng, đôi mắt lờn lên sòng sọc, và đôi sừng sẵn sàng báng về những người chung quanh. Đây là một xóm quê muộn phiền. Một xóm quê, địa đầu của một phạm vi xanh trên bản đồ hành chánh quận ở đây, đều lộ một vẻ thần thờ, không sắc, mệt mỏi rã rời. Ngay đến đứa bé, đang đứng co ro, mũi chảy lòng thòng như hai con đĩa, cũng gây cho anh một nỗi khốn khổ, buồn chán.

Anh tìm vào một ngôi nhà ven con đường mới đắp, ngôi nhà của một mẹ con tản cư. Buổi trưa, nhà kín gió, nắng chói lòa ngoài khung cửa. Đám ruồi vo ve trên sân đất thít. Hai bàn thờ phủ nhiễu đỏ, bất động trong góc tối. Chiếc giường tre, cũ kỹ, bên vách tường. Đằng sau nhà, bà già đang làm những tấm tranh. Bàn tay bà thành thạo đan lên, đan xuống, kẹp những cuộn rơm một cách gọn gàng. Lưng bà còm cỏi, như đã chịu đựng bao nỗi đau

khổ trên mình. Anh ngồi bên cạnh, hỏi thăm. Nhưng anh biết, anh hỏi cũng vô ích. Vì cuộc đời quá khứ, và hiện tại của mỗi người dân quê, là những tháng ngày, với bom với đạn, với nhà cháy, với tản cư, với chết chóc... Sự cùng khổ của dân quê, ở đâu cũng vậy. Có khác gì đâu. Bà già, sau cùng anh mới biết là người trong xóm cũ. Dựa vào vách đất, anh nghe bà kể lại những gì sau mười tám năm anh ra đi. Những giọt lệ già, long lanh trên đôi mắt lem nhem. Mái tóc bạc phát phơ. Và cái dáng còm cỏi, vẫn âm thầm trong khoảng không gian tối sáng, anh nhớ đến bài thơ của Tố Hữu.

Lão ngồi bên cửa sổ

Trong nắng nhạt chiều hôm.

Mất hết, cháy hết, phá hết... Buổi trưa bốn chiếc phản lực, bay làm hai phía... Bà nhìn anh, hỏi: Chừng nào có hòa bình. Anh đã cúi đầu, không trả lời.

Và anh đã đi kiểm soát một vòng toán quân của mình chung quanh ấp. Khi anh bước vào nhà thứ nhất, lính bảo con nhỏ đó, chồng chết. Khi anh bước vào ngôi nhà thứ hai, lính nói con mẹ đó, chồng chết... Khi anh bước vào nhà thứ ba, cha thằng bé đó đã chết. Anh dụi mắt, thần thờ nhìn ra cánh đồng nước nẻ đằng sau, dài dặc đến những xóm tan hoang, che chở bằng những bụi rậm, những kênh rạch, anh nhận rõ những cánh hoa phượng ẩn hiện trên nóc giáo đường. Những nhánh hoa phượng thật lẻ loi giữa một màu xanh bát ngát.

*

Ngay ở bên cạnh ngôi nhà anh dùng làm nơi đóng quân, phía bên kia con đường mới làm này, người ta đã thấy rõ sự bất lực của ông quận trưởng. Ngôi nhà mái tôn, ba

căn phòng đó, đã bị những vết đạn loang lỗ, chi chít. Và vách tường, thì viết đầy khẩu hiệu, hoan hô đả đảo. Hoan hô chiến thắng anh dũng của chiến sĩ thám kích ngày 19 tháng 6. Được xóa bằng chữ Hoan hô chiến thắng anh dũng của các chiến sĩ giải phóng quân... hay đả đảo Mỹ Ngụy. Nặng đã lên gắt, và con đường cứ mỗi lúc bị những lớp bụi đỏ cuốn xoáy mịt mù, theo những cơn gió nam cuồng bạo. Anh thấy những mái tôn nhức nhối, rợn sóng. Vào một ngày nào đó, toán áo đen từ mật khu cách con đường không bao xa, đã bắn B.40 vào trường, để cảnh cáo toán nghĩa quân trong ấp... Và kể từ đó, toán nghĩa quân bắt đầu rút lên trên những ấp an ninh; để lại những ông thanh niên chiến đấu già nua, ốm yếu với súng trường, hay carbine MI, chiến đấu một mình. Yên lắm, ở đây yên 100%. Ông quận đã chỉ gây lên bản đồ. Những ấp ven con đường, đều được bình định. Có ấp trưởng, có nhân dân tự vệ. Bởi thế, quận tôi cần một con đường, để nâng cao kinh tế, để làm vòng đai quân sự, để thu hoạch khả quan những vụ lúa phì nhiêu. Quận chúng tôi bảo đảm với quý vị. Nhưng ông chưa bao giờ dám lái xe một mình đi trên con đường ông kêu gọi phát triển, nếu không có đám hộ tổng hùng hậu và nếu không có chiếc trực thăng của Mỹ. Con đường được làm ra, được dành cho một ngân quỹ hùng hậu mấy chục triệu do một đơn vị công binh đảm trách. Ban đầu, vị tiểu đoàn trưởng đơn vị công binh tin tưởng thực sự... Các ông yên chí, ông quận trưởng nói, dọc theo con đường, lính chúng tôi nằm dài, để bảo vệ cho các ông làm. Yên chí. Chừng một tuần lễ sau, những phát đạn cắc bùm, từ các bờ bụi vô danh, những trái lựu đạn gài trên đường, dưới cống trong đêm đã làm cho ông tiểu

đoàn trưởng giựt mình, thót bụng. Và kết quả, nửa tháng sau, một đoàn xe bị phục kích trên đường trở về... Ông tiểu đoàn trưởng giần run, hồng hộc vào quận; kéo ông sĩ quan ban ba Chi khu... anh bảo có lính nằm đường, lính nhiều lắm, mấy trung đội Nghĩa quân, Địa phương quân anh bảo đảm với tôi như thế hả? Anh theo tôi, tìm xem có mấy tên Nghĩa quân nằm đường... Chiếc xe jeep vọt đi, ông sĩ quan ban ba, run rẩy, vào từng ấp, gọi loa, la làng, cuối cùng, vài tên Nghĩa quân, mang dép Nhật, co ro trình diện... Đ.m. tụi này, ông đánh bỏ mẹ, ông phạt... Những tên Nghĩa quân, mặt mày tái mét, nói: chỉ có mấy đứa em. Thế cả mấy trung đội, chỉ còn mấy móng này thôi à? Dạ. Ông tiểu đoàn trưởng cười gằn: Anh không biết Nghĩa quân ma sao... Thực nhiều lắm, nhưng ma, ma hết... anh về Qui Nhơn xem, chủ tiệm vàng, chủ tiệm đồng hồ, chủ tiệm radio, mấy tên đi xe thồ... anh tưởng vào Nghĩa quân dễ lắm sao, 50 ngàn. Ông đại úy ban ba chi khu van lạy: Xin Thiếu tá thương tôi, tôi từ miền Nam, bị đày ra đây. Cho tôi được bình an hai chữ với vợ con... Tôi lạy Thiếu tá. Ông Tiểu đoàn trưởng la lên: Chẳng thà anh nói thế. Chứ đừng gạt chúng tôi. Các con tôi chết cũng vì anh. Đời nào anh đi cho biết tình hình; anh chỉ nghe báo cáo... Sau đó ông Tiểu đoàn trưởng xin Bộ Tư lệnh tăng phái một đơn vị thám kích để mở đường, nằm đường cho các toán Công binh làm đường. Ông đã lắc đầu, chán ngán. Trước sau con đường này, cũng bị phá. Trước sau những chiếc cầu đúc xi măng này cũng bị sập vì mìn, và trước sau, mấy chục triệu cũng trở thành mây khói. Ông biết vậy, ông đại đội trưởng đại đội C. Công binh cũng biết vậy. Họ biết, như anh biết. Nhưng họ vẫn làm. Vì con đường đó,

đã có ngân quỹ quốc gia đài thọ. Lòng anh bỗng nhiên sôi sục, anh ước ao mình trở nên một người đầy đủ quyền hành. Nhưng bao giờ, bao giờ được. Người ta đang đóng một cuốn phim trên quê hương anh, cuốn phim về một con đường hư khói, cuốn phim về nỗi thống khổ của đồng bào anh, về chiếc cầu gỗ, được đốt rụi, để anh thấy lại những giọt nước mắt của lòng mình. Con sông Gò bồi , vẫn yên chảy. Anh bỏ súng xuống, nhìn con đường mà anh bảo vệ hằng ngày, mà nghĩ đến một buổi mai nào đó, anh có thể trở về bình yên nơi chốn cũ bằng một chuyến xe lam, để thăm lại ngôi giáo đường có cần an ten cao vút, có những nhánh sứ, khô tróc vỏ nổi lên trên nền trời mây trắng. Không biết anh có về được không?

(Ý Thức số1. Tháng 10-1970)

TRƯỜNG CƯỜNG THANH

“...Đâu đây, Nhã vừa thấy lại khuôn mặt già nua nở lớn của vị y sĩ trưởng- vết thương trung úy thiệt tai hại. Chúng tôi lấy làm tiếc phải báo tin buồn. trung úy, từ nay, không còn khả năng gần đàn bà. trung úy sẽ không có dịp làm cha nếu đã không có con từ trước. Nhã nghe nói mỗi lúc mỗi lớn hơn, điếc tai. Phải đi, phải đi ngay mới được, trước khi không còn dịp nữa Nhã ơi....”

NHÌN YÊN LẶNG

Buổi chiều xuống chậm và đầy, Nhã nghĩ còn lâu mình mới có thể quên được buổi chiều tan muộn này trong đời. Buổi chiều đem về Nhã một chút xót xa còn lại sau hơn năm năm yên lặng và chờ. Từ khi Ngoan biến đi dưới tầm mắt Nhã đưa đón mỗi sáng, chiều. Có một chút mát mát oan uổng, tuy gương mặt phấn son đó, dạn dày đó, và chiếc mini jupe ngắn cũn cỡn đó, nhưng Nhã trông Ngoan vẫn còn đôi phần cái nét dịu hiền quen thuộc xưa. Ngoan đó phải không? Còn anh là Nhã. Nhã gật gật đầu. Chỗ yên lặng kéo dài sau đó giữa hai người, chàng nghe như rơi hẳn vào trí nghĩ mình đầy ắp. Nhã nghe mình rỗng tếch trước khi có một chút xao động vu vơ. Nhã không mất bình tĩnh tuy giữ mãi thái độ nhìn yên lặng. Ngoan mím môi xoa xoa mũi giấy xuống đất. Người ta nói đó là kiểu giấy op-art. Nhã thấy thật là kỳ cục. Hai miếng da nhỏ xíu vừa đủ túm lấy mấy đầu ngón chân lại một cách vụng về. Màu đỏ đen và làn da chân trắng nuốt lên tới tận đùi. Nhã tặc tặc lưỡi. Anh Nhã không có gì nói với Ngoan. Nhã kéo nón thấp xuống và khép bớt mí mắt lại. Nhã muốn giấu nỗi xót xa mà chàng nghe chừng trời dậy sau giọng nói Ngoan khàn khàn đi vào thính giác. Nhã nghe mình trả lời. Mình đi uống chút gì đi rồi nói chuyện. Sau câu nói đó Nhã lại thấy buồn cười. Câu nói đã trở thành thói quen được sử dụng khi chàng lúng túng đề tài đầu hót với lũ bạn. Ngoan gật gật đầu. Chỗ yên lặng kéo dài cho đến khi một chiếc quan nhỏ xuất hiện ra. Nhã ngẩng lên. Quán Cô Nem. Nhã lại tức cười, khi chợt nhớ tới thằng Cường. Cứ y như là mỗi lần trông thấy cái hiệu Cô Nem, tên

Cương lại dở cái giọng nửa đùa nửa buồn – Cô Nem mà cất kỹ vào bao tử thì không còn lo bay bổng vào mấy cái snack bar Mèo như bà xã nhà tao, và nó đâm ra si cô Nem từ đó. Từ khi vợ nó khoái mini jupe hơn áo dài rồi bỏ đi lấy mấy cái tượng đá trắng. Cương vẫn nhất định Mèo chỉ là mấy cái tượng đá trắng, trông cao ráo hùng vĩ nhưng mang về xài mới biết...đúng là cái tượng đá trắng. Thế sao tụi Mèo cho mảy “out”. Thằng Cương vẫn lắc đầu hoài trong khi lũ bạn cười quên thôi. Chúng mi đừng cười rồi thì cũng tới phiên chúng mi cho coi. Đô xanh đô đỏ cả mà. Nhã chợt buồn nhìn sang Ngoan. Cái mini ngắn thiệt mà, ít nữa cũng trên gối hai phần. Nhã nhú máy lắc lắc đầu. Chàng nhớ tới người con gái nhỏ thơ ngây ngày xưa tên Ngoan. Nhã lẩm bẩm. Cái mini ngắn thiệt, ngắn thiệt. Ngoan tròn mắt – Anh nói gì em? Không, không anh định hỏi xem em uống gì. Ngoan kơ đãng. Whisky. Ok. Nhã bực mình nói không có Whisky đâu. Ngoan kêu nhỏ – chết chưa, em quen miệng. Anh gọi cái cam vắt.

Ngoan kéo ghế nới ra rồi bắt chéo chân. Đôi đùi nàng lộ ra thon, trắng av2 chắc. Nhã lại tặc lưỡi. cái mini ngắn thiệt mà. Nhã nhớ tới bộ đồ bà ba vải trắng viền sáng ánh nắng buổi chiều cuối đông mà nghe như mình đang mơ chuyện cổ tích. Lũ thằng Cương mà biết vụ này, Nhã đoán chắc lại có đưa gờ tay lên trời than lớn. lại một thằng khốn nạn nữa bị Mèo cho “out”

Nhã kêu cái uống rồi nhìn lơ đãng. Những dãy bàn ghế trống khách trông thật thiếu ỏi. Bây giờ mười giờ mới giới nghiêm, ít nữa bảy tám giờ mới có khách đến đông.

Nhã khẽ nghiêng đầu chào cô chủ quán có đôi mắt đen nhí nhảnh. Cô gái cười ngoắc ngoắc tay chào lại. Cô bé người Quảng Ngãi lưu lạc vô Nam mở quán bán nem nướng. ban đầu quán không tên, sau nghe mấy ông khách vui tánh cứ gọi trại tên cô là Năm ra tiếng Nem, vừa đúng tiếng ngoài Quảng, vừa hợp nghề cô, cô bé tức mình dựng ngay bảng “ Quán cô Nem ”. Thằng Cường Vần đùa. bao giờ dẹp quán cô Nem. Dẹp hỉ. Ừa dẹp. Dẹp rồi mần chi. Lấy chồng, chồng Mẻo ở building. Dị lấy chồng người mình chứ. Thiệt hử, lấy anh đi. dị cái ông nì. Lấy ông để theo ông đi trận hem tém ngày một tháng hỉ. Có sao. Chếch choa tui hử. Chị bồi mang hai ly cam đặt trên bàn, Ngoan nhìn Nhã cười cười nhắc lại. Anh Nhã không có gì nói với Ngoan. Nhã cười buồn. Lâu rồi mình mới gặp lại nhau. Lâu à, có hơn năm rồi đó. Ngoan hơi cúi xuống xoa xoa mấy ngón tay trên vành ly. Nhã để ý tới mấy cái móng nhọn đánh sơn màu cẩm hương chàng nghe có mùi nước hoa L’amour sans fin từ phần ngực Ngoan để trần, khiêu gợi với khoảng hững sâu xuống ở giữa. Làn da trắng và mịn. Nhã nghe nao nao. Chàng nghĩ tui Mẻo chắc phải cạn túi với nàng. Nhã nhớ tới anh chàng GI mặt đỏ sẫm râu ria gặp hồi đầu tháng trước. Anh chàng Ta bảo đã ở trong rừng năm tháng liền rồi khoe với chàng một túi bạc nhóc ké tiền Mẻo, tiền Việt. Anh ta nói it’s not less, my friend rồi cười rất lớn. Một chút bứt rứt đến, với Nhã khi chàng có ý nghĩ bộ râu dài, cứng nhắc của tên da đỏ lớn xác xoáy xoáy mãi trên làn da Ngoan mềm ngọt. Chỗ bứt rứt làm chàng hơi giận vu vơ . Nhã nhớ tới lão Bác Sĩ trong bệnh viện Cộng Hoà. Gương mặt già nua, ánh mắt hiền từ và lời nói buồn thảm, lời nói đã mang tới cho chàng nỗi kinh khủng

lớn lao nhất trong đời. Nhã lắc lắc đầu cố xua đuổi những ám ảnh khôn nạn đi thiệt xa, thiệt xa. Ba mẹ sẽ không biết gì hết về nỗi niềm của đứa con độc nhất này. Nhã thở ra nhẹ và kịp đón ánh mắt Ngoan buồn mơ mộng. Mình xa nhau vậy mà đã lâu quá rồi phải không anh Nhã. Nhã gật gật đầu cảm động. Nhã thấy mắt mình hơi mờ đi và nỗi ray rứt cũng bốc hơi bay biến. Trước mắt Nhã bây giờ không phải là cái quán nhò buồn vắng khách có cô chủ người đàn ngoài luôn luôn cười tươi nói ngọt. Nhã nghe rõ tiếng cười, mà không, tiếng ồn ào vỡ chợ; một phiên chợ cyuối năm. những hàng dưa, hàng quả bánh, hàng bông. Những cành mai gầy nhấp nhò, nghiêng ngả trên tay người rao bán. Những tà áo. Những gương mặt. Nhã nghe rõ tiếng chuông điện ngân vang, vang dội như chưa bao giờ chàng tưởng có thể lớn tiếng như vậy. Tới giờ học rồi anh Nhã. Kệ, mình ở ngoài chơi một chút. Mùa đông sắp hết, nhưng trời vẫn còn lạnh. Nhã kéo cao cổ áo nhìn về phía khu chợ. Hay mình đi chơi đi, bỏ hai giờ đầu đi chợ Tết hử, Ủa, mua dưa ăn, dưa vàng Sóc- trắng ngọt lắm. Thôi đã đề nghị thăng cấp và sẽ gửi trung úy về phục vụ tại bộ Tư Lệnh trong khi chờ đợi đưa trung úy về nguyên quán làm việc văn phòng hay giải ngũ nếu trung úy muốn. Nhã giận run. Chàng đấm bàn, hò hét suốt ngày đêm. Để cho tôi chết! Sao không để cho tôi chết. Nhưng Nhã không chết, chỉ mỗi mòn thêm mãi với nỗi ám ảnh của chỗi ngày mai dài buồn thảm tẻ nhất. Chàng sẽ chỉ như một thầy tu dòng kín và sẽ sống cô đơn mãi. Con sẽ đi biệt. Ba mẹ sẽ không có cháu bông ấm. Tha thứ cho con. Nhã gục đầu xuống.

Ngoan chợt đứng phắt dậy. Ngoan nói không thể chịu đựng cái nhìn yên lặng của anh nữa. Nhả xua tay. Em ngồi xuống, nghe anh nói. Ngoan múm môi hồi lâu rồi mỉm cười, ngày xưa em không bao giờ giận anh lâu được và bây giờ cũng vậy. Ngoan ngồi trở xuống.

- Anh không muốn hỏi gì em cả. Mỗi người đều có những khó khăn phải đương đầu trong cuộc chiến này. Ai cũng chịu phần thiệt thòi dù không ai muốn hết. Em nè, anh chắc em đã khổ nhiều với mặc cảm gái bán bar...và, và anh nữa anh cũng khổ với mặc cảm của anh. Chiến tranh...chiến tranh...anh không biết phải nói sao nữa. Nhả ngạc nhiên nghe mình lạc giọng nghẹn ngào. Đã lâu rồi từ ngày rời bệnh viện. Nhả mới lại thấy mình nghẹn ngào một cách thực tình. Nhả yên lặng nhìn Ngoan và chàng cũng bất gặp nỗi nghẹn ngào đó trên gương mặt Ngoan son phấn. Nhả để ý thấy có những nếp nhăn lớn trên trán người con gái đối diện. Chàng thấy tội nghiệp cho Ngoan và cũng tội nghiệp cho mình nữa. Ngoan vuốt tóc nói cảm ơn anh rồi cúi xuống thật thấp. Có những giọt nước mắt lặng lẽ tuôn ra từ đôi mắt Ngoan đỏ và ướt. Nhả nghe đặng giọng nhìn đôi bờ vai Ngoan run run. Chàng biết Ngoan đã rất thành thật, và thành thật hơn nữa là Ngoan vẫn còn yêu Nhả nhiều. Hồi xưa hai đứa hờn nhau thiệt là hồ đồ, Nhả nghĩ và xúc động mạnh. Chàng nghe mình cũng muốn khóc. Nhưng chàng không còn nước mắt sau ngày rời bệnh viện. Có một nỗi buồn khủng khiếp đang vây kín chàng, làm chàng ngây ngất. Nhả nghe mình mòn mỏi, rỗng tếch. Đâu đây, Nhả vừa thấy lại khuôn mặt già nua nở lớn của vị y sĩ trưởng- vết thương trung úy thiệt tai hại.

Chúng tôi lấy làm tiếc phải báo tin buồn. trung úy, từ nay, không còn khả năng gần đàn bà. trung úy sẽ không có dịp làm cha nếu đã không có con từ trước. Nhã nghe nói mỗi lúc mỗi lớn hơn, điếc tai. Phải đi, phải đi ngay mới được, trước khi không còn dịp nữa Nhã ơi. Chàng nghe đầu óc quay cuồng. Chàng sắp ngã nhào bây giờ. Nhã đứng phắt dậy. có tiếng Ngoan gọi Nhã Nhã thất thanh cùng lúc với tiếng kêu buồn thảm của ba mẹ chàng. Nhã ơi! Nhã ơi! Con ơi! Nhã lắc lắc đầu. Chàng nghe mình bước đi thật nhanh: những bước chân bay bổng. Con sẽ đi biệt. con sẽ đi biệt.

(Văn 121)

PHẠM VĂN NHÀN

“...Anh thấy ghê tởm câu nói của Phú: mang nó ra ngoài là nó khai ngay thôi. Anh hiểu câu nói ấy. Giá lúc này anh có rượu để uống một cốc. Anh im lặng không thể nào trả lời câu hỏi xin của Phú. Một tiểu đội trưởng gan dạ trong đơn vị của anh. Bàn tay phải anh vuốt nhẹ trên báng súng M.16. Một sự im lặng nặng nề trong ngôi nhà gạch bỏ hoang này. Anh không ngờ Phú lại có ý nghĩ tán tận lương tâm đến như thế..”.

TRONG KHOẢNG TRỜI CHIỀU

Thư quay qua người trung sĩ dạo dò một vài điều cần thiết trong đêm. Tiếng người trung sĩ dạ nhỏ rồi xách súng đi xuống những bậc thềm của ngôi nhà gạch đổ nát. Buổi chiều sắp lặn sau những hàng tre bên kia sông. Dòng Cà Ty trước mặt anh như sắp chìm lẫn vào trong

bóng đêm mất hút.

Thư mỗi tiếp điều thuốc đi vào trong ngôi nhà gạch. Ngôi nhà bỏ hoang có lẽ đã lâu lắm cho nên có mùi ẩm ỉm của mốc meo. Một mùi ẩm nghe khó chịu và lạnh như trong nhà mồ. Anh hỏi người lính xem còn có cây đèn cây nào không. Hấn lục trong xách ba lô và lấy ra cây đèn cây. Thư mỗi lửa. Ánh sáng từ cây đèn cây rọi hắt vào những gương mặt bơ phờ, mờ ảo. Vách tường loang lổ những vết đạn. Từng mảnh vôi tróc ra để lộ những viên gạch màu đỏ sẫm, sần sùi. Không gian thật âm u trong ngôi nhà hoang này. Âm u như trên từng gương mặt của những người dân vừa mới bắt được khi chiều.

Ông trung sĩ Ba kéo cái ghế đầu mà ông tìm thấy đầu đó đến cho Thư. Anh ngồi xuống ghế và hỏi:

- Anh cho anh em canh gác cận thận chưa?

- Dạ, xong hết rồi thiếu úy.

Anh yên tâm đám lính của mình. Và mong sao đêm qua nhanh. Bây giờ anh mới nhìn những người ngồi trước mặt anh. Những gương mặt mét xanh. Những cặp mắt lạc thần, âm u không còn cái lạnh lẽ. Thư hỏi người đàn bà có chữa ngồi trước mặt anh bên cạnh người con gái có mái tóc dài mà hồi chiều anh không để ý đến ngưỡng người bị bắt. Anh chỉ nghe trung sĩ Ba nói lại là bắt được gồm 20 người. Anh báo về ban chỉ huy xin lệnh. Hãy tìm một nơi nào đó giữ họ và chờ ngày mai. Đêm nay, 20 người ngồi trước mặt anh. Hai mươi con người như anh, từ lâu, đã bị loại. Anh hỏi người đàn bà có chữa:

- Tôi nghe ông trung sĩ nói chị không chồng sao có chữa.

Tôi hỏi thật, chồng chị đâu?

- Trăm lạy quan thầy, em nói chồng em đi lính quốc gia.

- Chồng chị đi lính sao chị không theo chồng mà lại ở trong vùng bị chiếm?

- Dạ, con nghe nói anh đi lính ở đâu ngoài Bình Định.

- Ở xa như vậy mà sao chị mang thai 5,6 tháng?

Một vài tiếng cười của anh em lính đứng gác gần đó. Người đàn bà nghe hỏi, cúi xuống mân mê vạt áo bà ba đen, đôi dép trong chân của chị buông ra trên nền nhà ẩm. Phú ngồi bên cạnh Thư nóng nẩy, nói:

- Thiếu úy để cho tôi. Đ. m giờ này mà còn nói láo. Chồng nhẩy núi thì nói nhẩy núi đi lính quốc gia! Đ. m đi lính cho vẹm thì nói ngay cho rồi...còn cô kia?

- Ông gọi tôi. Người con gái ngẩng đầu lên hỏi.

- Cô làm cái gì trong vùng này.

- Tôi không làm gì hết.

- Mầy lại búồng với tao phải không? Thiếu úy cho tôi mang nó ra ngoài là nó khai ngay thôi.

Thư ngồi im lặng trên chiếc ghế đẩu hút thuốc. Dựa lưng vào vách tường. Bên ngoài trời tối đen như mực. Anh tự thấy chưa bao giờ anh sợ bóng đêm như hôm nay. Anh cố nhắm nghiền đôi mắt mơ màng bên khói thuốc lá...Anh thấy ghê tởm câu nói của Phú: mang nó ra ngoài là nó khai ngay thôi. Anh hiểu câu nói ấy. Giá lúc này anh có rượu để uống một cốc. Anh im lặng không thể nào trả lời câu hỏi xin của Phú. Một tiểu đội trưởng gan dạ trong đơn vị của anh. Bàn tay phải anh vuốt nhẹ trên báng súng M.16. Một sự im lặng nặng nề trong ngôi nhà gạch bỏ hoang này. Anh không ngờ Phú lại có ý nghĩ tàn tâm lương tâm đến như thế...

Vết thương lòng lại trở về với anh. Phú đọc:

- Sao thiếu úy. Cho đàn em trị nó đi chứ?

Người con gái lại càng thấy sợ hơn khi nhìn Phú dữ dần. Anh nhìn người con gái rồi nhìn Phú, nhìn trung sĩ Ba. Anh lắc đầu, rồi nói: để đấy cho tôi. Mai chuyển họ về ban chỉ huy rồi sẽ rõ. Thư không thể nào chấp nhận, cái lối chấp nhận của những tên Tây đen rạch mặt của hai mươi mấy năm về trước... Má anh đó. Dì của anh đó. Em của anh đó. Những gương mặt nhor nhớp của những tên Tây đen rạch mặt năm nào như sống lại...Anh còn nhớ một buổi sáng trên rẫy nương, thấy Tây lên cả nhà chạy không kịp nên phải trốn vào bụi dúi bên một cái gò mối. Thế mà Tây nó vẫn thấy bắt hai người ra khai thác rồi thay phiên hãm hiếp. Hơn mười một thằng Tây thay phiên nhau thỏa mãn thú tính xong thì cả mẹ, cả dì và cả em của anh nữa cũng chỉ là cái xác không hồn. Hình ảnh của mẹ, của em vẫn còn đó thì anh không thể nào thỏa mãn sự yêu cầu của Phú. Bỗng dưng nước mắt của Thư như ứa ra. Anh đứng lên, nói:

- Không, không được. Chúng ta không có những hành động khai thác như vậy. Các anh hãy nghe tôi. Các anh hãy để tôi yên. Thư nói có vẻ vừa hằn học vừa tha thiết. Trung sĩ Ba biết tánh anh, im lặng. Còn Phú cũng vậy. Sự im lặng trở lại trong ngôi nhà hoang đầy bụi nhện. Lòng anh se lại như một buổi sáng nào đó trên rẫy nương. Anh quay qua người trung sĩ Ba:

- Anh ra xem anh em gác ra sao. Xem chừng đêm nay đó. Còn Phú lấy tên tuổi của những người này hết chưa?

- Xong hết rồi thiếu úy. Mai chỉ có việc giải họ về là xong.

Thư bắt đầu gởi chuyện với người con gái.

- Tại sao cô phải ở trong vùng này để bị bắt?

- Tôi về thăm nhà thì bị mấy ông bắt.

- Cô ở đâu mà về?

- Ở dưới quận.

- Vậy ai là người bà con của cô. Thư hỏi.

Người con gái chỉ vào người đàn bà có chữa rồi nói:

- Chị của tôi đấy. Chị bà con bạn dì ruột.

- Có chắc như vậy không? Thư hỏi.

- Ông không tin tôi đó là quyền của ông, còn tôi có sao nói vậy.

- Cô làm gì dưới quận?

- Đi học. Hôm nay nghỉ về thăm nhà thì bị mấy ông lừa.

- Cô có biết vùng này mất an ninh, sao cô lại còn về.

- Tôi tưởng có Đại Hàn, hơn nữa tôi là gái mà có sao.

- Sao lại không sao. Thời buổi này khổ lắm cô ơi. Giặc giã mà cô.

Người con gái nhìn người đàn bà có chữa rồi hỏi:

- Thưa ông, chị em tôi bị bắt như thế này có sao không?

- Chắc là không sao. Mai tôi đưa bà con về dưới đó có gì khai thật, rồi người ta thả về.

- Dạ, cảm ơn ông.

Người con gái nói xong, cúi xuống vẽ những vòng tròn trên nền nhà trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn cây. Thư nhìn thấy trên gương mặt âu lo của 20 người. Những người cùng với anh một giọng nói, một màu da, một dòng máu. Những con người cần cù như mẹ anh, dì anh và em anh. Bây giờ những con người đó đang ngồi trước mặt anh, anh thấy cần phải có một cái gì đó để gần gũi.

Mẹ chàng? Em chàng? Không, mà là tất cả. Chỉ có chiến

tranh mới làm cho con người ta thù hằn với nhau, chứ thật ra những con người này có thù hằn gì đâu. Thư ngồi xuống hỏi chuyện với một ông cụ đang gồi dựa lưng vào vách, có vẻ mệt mỏi:

- Cụ ở đây hẵn là lâu?

- Dạ.

- Mấy ông trên núi thường có xuống không cụ?

- Ông hỏi mấy ông nào?

- Thì mấy ông Cộng sản đó.

-Ồ! Tưởng ông hỏi ai chứ mấy ông đêm nào lại chẳng xuống. Có khi cả ban ngày.

- Không sợ quốc gia lên sao?

- Quốc gia nào?

- Như tụi cháu đây nè. Tụi cháu là lính quốc gia, lính của đồng bào. Đồng bào không sợ gì hết.

- Sao mấy ông nói mấy ông cũng là lính của đồng bào.

Thư và mấy người lính còn lại trong căn phòng cùng cười theo câu nói của cụ già. Người con gái cũng ngược đầu lên, hất mái tóc ra sau cũng mỉm cười theo những người lính.

Thư hỏi tiếp:

- Đồng bào ở đó cực khổ sao không bỏ đi tìm nơi khác làm ăn?

- Bỏ đi đâu nữa thầy. Tụi tôi sống nhờ chút ít đất để lại. Bỏ đi biết lấy gì mà sống. Xa cái cây cái bờ có nước mà chết đói.

- Thì ở đây cũng chết về súng đạn vậy?

- Quen rồi thầy ơi. Đêm nào cà nông ở dưới quận cũng bắn lên.

- Có khi nào thấy lũ nó chết không? Trung sĩ Ba hỏi.

- Lũ nào thầy?

- Thì bọn giải phóng đó.

- Có chứ.

Thư nhìn bà cụ ngồi bên cạnh người con gái. hỏi:

- Còn cụ, cụ thích quốc gia hay giải phóng?

- Lão già rồi có biết gì là quốc gia là giải phóng.

Người con gái ngồi bên bà lão cúi đầu xuống, tay vẽ những vòng tròn trên nền nhà trong ánh sáng không được rõ lắm của cây đèn cây. Mái tóc dài phủ trên bờ vai. Anh nghĩ đến Duyên. Nghĩ đến những ngày phép ngắn ngủi. Những buổi sáng trời mù sương hai người đi trên bờ sông. Duyên cũng có mái tóc dài đó. Cũng vóc dáng đó, mảnh mai. Và, đôi mắt. Đôi mắt nhãn lồng đen to. Duyên với những buổi sáng trời mù sương rồi cũng qua đi với những ngày phép cũng hết, anh trở lại với những cuộc chiến, với xóm làng không có người ở, với những cây dừa khẳng khiu không còn bẹ vì thuốc khai quang...Duyên cũng ở trong vùng bị chiếm, nằng theo gia đình bỏ làng mạc về ở khu định cư bên bờ sông. Giá như Duyên còn ở trong vùng bị chiếm thì làm sao tránh khỏi những cuộc hành quân lục soát bắt bớ, hay phải chịu những sự đóng thuế cho những người bên kia. Trăm chuyện rồi cũng trút lên đầu lên cổ người dân, Thư thấy chua xót, ray rứt. Rồi những sự tình nghi bắt bớ. Những cái chết xảy ra thật lẫm ở trong thành phố bởi những trái đạn từ bên kia rớt tới. Cuộc chiến lan tràn. Ba ngày trước anh nhận được thư của Duyên cho hay thành phố bị đến 10 trái bích kích pháo. Có một trái rơi xuống mé sông làm chìm một chiếc ghe máy, khá là khu định cư không sao.

Thư mỗi tiếp điều thuốc rồi đứng dậy lấy khẩu M.16. Anh nói với đám người bị bắt hồi chiều: bà con ngồi yên ở đây, ai có đi đâu thì nói với lính gác, kẻo không họ tưởng lầm bắn chết thì ráng chịu. Xong Thư bước ra. Người con gái đưa mắt nhìn theo chàng rồi tiếp tục cúi xuống vẽ những vòng tròn trên nền nhà gạch xục đỏ.

(Khởi Hành/ Tháng 1.1970)

LÊ VĂN THIÊN

“....-Khuya rồi, ngủ chứ Ngự – tôi nói, giọng dại đi, mơ hồ. -Ngự không buồn ngủ.

Tôi nhớ, cũng câu đó nhưng nếu là trước kia thì Ngự sẽ nói “Tôi không buồn ngủ”. Ngự thu dọn đồ lại một góc. Tôi vịn thật nhỏ ngọn đèn, rồi ra ngoài, xuống sân. Tôi nghe tiếng chân Ngự nhẹ nhàng về hướng lu nước. Nhanh hơn, tôi tới giật lấy chiếc gáo, đem móc lên cao. Không hiểu Ngự loay hoay thế nào, nhưng sau đó thì bị tôi ôm được vai. Ngự run lên trong bóng tối. Ngự run quá làm tôi lúng túng. Tôi chợt nhớ nụ cười thật đẹp của Ngự lúc ban ngày. Vội vàng tôi hôn lên nơi làm ra nụ cười đó....”

MỘT LỐI TIỆN LỢI

Ngự đến ngồi bên trái tôi, chụm kín áo ngó xuống hai gối mình, vuốt nhanh mấy sợi tóc phủ trước trán rồi mới cầm dũa. Bà cụ bưng cây đèn lớn từ nhà trên đem đặt lên tủ ăn. Độ này điện hay cúp bất thường nên phải phòng hờ. Tiền đang xóc dũa lọc xọc, thấy vậy la lên:

-Cụ lo xa quá, chắc chi điện tắt mà cụ lo.

Phàm trừng mắt:

-Lo thì sao. Mà y chọn gì trong bó dừa dứa vậy, ồn ào.

-Tìm hai chiếc dừa đồng nhau, ăn dừa so le xóc hông – nó cau mặt – đùa tí, gì mà ồn ào bà.

-Mày đùa với cụ hở? Phàm sừng sộ.

Viết bưng chén xới xới cho cơm rời, la:

-Thôi giảng hòa đi. Mời anh Trạng, mời quý vị.

Bà cụ ra ngoài, Tiền thấy, kêu đón:

-Ồ, cụ không dùng cơm luôn.

-Tối tao ăn sau. Mới làm miếng bánh lúc xế, giờ còn nằm trong cối.

Chị Ngự nói:

-Lâu lâu lại nghe bảo thức ăn nằm nơi cối. Bánh chặn cối mà cụ thử được.

-Có lý chứ. Miếng bánh chỉ kẹt dính một nửa thực quản thôi, bên nửa còn lại trống tha hồ thử – Tiền nói xong cười hích hích.

Cái bàn rộng bằng hai chiếc mâm, vừa dùng làm bàn vừa làm mâm. Chân nó quá thấp nên người ngồi thật khó tìm một lối ngồi thích hợp. Lần đầu ăn chung với tập đoàn này, tôi cố tạo cho mình một tư thế vững vàng, đẩy sự ngượng ngập đi xa, để khỏi mất mặt. Dù gì mình cũng là phái mạnh. Lại nữa là lính, lính tráng yếu chúng cười vào mũi. Tôi cẩn thận lựa cơm, cẩn thận gắp cá, và từ tốn múc canh chua. Tiền vẫn giữ tính làm rộn của nó:

-Ngày nay có mấy người để chị Phàm?

Phàm giả lơ, chăm chăm ăn, dù hai người ngồi gần, tay muốn thúc vào hông nhau.

-Mùa lạnh thiên hạ gieo giống, để mùa nóng gặt. Bây giờ còn là mùa nóng – Tiền gật gù như ngẫm nghĩ, rồi

thêm – trách gì thấy chị Phàm làm phờ người ra.

Viết xì:

-Tiên sư, bà dốt. Sắp tháng chín mà kêu mùa nóng. Trời xụi xịt muốn trút nước đến nơi kia.

Chị Ngự ăn uống chậm rãi, không chú ý đến bọn nhỏ.

-Mùa mưa lính khổ lắm anh Trạng hỉ – Viết hỏi.

Tôi ậm ừ:

-Khổ, thường bị ướt.

Tiền bắt bẻ:

-Như anh ai nói không được. Khổ là khổ làm sao chứ. Khổ thường bị ướt, dở quá, hì!

Hai đứa, Tiền và Viết xòa ra cười. Tôi cũng cười.

-Khổ lắm, nhưng thấy không có gì đáng nói. Ai cũng khổ cả. Như mọi người đang túng đói vì lương quá ít, mà mấy ai kêu than. Họ sao mình vậy.

Tôi lừa miếng cơm chót chén thứ ba xong đứng dậy, chị Ngự khẽ hỏi:

-Thôi à.

-Thôi.

-Anh mắc cỡ hử – Viết ghẹo.

Tôi nheo một mắt, làm như nguýt. Mấy đứa nhỏ dễ làm người ta mất bình tĩnh.

Xong bữa, trừ bà cụ, mọi người dời lên nhà giữa.

Phàm đem ra cho tôi hai tờ nhật báo và tập truyện. Ngự mang chiếc xách đồ bày giữa nhà để làm thêm một ít, theo thói quen trước khi ngủ. Chị soạn vung vãi những dao kéo, bột hồ, cùng từng xấp giấy báo lấy từ tạp chí cũ của Mỹ. Chị cắt, xếp, dán rất nhanh được hàng loạt túi vừa nhỏ vừa lớn. Túi dùng chứa nhiều món tạp nhạp tại mấy sạp hàng lẻ ngoài chợ.

Phàm kể hôm nay trực nhưng rất nhàn, chẳng có bà thân

chủ nào lê tới làm rộn. Chắc hẳn nhằm ngày xấu nên thiên hạ không thêm để. Nghề nào cũng lúc khổ lúc sướng. Có hôm từ sáng tới tối làm bù đầu, chẳng rồi để dùng cơm nữa. Một lúc đến ba bà sinh, năm bà chuyển bụng, và hàng tá đang thập thò đợi thăm thai. Tôi biết Phàm có mấy cô bạn đồng nghiệp khá xinh, tôi hỏi:

-Trông bà con sinh nở khốn khổ như vậy, quý vị chắc ngán vụ lấy chồng?

Phàm nhú mũi mấy cái liền, nhún vai:

-Sao lại ngán?

Như để nghĩ chín chắn Phàm không tiếp ngay, tôi thích thú chờ.

-Ai cũng rõ chuyện đấy, nhưng rõ chỉ để mà biết rồi lo tí tí thôi. Nếu sợ thì nay dám không còn người để ... để đáp ứng nhu cầu chiến tranh.

Tôi cười cười. Phàm bạo dạn và ranh mãnh. Không hiểu do bản tính hay ảnh hưởng của nghề nghiệp.

Bữa trước Phàm hỏi tôi:

-Tháng rồi về phép anh bắt cái vợ chưa?

Tôi lắc đầu. Phàm tỏ ý không tin.

-Tôi nghi sẽ phải lấy vợ miền này quá – Tôi vờ nói với giọng nghiêm trang.

-Có triệu chứng gì chưa mà nghi đấy? Nhưng anh đùa, sức mấy mà chê gái quê mình. Trâu ta ăn cỏ...

Mẹ tôi vẫn thường nhắc nhở về chuyện này. Mẹ nói vụ vợ con để trong nhà mẹ liệu cho. Hễ mày ừ là khi về có sẵn vợ mà dùng. Đừng lấy gái người – không hiểu vì sao mẹ chú trọng chuyện ấy. Mẹ bảo, sống phải biết tùy thời, mẹ ngại tôi chần chừ gia tộc sẽ tuyệt tự. Con một như sao treo bằng chỉ mảnh, dễ đứt dễ rơi. Mẹ làm như chuyện mua bán không bằng, thích lúc nào tậu ngay lúc

đó.

Phàm bảo:

-Anh cũng chẳng lo gì, trai tráng sường, không sợ muộn. Cực thân đàn bà con gái. Như bà Ngự bây giờ, hâm thiêu ế ẩm ngó mà ngán... nay đến nước cùng chưa chắc beo mà lấy.

-Cô bi thảm hóa vấn đề.

-Thèm bi quan. Tính toán thực tế đấy chứ. Nay, bấm đốt ngón tay làm con tính nhỏ thì biết. Các ông thi nhau ngổm...

Tôi kêu:

-A! Phải rồi, con trai cũng có cái lo lớn đó chứ, lo ngổm...

Im một lúc Phàm nói:

-Nghĩ thật kỳ, sao lại cần đàn ông đến như vậy hỉ. Sống son son một thân không nổi, không kham.

Rồi tán phét:

-Thời trước, thiên hạ nói, có vùng nọ toàn đàn bà ở một nơi rất cách biệt với các xã hội loài người khác. Họ cũng tổ chức qui củ, có vua quan thần dân đảng hoàng. Họ sống với nhau độc lập tự chủ như thế được khá lâu. Nhưng bỗng một ngày có lẽ một ngày giông bão mưa to gió lớn, vị vua không phải là đàn ông ấy ra lệnh cho đám thuộc hạ rằng trong vòng bảy ngày phải tìm cho vua một tên phái mạnh. Quá hạn không có sẽ lãnh tội mất đầu. Lần lượt ra đi từng người. Nhưng rồi lần lượt những kẻ đó được xem như mất tích. Chẳng rõ chúng bị lạc đường, chết theo bờ bụi. Hay tìm không được sợ, nên trốn. Hoặc giả, các y thị tìm thấy mà lừa mang về vua, để riêng một mình khai thác. Chỉ biết vương quốc sau đó cạn người. Nữ hoàng buồn võ vàng rồi tịch... Tóm tắt, thì

đàn bà sau trước cũng giống u mê, bụng luôn thích đời bị trị.

Chị Ngự làm có vẻ không chăm lắm nhưng đều đặn. Trông Ngự ngồi có cái dáng cần cù nhẫn nhục. Chị đã ngồi như thế trong bao năm với sạp tạp hoá ngoài chợ. Hồi mới quen Hiếu, một lần tôi thấy ảnh chị Ngự trong ví nó. Tôi tưởng bấy giờ là bồ nó. Chị Ngự đẹp nhất nhà, chị trẻ, dáng điệu quý phái. Thấy thật không hợp chút nào với số tuổi lớn lao mà chị phải mang. Thăng Hiếu thương chị nhất. Bởi chị làm có tiền.

Hiếu thân tôi trong những ngày còn ở quân trường. Sau ra tôi được đổi về quê nó, nhưng nó thì lại theo một đơn vị ở xa, quá xa nếu phải về thăm nhà theo đường bộ. Con đường bị cắt đứt từng đoạn, như sợi cao su răng cưa chẳng chặt, tưởng không xài được nữa. Ba năm Hiếu chỉ về được một lần bảy ngày. Mỗi lần tôi ghé thăm, bà cụ lại nhớ Hiếu, và buồn. Sau đó tôi đi. Bà khóc. Bà cụ nói nhà đông người nhưng thật ra thì bên trong trống rỗng. Nếu chị Ngự không muợn màng chị đã theo chồng con từ lâu, chỉ còn mỗi một Viết. Chị em Phàm thì sống tùy ý thích, khi buồn thì hai đứa lại kéo nhau về nhà ở với mẹ. Bà cụ nhận xét lũ con gái chúng nó chỉ tạo nên một sự nhộn nhịp vui vẻ từng đợt. Có lúc thì ầm ĩ vang vầy, nhưng sau đó vắng ngắt, buồn lạnh. Nhà thiếu bóng đàn ông. Tôi nghĩ, chắc là đúng. Đàn bà con gái sống với nhau có lẽ khó tìm được sự thương mến thân mật thật tình. Ngày mới quen, một lần Phàm dịu giọng nói với tôi: -Bà cụ em ruột mẹ Phàm. Tụi con Ngự là em, vai em, nhưng chúng ưa làm cha lắm đấy nghe.

Tôi không hiểu ưa làm cha ra sao, tôi vẫn gật tỏ rằng đây hiểu. Tôi thừa rõ nếu chẳng cần nhờ vả thì chắc

Phàm không trợ bên dì.

Nhà Phàm trước ở làng quê, cách với tỉnh lỵ. Thời này nằm ngay trong ruột phố may ra, chứ có gần chẳng nữa cũng vẫn dễ ngại. Làng quê gần thành phố, hay xa thành phố, cũng là làng quê. Nơi chứa sẵn ít nhiều khuấy động, bất an. Nay sợ giặc, còn trước kia thời mới xáo trộn thì sợ lũ độc mồm. Người mạnh khỏe rục rịch đi hết, nên những đứa chức phận chút đỉnh còn rúc lại được dịp lên chân. Có những đứa lên đến nỗi đám bô lão, đàn bà, con nít nằm lại đã kiêng dè chúng còn hơn kiêng dè đám giặc núi. Làng xa quận nửa ngày đường bộ, cộng thêm rừng cây, truông cát cùng sự ngu dốt của đám dân. Nên chi những giấy tờ muốn xin được mau phải nộp tiền, tiền trăm hay ngàn, gọi là lộ phí trả công các ngài chức việc. Công đập xe đi làm giấy cho. Thư người xa gửi về có thể sẽ không được nhận một cách bình thường, nếu trước đã làm các vị mịch lòng. Ai có con đi lính Quốc gia được nể một ít. Nhưng thành phần ấy cũng chịu phép lăm. Bởi ngại là nếu sau gặp buổi mặt, con tử trận thì vẫn còn có thể sống yên được. Quyền thế ấy muốn giam nhốt thiên hạ lúc nào tùy hứng. Ai mở mồm lớn hơn người khác thì kẻ ấy chính là địch nằm vùng. Cách thế yên thân, là im lặng dọn đi, bỏ nhà, dời lên phố trú ngụ. Phàm sợ một hôm nào sẽ bị gán ghép chức vụ này nọ, đại loại nữ giao liên, hay ráp tâm dụng kế mỹ nhân phá hoại. Nên giục mẹ đùm tùm đi trước. Với lại, lên đây gần sở làm.

Trầm ngâm vài phút, Phàm lại nói về Ngự. Nói theo giọng tâm sự, nhỏ:

-Quanh năm lết ở chợ mòn dít. Sắp-ba-mươi đến nơi chẳng ai chịu khó rước cho xong.

Nhiều ngày tôi đã nghĩ mông lung về cái sắp-ba-mươi

của Ngự. Ngự thật ít nói. Hay phải nói quá nhiều với đám đông hỗn độn từ sáng tới xẩm, rồi về chị không còn thích nói nữa. Ngự có nụ cười thật đẹp, nhưng Ngự không mấy khi cười. Hay là cái sắp-ba-mươi đã khiến Ngự chẳng thể nào cười được.

Tiền rủ Phàm ra quán. Nhường chị đi trước, Tiền lùi lại tới rí tai tôi:

-Có một chuyện đại bí mật

Nó liếc chừng chị Ngự, véo tai tôi một cái:

-Muốn đây tiết lộ không?

Tôi ngờ vực, sợ mắc lừa. Tiền nhắm tít một mắt, cái miệng đẹp của nó chun lại nghịch ngợm.

-Này, mấy tháng vừa rồi ông lính không ghé thăm con Viết nó nhớ, nhớ muốn phát đau. Báo hại phải nghỉ học gần tháng.

Tôi nạt:

-Xuyt, đa sự, bậy!

Cô nàng vụt chạy và cười đắc chí.

Đêm mai giờ này không rõ mình sẽ nằm ở đâu. Trên một ngọn đồi không cây, cỏ tranh phủ mịt, cuộn áo mưa lạnh ngủ đất. Hay trong một ngôi nhà sụp đổ nào của những xóm làng bỏ hoang. Hai ngày nghỉ qua lẹ không ngoái theo kịp. Trọn ngày ngủ yên trí chẳng ngại bị đánh thức bất thần, vì chó sủa, vì súng nổ, vì di chuyển. Đêm được quyền cởi bỏ đồ ngoài, chỉ mặc quần cộc áo thun. Nằm ngủ mà tai còn mơ hồ nghe tiếng máy hát nhà bên cạnh, tiếng chiếc đồng hồ bàn gỗ nhẹ và đều, bầy ngỗng sau chuồng kêu bất chợt. Những thứ ấy tầm thường quá mà lâu lắm mình mới được gần.

Tay chị Ngự đưa lên đưa xuống, chồng bao giấy thành hình được xếp ngay ngắn cạnh lon hồ. Tôi sung sướng

được sống những ngày thanh nhàn nơi đây. Bà cụ thương tôi như thương Hiếu. Hôm tháng Giêng sau lần đụng giặc dữ nơi làng nhỏ sát vách tỉnh lý, chúng tôi được nghỉ một ngày. Bà cụ sai chị Ngự ra thăm xem tôi yên lành không. Ngự đi xe đạp, đem thêm mấy phong bánh với bốn tập truyện. Gặp tôi Ngự mừng rỡ nhưng hơi lúng túng. Lũ bạn đông đảo của tôi lấp ló đằng sau làm chị nhất nói. Tôi cảm động, lần đầu tôi thấy Ngự ngượng ngịu. Tay mân mê bọc giấy làm như sợ mấy sợi cao su bong mất, chị thường phải quay nhìn nơi khác. Trưa đó, dù chị từ chối tôi cũng kéo được vào một ngôi nhà gần đó, bắt chị ăn một bữa cơm lính. Lũ anh em tỏ ý nghi ngờ, Ngự không có vẻ gì là chị tôi cả.

Bà cụ xem tôi như người nhà. Cụ thối lộ, không hiểu đường tình duyên của Ngự ra sao mà gian nan bạc bẽo vậy. Từ mới lớn đến giờ cũng có vài nơi đánh tiếng, nhưng tất cả bất thành. Con nhỏ lạ, nó không chịu ai hết. Nòi ngu độn, còn nằm chờ chi nữa. Từ ấy, đã mười năm hơn. Hay do cái tuổi Dần nó trót đa mang. Sách chép đàn bà tuổi Dần cao số. Kỳ tháng Chạp có người muốn thăm dò con Viết. Nhưng đâu được, để nó học. Với tiện thể để chờ chị nó ít lâu – mười năm nay. Mười năm. Một thời gian đủ để người ta thực hiện được vài chương trình thuộc phạm vi quốc gia, qui mô dài hạn. Bao nhiêu đầu bể. Từng ấy ngày đủ để những nhà cách mạng hoàn thành nghiệp cả. Nhưng, cũng số năm tháng đó đã không đem lại cho Ngự được một tấm chồng.

Chị em Phàm mang về bốn ly chè đá. Chị Ngự kêu còn no. Tôi cũng lắc đầu. Nhưng Phàm đã kéo tay tôi ra, nhét ly chè vào, ép buộc. Tôi kêu ép dầu ép mỡ ai nỡ ép chè. Tôi không cầm ly chè, mà bóp nhẹ tay Phàm. Mấy

ngón tay thon và xinh. Tiền thì bỏ nhỏ:

-Ăn đi nào, chờ người ta dứt từng miếng sao... Ồ, mà có làm vậy cho nhau cũng chờ lúc vắng vẻ đã chứ.

Điện phụt tắt. Tiền kêu ô thích thú. Phàm xuống mỗi đèn xong bỏ đi ngủ. Chị Ngự dời lại gần tôi hơn, gần ánh đèn, lằm lằm tiếp tục công việc. Tôi ngắm chiếc áo cánh trắng điểm rải rác những hoa nhỏ xanh nhạt, cái gáy trắng nhợt nhạt màu đèn, mấy sợi tóc đi lạc. Bất thần Ngự ngừng lên, bắt gặp hai mắt tôi. Ngự cúi mặt ngay, và chớp mắt.

-Khuya rồi, ngủ chứ Ngự – tôi nói, giọng dại đi, mơ hồ.

-Ngự không buồn ngủ.

Tôi nhớ, cũng câu đó nhưng nếu là trước kia thì Ngự sẽ nói “Tôi không buồn ngủ”. Ngự thu dọn đồ lại một góc. Tôi vặn thật nhỏ ngọn đèn, rồi ra ngoài, xuống sân. Tôi nghe tiếng chân Ngự nhẹ nhàng về hưởng lu nước. Nhanh hơn, tôi tới giựt lấy chiếc gáo, đem móc lên cao. Không hiểu Ngự loay hoay thế nào, nhưng sau đó thì bị tôi ôm được vai. Ngự run lên trong bóng tối. Ngự run quá làm tôi lúng túng. Tôi chợt nhớ nụ cười thật đẹp của Ngự lúc ban ngày. Vội vàng tôi hôn lên nơi làm ra nụ cười đó.

Một tay vòng sau lưng tôi, bầu chặt bên hông phải, Ngự nói như hơi thở:

-Chúng nó sẽ cười anh... anh Trọng.

Nhưng lúc đó tôi không nghĩ tới chuyện cười chê mà chợt lại thoáng nhớ đến mẹ tôi ở nhà. Và nghĩ rằng tối mai chắc mình chưa phải ngủ núi hay ngoài làng quê. Tôi sẽ còn ở đây, còn ở lại nơi bình yên này vài hôm nữa.

(VĂN số 114, tháng 9.1968 chủ đề Những Cây Bút Trẻ)

LỮ QUỲNH

“...Anh khuyên mẹ và em hết lời, nên bỏ làng lên tỉnh sống, nhưng mẹ suy nghĩ mãi, rồi không nghe. Mẹ không quen sống ở thành thị, hơn nữa ra tỉnh sống, có nhiều vấn đề đặt ra quá. Từ cuộc hành quân qua làng lần đó anh Ba không bao giờ trở về. Làng bị oanh tạc thường xuyên. Hai mẹ con sống giữa gọng kìm. Hãi hùng tất cả. Họ sống giữa nỗi hoài nghi của mọi người...”

BÓNG TỐI DƯỚI HẦM

Người đàn ông ngồi trên một chiếc ghế bằng gỗ tạp thấp, gã cúi người xuống, tì trán lên mu bàn tay lồng vào nhau. Thanh niên ngồi xồm, có vẻ đang chú ý nghe tiếng động trên nóc hầm. Thỉnh thoảng hắn nhìn lên chút ánh sáng nơi lỗ thông hơi. Trong ánh sáng mờ mờ, khuôn mặt hắn hốc hác và linh động nổi bất an. Trong xó tối, cạnh đó, một thiếu nữ nằm im. Nàng mặc một cặp đồ đen, mái tóc xõa tung bê bết mồ hôi trên trán. Ba người như không chú ý đến sự có mặt của nhau. Căn hầm hẹp, bề dài khoảng hơn hai thước và bề rộng một thước rưỡi. Những giọt nước từ thành đất rỉ ra, thỉnh thoảng nhỏ thành tiếng xuống mặt hầm. Sự im lặng hình như tăng thêm. Trời bên trên hắn đã hoàng hôn. Chút ánh sáng nơi lỗ thông hơi nhạt nhòa, không còn nhìn rõ. Thiếu nữ dựa mình trong bóng tối, cùng lúc người đàn ông ngồi thẳng dậy, gã nhìn mà không thấy gì cả. Gã nuốt nước

bọt, rồi nói bằng một giọng khô tưởng như sắp chết khát:

- Ai đó ?

Không ai trả lời gã hết. Có lẽ họ chưa chuẩn bị. Sự im lặng kéo dài suốt buổi, có khi cả ngày, làm họ tưởng mình câm. Thanh niên có lần định lên tiếng, chỉ để xem mình có còn nói được không, nhưng hấn vẫn ngồi im lặng, cái cố gắng đó thôi cũng thật khó. Bây giờ hấn nghe tiếng người đàn ông hỏi, hấn tự hỏi mình: có đói không? Hấn không cảm thấy gì cả. Giọt nước cuối cùng đã hết từ buổi sáng. Nghĩ tới mấy thức ăn khô khan mà người đàn ông vừa gọi ra, cổ hấn như càng khô thêm, đắng chát.

- Ai đói không ?

Người đàn ông lặp lại câu nói một cách khó khăn hơn.

Thiếu nữ trả lời gọn:

- Chú ăn đi.

Thanh niên nói tiếp:

- Khát, không đói.

Người đàn ông :

- Tôi cũng vậy.

Cả ba người lại im lặng. Họ ở nguyên vị trí. Thiếu nữ nằm quay mặt vào thành đất. Nàng nghe trong đầu như có những mũi kim chích. Trong bóng tối dày đặc, nàng nhắm mắt lại, hai bàn tay rịn mồ hôi lạnh toát. Bỗng nàng ngồi dậy, hốt hoảng gọi người đàn ông:

- Chú Sửu, chú Sửu

Người đàn ông chồm tới, nắm chặt cánh tay thiếu nữ dằn mạnh với nổi tức giận:

- Im ngay. Cô biết đang ở đâu không? Phải nhớ lệnh tôi, không được gây tiếng động. Sự chết đang ở trên đầu chúng ta.

Người đàn ông chợt lo lắng, nhưng gã bình tĩnh ngay:

- Cô không lo gì hết. Sự xảy ra, có tôi.

Tiếng nói của người đàn ông nhỏ nhưng lạnh như thép.

Thiếu nữ nghe lạnh sau gáy. Nàng nằm cong người lại, đưa hai bàn tay dầm mồ hôi bầu vào mặt. Nước mắt chảy ra lã lã. Thiếu nữ không nghĩ là mình đang khóc.

Thanh niên ngồi bệt xuống đất, hai tay bó gối. Hắn hỏi trong đầu: Ông Sửu và cô Liên vẫn còn hơi để nói chuyện được, mình thì hết. Hắn dùng lưỡi rút nước miếng ra từ mấy chân răng, rồi nuốt xuống cổ.

Tiếng người đàn ông lại vang lên:

- Ai khát ?

Thanh niên chồm tới, rồi ngừng lại, ngồi xuống như cũ.

- Tôi. Có nước hả ?

Người đàn ông :

- Không. Khát, ráng thức, đừng ngủ quên. Thế nào trời cũng mưa. Ta hứng nước từ lỗ thông hơi.

Thanh niên thở dài thoáng thất vọng, nhưng sau đó hắn cũng cảm thấy chút mát mẻ len qua tâm. Hắn nói với người đàn ông :

- Có lý. À, mà tại sao bà già biệt tăm thế ?

Người đàn ông suy nghĩ một lúc:

- Tôi nghi loạt súng nổ trên đầu mình đêm qua quá. Có lẽ nào thế nhỉ. Bà già bị lạc đạn, có thể bị bắn thẳng. Ban đêm ai biết bà già...

Thanh niên :

- Không đâu. Cứ hy vọng.

Thanh niên có lẽ đã ngủ thiếp. Người đàn ông nhìn về phía nàng, nhưng không thấy gì, gã ngẩng cổ cao về phía thanh niên.

- Tâm à.

- Tôi nghe.

Im lặng một lúc:

- Theo anh, khi cô Liên lên cơn thì chúng ta phải làm gì? Thanh niên suy nghĩ, nhưng có lẽ không tìm ra cách giải quyết, hấn nói:

- Ông tin cô Liên sẽ lên cơn thật à.

Người đàn ông:

- Mấy ngày ở dưới này cực khổ quá, Liên lại là con gái, đau tim, và thỉnh thoảng bị rối loạn thần kinh... nước không có, thức ăn thiếu. Lại lạnh hơi đất...

Thanh niên:

- Ông định làm gì ?

Người đàn ông im lặng. Thanh niên cảm thấy bồn chồn trong lòng. Hấn mở mắt thật lớn, cố nhìn người đàn ông, nhưng không thể thấy gì ngoài màu tối thăm thẳm. Hấn hình dung ra khuôn mặt thường ngày của gã. Một khuôn mặt thật lạnh lùng, rất ít khi xuất hiện giữa mọi người. Gã có những công tác thật bí mật. Những người chung quanh, có một số kính nể, nhưng cũng có số người khác thật e ngại gã. Họ không tin được cái mơ lý thuyết mà gã được nhồi sọ sẽ biến gã thành một con người toàn diện, tượng trưng cho tình thương, lòng vị tha và sự công bằng. Im lặng hay lạnh lùng, có lẽ là thái độ khôn ngoan nhất của những kẻ chưa có lập trường hay một lý thuyết vững chãi. Thanh niên tự hỏi, sự lạnh lùng của người đàn ông có nằm trong trường hợp đó không?

* *

Người đàn ông nhớ tới một bài hát. Bài Từ ngày chinh chiến mùa thu. Cái không khí bấy giờ thật cảm động. Đêm già từ Mỹ Lộc. Người nhạc sĩ đứng bên ánh lửa bập

bùng, một chân gác lên ghế đầu thấp, gảy đàn ghita. Từ ngày chinh chiến mùa thu. Giọng hát của người tình già. Người tình, có phải là người tình không? Người con gái mặc áo nâu và quần đen bóng, mái tóc kẹp sau gáy, đầu tóc chảy nửa lưng. Đôi môi không phấn son nhưng mọng thắm. Nàng hát, những đầu ngón tay bôi rớt quần vào nhau. Tiếng đàn người nhạc sĩ chậm rãi. Anh ngẩng mặt lên trời mà đàn. Đàn, hững hờ, như không một chút bận tâm. Nhưng tiếng đàn, giọng hát đã làm những người ngồi vây quanh nhìn ánh lửa hồng mà chết ngất cõi lòng. Những đôi mắt ướt lấp lánh. Người con gái dứt bài hát với những giọt nước mắt long lanh quanh mi. Nàng bước về phía gã. *Sao em lại khóc? Khi câu hỏi đó bung ra, gã mới thấy mình quả thật ngu ngốc, lẽ ra không nên hỏi như vậy. Người con gái đưa tay chạm nhẹ những giọt nước mắt, nói thật nhỏ nhẹ: Em nghĩ tới sự chia tay ngày mai.... Gã cay đắng trong lòng. Nghĩ tới sự chia tay, hay chính bài hát, tiếng đàn đã dẫn tâm hồn nàng gặp nỗi cảm xúc? Nàng cũng muốn dấu đi sự yếu mềm của mình. Ai cũng chọn mình một cách trả lời cả. Lựa chọn. Ta phải lựa chọn trong ta một cái tôi, và thường xuyên giữ gìn để cái tôi đó vĩnh viễn không phản trắc, không nhầm lẫn, không đi sai đường lối. Ta phải canh chừng những giấc mơ, gã nghĩ, đó là sự lựa chọn đúng. Phải nghĩ tới tập thể, nghĩ tới những cừu cánh mà tập thể đó đang theo đuổi. Sự hãnh diện chỉ dành cho những người sống. Mọi người đều đang cảm thấy hãnh diện, không ai nghĩ mình sắp chết, nhưng cũng không ai từ chối sự chết đến với mình cả.*

Năm giờ sáng hôm sau, những người tham dự lửa trại lên đường. Người nhạc sĩ và một số lớn ra bến đò chờ vượt sông. Gã, một mình đi đường bộ với gói thức ăn và chiếc

ba lô trên bãi. Người con gái hát bài “Từ ngày chinh chiến mùa Thu” ở lại. Lúc ra đi, gã không gặp nàng, gã mang cái cảm giác lênh đênh của một thứ tình yêu không bao giờ được tổ. Lúc gã vượt được một phần đường, lúc mặt trời vừa xuất hiện với những tia nắng đầu tiên, gã chợt nghe tiếng máy bay gầm và tiếp theo nhiều tiếng bom nổ và súng liên thanh. Gã dừng lại, nhìn về phí bên bờ. Những đám khói bốc lên. Những chiếc máy bay đang chao lượn trên vòm trời. Gã ngồi đợi cho đến lúc những chiếc máy bay đó nối đuôi nhau bay thẳng về cuối trời, gã đứng dậy vội vã đi trở lại con đường cũ, gã chạy thẳng ra bến bờ. Gã thầm mong người nhạc sĩ và đoàn người đã vượt khỏi bên kia bờ sông từ lúc trời còn tối. Nhưng gã thất vọng. Lúc gã đến nơi, bến bờ còn thưa thớt người. Đồng bào vẫn còn ngại máy bay có thể trở lui oanh tạc nữa, những người y tá đang hút hải di tản số người bị thương về trại cấp cứu. Những xác chết còn nằm nguyên chỗ, gã thấy xác người nhạc sĩ hai chân chìm dưới nước, phần thân thể còn lại nằm sấp trên bờ. Gã gỡ ba lô, gùi thức ăn trên vai xuống, bước tới kéo xác chết lên trên hân gò đất cao. Người nhạc sĩ chỉ nhắm một mắt. Con mắt còn lại mở lớn, tròn mắt lờ ra đến hải hùng. Chiếc áo nâu của anh rách một mảng lớn, phai màu đã tái xám với một vết máu đã đông lại. Xác người nhạc sĩ tương đối lành lặn. Một viên đạn xuyên qua tim. Cái chết trong những cuộc oanh tạc ồ ạt được như vậy, quả thật có dịu dàng. Gã nhìn xác chết, nhớ tới đêm lửa trại trước đó, với hình ảnh người nhạc sĩ vừa gảy đàn vừa ngược mắt nhìn trời cao. Tiếng đàn của anh như còn văng vẳng đầu đó, lời hát u buồn cũng chưa phai. Từ ngày chinh chiến mùa thu... Bây giờ cũng mùa thu. Anh chết giữa một buổi sớm mùa thu. Gã chợt nghĩ tới, nhưng

không dám tin, là cái không khí buồn bã đêm qua, với những ánh mắt rớm lệ là cái điềm báo trước sự cách ly vĩnh viễn bây giờ.

Gã nhìn xác nhạc sĩ, nhìn những người chung quanh rồi lặng lẽ khoát ba lô, gùi thức ăn lên vai. Vẫn một mình gã trở lại con đường cũ. Gã lùi thủi đi và bấy giờ gã nhìn nước mắt nhỏ xuống, mà không nghĩ rằng mình khóc.

* *

Trong bóng tối của chiếc hầm chật hẹp, người đàn ông cố nhìn bàn tay mình mà vẫn không thấy nổi. Gã vừa nghĩ tới những kỷ niệm thật xa, và lúc này gã thấy mình trong thời gian ấy, gã đã khóc thật trên quãng đường công tác, sau khi nhìn người nhạc sĩ chết, gã đã khóc rõ ràng. Con tim đã bắt gã khóc: gã khóc chứ không phải cái tôi mà gã đã chọn lựa, cái tôi không bao giờ mềm yếu, phản trắc, lầm lẫn ấy khóc cả.

Ngày đó gã chưa già như bây giờ, dĩ nhiên. Đứa con lớn của gã 8 tuổi. Gã chiến đấu hết mình với rất nhiều hoài bão. Gã nghĩ gần gũi nhất, ít ra, gã cũng chiến đấu dù phải chết đi, cho đàn con gã sống. Gã hy sinh để nhìn lũ trẻ được tự do sống sau này, được trở thành những con người chứ không phải những tên nô lệ. Nhưng mấy năm qua, sự chiến đấu của gã vẫn còn. Đứa con trai lớn của gã đã cầm súng tham dự và đã gục chết. Trọn đời với một niềm tin vào sự thanh bình cuối cùng cho đất nước, nhưng niềm tin đó đã mỗi mòn. Gã cảm thấy ý chí đã lụi và sức khỏe đã yếu kém hẳn.

Bây giờ giả sử bà già, chìa khóa của cái hầm này, đã chết thật, thì gã phải làm gì đây? Cuộc hành quân hẳn đã đi qua. Bọn gã sống dưới cái hầm này đã trọn hai ngày đêm. Gã cảm thấy sốt ruột. Bỗng một ý nghĩ thoáng qua

óc gã, hãy đội nắp hầm và vượt thoát. Chỉ có chết và sống. Gã hoàn toàn không bận tâm về điều đó. Sống hay chết chỉ là một.

Bàn tay người đàn ông mò mẫm trong bóng tối tìm mấy quả lựu đạn. Chợt bàn tay gã chạm vào chân người thanh niên. Gã vội rút tay về. Nhưng thanh niên đã nhận ra. Hắn cảm thấy ái ngại, vì cảm giác hốt hoảng của người đàn ông để lại trên da thịt. Hắn hỏi:

- Ông Sừ đấy hả.

Im lặng. Thanh niên hỏi tiếp:

- Ông tìm gì đấy ?

Giọng người đàn ông bối rối:

- Không.

Thanh niên chợt tưởng tượng ra sự phản trắc. Hắn nghĩ đến cách đề phòng. Hắn vội vàng di chuyển mấy quả lựu đạn sang một vị trí khác. Giữa lúc đó, thiếu nữ chợt vùng dậy.

- Chú Sừ à.

Người đàn ông :

- Cô Liên gắng ngủ đi. Đừng gọi lớn quá.

Trong bóng tối, thiếu nữ cảm thấy chới với khi nghe tiếng nói của người đối diện. Tiếng nói, chỉ có tiếng nói thôi. Ma quái quá sức. Tiếng nói trong căn hầm chỉ có tiếng nói và tiếng nói thôi, thiếu nữ nghĩ, mình cũng không nhận thấy mình, tiếng nói không biết có phải là của mình không nữa?

- Chú Sừ à.

Thiếu nữ muốn nghe tiếng mình, nhưng người đàn ông không hiểu.

- Cô đừng gọi mãi như thế.

Thiếu nữ nuốt nước miếng và thở hổn hển:

- Chú ra lệnh cho tôi đi, khi tôi sắp lên cơn thì tôi phải làm gì?

Người đàn ông:

- Tôi đã trả lời cô rồi. Cô gắng ngủ thêm một chút để lấy lại sức.

Thiếu nữ dựa lưng vào thành đất, hơi lạnh thấm qua lưng, làm nàng cảm thấy dễ chịu.

- Chú có biết chuyện ngày trước cha tôi điên như thế nào không nhỉ? Ông ta uống rượu cần luôn ly. Ông ta nhai mẻ chai giữa hai hàm răng và máu chảy ra đỏ cả khoe miệng...

Người đàn ông hốt hoảng khi nghe thiếu nữ kể đến đây. Gã sợ câu chuyện sẽ làm nàng lên cơn thật sự.

- Cô Liên, tôi bảo cô gắng ngủ đi. Đạo đó ông cụ uống rượu say, chứ đâu phải điên khùng gì. Tôi biết rồi. Cô ngủ đi, phải ngủ đi cô Liên.

Thanh niên xích vào gần thiếu nữ. Hắn chuẩn bị phản ứng đối phó, nếu nàng có hành động làm lộ mục tiêu. Sự im lặng kéo dài một lúc lâu. Sau đó, thiếu nữ vẫn lên tiếng:

- Chú Sửu, cả anh Tâm nữa... Các người phải cho tôi biết khi tôi lên cơn thì chúng ta sẽ làm gì?

Người đàn ông:

- Không bao giờ cô lên cơn cả. Tôi tin vậy mà.

Thiếu nữ:

- Chú tin vậy, hay chú đang nghĩ tới cách chú sẽ bóp cổ tôi chết, lấy dao đâm đâm lút tim tôi? Còn cách nào nữa không nhỉ?

Người đàn ông sợ hãi. Gã cố trấn an thiếu nữ, nhưng giọng gã thật lúng túng:

- Cô đừng nói vậy. Xin cô hãy gắng ngủ đi...

Thiếu nữ giận dữ:

- Ngủ, ngủ, ngủ...

Người đàn ông chồm tới. Gã muốn tỏ phản ứng để thiếu nữ hiểu nhưng trong bóng tối dày đặc, không còn cách biểu lộ nào khác ngoài tiếng nói. Mò mẫm một lúc mới nắm được tay thiếu nữ, gã dịu dàng.

- Cô đừng giận. Phải biết rằng chúng ta đang ở đâu. Sự sống của chúng ta hoàn toàn tùy thuộc vào nhau. Sự sơ hở của một người, sẽ giết chết cả bọn...

Thiếu nữ lạnh lùng:

- Tôi biết như vậy. Nhưng tại sao chú không nói thẳng điều chú đang nghĩ. Tôi đâu sợ hãi gì. Tôi chấp nhận mà. Chết để cứu những người khác sống là một bổn phận. Tôi biết chú, anh Tâm sẽ giết tôi ngay, khi cơn điên của tôi bộc phát. Chú hãy nhận đi. Tôi không bao giờ làm phiền các người cả... À, chú tại sao bây giờ mẹ tôi chưa xuất hiện nhỉ... Đầu đêm, hình như chú bảo có thể mẹ tôi đã chết.

Thiếu nữ nói nhỏ, đủ nghe, làm người đàn ông yên. Gã nói:

- Cô suy nghĩ nhiều quá. Tốt nhất là bây giờ chúng ta nên im lặng. Bà cụ.... Trong một phút tuyệt vọng quá, bọn tôi nghi ngờ vậy thôi. Sự thực, như cô biết... không có gì chắc chắn khi ta còn ở dưới này... chỉ toàn phỏng đoán... có thể mấy ngày qua, bọn lính dừng quân trên đầu ta...

Thanh niên mệt mỏi, ngồi gục đầu xuống hai đầu gối ngủ thiếp từ lúc nào, người đàn ông trả lời thiếu nữ xong. Gã ngã lưng vào thành đất, gã nghĩ tới bà già, mẹ Liên, và tự hỏi một lần nữa: bà ta chết rồi chẳng?

* *

Những ý nghĩ buồn thảm hiện ra trong đầu thiếu nữ. Nàng nghĩ tới người mẹ, rồi ứa nước mắt. Kể từ ngày cha chết đi, mẹ đã kéo dài chuỗi sống hẩm hiu với anh Ba và nàng trên mảnh vườn nhỏ với hoa lợi mỗi ngày chỉ đủ sống. Bà thường ái ngại nhìn hai con với nỗi lo lắng duy nhất: bệnh thần kinh di truyền. Hình ảnh của người chồng trước khi chết đã làm bà hãi hùng tưởng không bao giờ nguôi. Sau này, vì cuộc sống bất ổn ở quê, anh Ba bỏ lên tỉnh đầu quân vào lính. Người mẹ bề ngoài tỏ ra phàn nàn, nhưng tự thâm tâm bà hài lòng. Dù sao nó cũng yên được một bề, còn hơn ở nhà để chịu không biết bao nhiêu áp lực. Thời buổi chiến tranh, lòng nhân đạo thường vắng mặt, chỉ thấy có áp bức, đe dọa và tàn sát. Sau khi vào lính, thỉnh thoảng anh Ba có về thăm nhà. Da anh đen, nhưng thân thể cường tráng ra, làm mẹ hài lòng lắm. Chiến tranh ngày càng khốc liệt, làng trở nên bất an, anh Ba chỉ ghé thăm nhà trong những dịp hành quân qua. Anh khuyên mẹ và em hết lời, nên bỏ làng lên tỉnh sống, nhưng mẹ suy nghĩ mãi, rồi không nghe. Mẹ không quen sống ở thành thị, hơn nữa ra tỉnh sống, có nhiều vấn đề đặt ra quá. Từ cuộc hành quân qua làng lần đó anh Ba không bao giờ trở về. Làng bị oanh tạc thường xuyên. Hai mẹ con sống giữa gọng kìm. Hãi hùng tất cả. Họ sống giữa nỗi hoài nghi của mọi người. Và chỉ còn một cách duy nhất để sống đó là trốn. Người mẹ nhận làm cái chìa khóa của căn hầm từ đó. Người đàn ông giữ thiếu nữ như một con tin. Không còn cách nào hơn, mọi thủ đoạn chỉ có tính cách tạm thời, cố gắng thoát chết trong từng ngày, cố gắng vượt qua từng chặng nguy hiểm.

Thiếu nữ nhớ lại những lời của người đàn ông thanh niên vào lúc đầu đêm. Bà già có thể bị lạc đạn chết rồi. Nàng cũng linh cảm thế. Nếu không, tại sao hai ngày qua, mẹ không xuất hiện. Mẹ chết rồi chẳng? Thiếu nữ nhủ thầm, rồi nuốt nước mắt xuống cổ. Nàng cắn môi để khỏi bật khóc thành tiếng.

Trong góc hầm, người đàn ông cựa mình. Bàn tay gã mò mẫm trên mặt đất một lúc rồi dừng lại. Gã cất tiếng gọi:

- Tâm à.

Thanh niên cũng vừa tỉnh.

- Gì thế?

- Có lẽ trời sắp sáng.

- Đồng hồ tôi chết máy từ hôm qua rồi.

Người đàn ông thở dài. Một lát sau gã rụt rè hỏi:

- Anh có nghĩ gì không?

Thanh niên lạnh lùng:

- Ông muốn tôi nghĩ gì ?

- Nghĩ bà già chết rồi chẳng hạn...

- Sao nữa ?

- Nghĩ cô Liên sẽ lên cơn điên...

Thanh niên nghe lạnh tận đáy lòng. Hắn đưa hai bàn tay lên áp má.

- Ông đã chuẩn bị cả rồi mà.

Người đàn ông:

- Vâng.

Thanh niên:

- Cô Liên cũng đã nghĩ ra những gì ông sẽ áp dụng khi cơn điên bộc phát...

- Anh nghĩ còn cách nào hơn ?

Thanh niên im lặng. Người đàn ông nhìn sững vào bóng đêm. Trong khi đó, thiếu nữ vẫn tỉnh táo. Nàng nghe

cuộc đối thoại giữa hai người đàn ông một cách đứng
dưng. Nàng cảm thấy tâm hồn bỗng sáng lạng lẹ. Còn
cách nào hơn. Nhưng họ sẽ giết mình bằng dao găm
hay với hai bàn tay siết cổ?

Bằng dao găm hay bóp cổ? Thiếu nữ choáng váng. Nàng
nghĩ tới mẹ, tới anh Ba, rồi lảo đảo trong trí. Có lẽ mình
sắp lên cơn thật.

* *

Lúc đó thanh niên mở mắt, hắn thấy ánh sáng lơ mơ
hiện ra ở lỗ thông hơi. Hắn ngồi yên, mãi mê nhìn lên
chút ánh sáng nhỏ nhoi đó. Hắn chợt cảm thấy nhớ ánh
sáng đầu ngày lạng lẹ. Hắn nghe bức rức trong lòng. Một
chút nắng, chỉ một chút nắng của trời mà hắn cũng phải
thèm khát. Hắn nhìn người đàn ông đang ngủ sau trong
góc tối. Không biết trong đầu gã trong những ngày qua
đã nghĩ những gì? Có nghĩ tới chuyện vượt thoát khỏi
căn hầm này không? Bà già có lẽ đã chết thật rồi. Hắn
nhìn người đàn ông ái ngại, không cách nào hiểu nổi con
người đó.

Thanh niên đưa tay mò mẫm mấy quả lựu đạn mà đem
qua hắn vùi dưới cát. Hắn nghĩ đến cách thoát khỏi căn
hầm. Không còn cách nào hơn. Hãy chấp nhận trước mọi
rủi ro sống hoặc chết. Hắn chợt nghĩ đến số tuổi hai
mươi của mình. Số tuổi mà chiến tranh đã tước đoạt mọi
ý nghĩa, đã cướp hết thời gian để sống của hắn Hai mươi
tuổi, hắn không có một chọn lựa nào hết. Sinh ra và lớn
lên giữa chiến tranh, hắn thụ động trước mọi áp lực. Hắn
như con thú sợ hãi trước mọi họng súng của thợ săn. Ai
cũng có thể bắn ngã, và suốt cả một phần đời hắn chỉ
biết chạy trốn. Hắn cảm thấy cay đắng và nước mắt chực
trào ra khi nghĩ đến cái chết như cơn trùng của mình.

Một cái chết tẻ lạnh như nổi tình cờ.

Người đàn ông tựa mình rồi choàng mở mắt. Bấy giờ ánh sáng đã giúp thanh niên nhìn rõ gã:

- Lại một ngày mới.

Giọng gã đặc sệt.

Thanh niên không nói gì. Hắn chăm chú nhìn lên lỗ thông hơi. Người đàn ông đảo mắt khắp mặt hầm với ánh mắt đầy mưu toan. Bỗng gã dừng lại ở thiếu nữ. Nàng nằm sấp, một phần thân thể chệch ra ngoài đất, mặt úp xuống im lìm. Gã chăm chú nhìn, khuôn mặt mỗi lúc càng tái, rồi như không kìm nổi sự hốt hoảng, gã gọi:

- Cô Liên, cô Liên !

Nhưng thiếu nữ không cử động. Người đàn ông chồm tới, băng qua người thanh niên, đặt tay lên bàn chân nàng. Bàn chân lạnh ngắt. Lúc đó thanh niên cũng vừa kịp hiểu, hắn giúp gã đỡ nàng dậy. Nhưng thiếu nữ đã mềm nhũn! Một vết cắt trên cổ tay trái, máu đọng đen dưới một khoảng đất ướt.

Không khí trong căn hầm đã đổi khác. Trong thứ ánh sáng còn nhạt nhòa bóng đêm, người đàn ông nhặt chiếc ly vỡ từ một góc hầm. Gã im lặng ngồi ngắm mớ thủy tinh trong tay. Thanh niên thì mân mê quả lựu đạn mà hắn lấy ra dưới cát từ lúc nào. Hai người nhìn xác thiếu nữ, họ cũng không nói với nhau một lời.

Có lẽ, trong đầu họ bây giờ bóng đêm là thứ ánh sáng duy nhất, là niềm hy vọng cuối, mà họ chờ đợi.

(Ý Thức 4 ngày 15-11-1970)

NGUYỄN LỆ UYÊN

“...Không thể có một sự ngẫu nhiên tai ác như thế. Rõ ràng người thiếu phụ ngồi trước mặt tôi là Thảo, vợ tên cai ngục (ông ta đã giới thiệu rõ ràng như vậy). Ngọc Thảo đã hát cho tôi nghe bài *Ngọc Lan* trên dòng Bassac ở Cần Thơ ngày nào đây sao? Ngọc Thảo đã cho tôi ngồi trên xe lôi lượn sâu vào vườn mận chín ngày nào đây sao? Đôi mắt em, làn môi em, bàn tay thon mỏng của em và tấm thân em rung lên như con chim non ngày nào...”

GIỮA BIỂN KHƠI

“**Mười** sáu. **Hăm** tư. **Bốn** ba. **Đủ**. **Rồi**. **Đằng** trước bước”. Đông vừa xếp những viên ngói bể vừa lầm nhẩm đếm, bắt chước giọng tên giám thị già phòng 28. Mấy người ngồi dưới tàn cây cạnh ngôi nhà đổ nát nhìn hẩn mỉm cười. Hẩn như không thèm để ý đến ai, chăm chú với trò chơi “quái gở” suốt ngày này sang ngày khác, mỗi khi có dịp. Hẩn lủi thủi, cô độc và thỉnh thoảng hình như hẩn có vẻ hăm mộ dáng bề vệ của tên giám thị. Trong đám tù phòng 28, hẩn không gần gũi, vốn vã với ai, chỉ cười hoặc gật đầu mỗi khi được hỏi đến. Vậy cũng là đủ lắm rồi. Cuộc sống bên ngoài hay chính cuộc đời tù tội đang thay đổi dần tính tình hẩn. Chỉ có trời mới hiểu được. Nhưng dù sao Đông cũng là tên tù dễ chịu và ít nguy hiểm nhất. Tất cả đám tù ở 28 đều mến hẩn chính ở cái vẻ lầm lì, đôi khi ngơ ngẩn đó.

Nắng đã lên cao, chói lọi, nóng bức tưởng có thể đốt cháy mặt đất ở dưới chân. Nhưng Đông vẫn cứ ngồi đếm miệt mài và thỉnh thoảng lại phá ra cười một cách lặng

lẽ. Hắn hình như mặc kệ thời gian và chẳng cần để ý đến sức nóng khó chịu. Đông lặng lẽ như cái bóng nhỏ xíu hắt nghiêng xuống nền sỏi đỏ, tội nghiệp giữa đám người đủ loại thành phần trong xã hội mà nhà cầm quyền liệt vào loại cận bã, là nguy hiểm đến an ninh quốc gia.

Một lúc lâu sau, Đông ném vệt những viên sỏi bé, bước lại ngồi xuống cạnh tôi.

“Trưa nay anh em mình ăn cơm ở đây hay về trại, anh cả?” – Đông vẫn luôn luôn gọi tôi là anh cả.

Thức ngồi bên cạnh bữu môi.

“Đồ gỗ, mày tưởng anh cả mày là giám thị chắc?”.

“Thì hỏi vậy mà” – Nó nhăn răng cười mà không có một ý nghĩ nào đọng lại trên đó.

“Thôi đi ông tướng. Đứng trước bước” –Thức chế nhạo, và cười hớ hớ.

Mặc Thức cười Đông vẫn cứ tiếp tục hỏi.

“Trưa rồi, không lẽ phải kéo bộ tới bảy cây số về trại?”

– Đông ngây thơ một cách tự nhiên.

Tôi liệng viên sỏi ra xa, chỉ tay theo hướng đó, nhưng Đông vẫn không hiểu. Tôi đành nói.

“Ăn nhầm gì”.

Bỗng hắn vỗ tay reo.

“Có xe ngựa tới kia. Ăn cơm ở ngoài này rồi.

Tôi nhìn theo. Quả thật chiếc xe ngựa cũ kỹ, xô xệch chạy thấp thoáng sau cánh rừng thưa. Xe ra khỏi khúc quanh. Tôi thấy có hai người tù già ngồi lắc lư sau thùng gỗ, ở trước là tên giám thị và người lính ôm khẩu súng vượt cao lên khỏi đầu. Tất cả đều lắc lư theo nhịp xe nảy xóc, thỉnh thoảng hươ tay che miệng như phẩy đám bụi mù từ dưới bánh xe và vó ngựa tung lên. Đông chăm chú

nhìn theo bánh xe lăn đều như thể cơn ham muốn của nó sắp sửa choàng lên người nó. Xe tới gần. Lão giám thị 28 vẫn chưa thấy trở lại. Hắn ra phía đám bắp từ lâu và ngồi lì ở đó.

Tiếng Thạch gáo nổi lên đột ngột với giọng the thé.

“Bữa nay tía mình bị táo bón rồi! Đi ỉa gì lâu quá vậy, nửa tiếng đồng hồ vẫn chưa chịu vô?”

“Thằng bá láp, lão nghe bắt đi khìu nù bây giờ!”.

“Ngồi... lâu thì chắc chắn phải có triệu chứng gì chớ. Có ai đi ỉa tới cả tiếng đồng hồ mà không mắc một bệnh gì đó?”.

“Biết đâu thằng chả đang gắp con mẹ bẻ bắp trộm?”.

“Già quéo rồi, khéo bày đặt”.

Lão giám thị gò cương ngựa dưới bóng cây. Bụi tung mù mịt. Đám tù chột im lặng và đứng vội lên. Cả bọn bịt mũi vừa chạy ra xếp hàng ở hai bên thùng xe. Hai tên tù già ngồi trong lòng xe dụi mắt, tỉnh ngủ, hồi lơ ngơ.

“Ừa, tới rồi hả?”.

Người lính ôm súng đứng bật dậy la:

“Làm ơn xuống lẹ đi ông nội. Đợi khiêng nữa sao?”.

Hai tên tù già đi mang cơm bưng lên tụt xuống khỏi thùng gỗ, đứng cạnh tên giám thị. Một tên nói chữa cho riêng một mình nghe.

“Buồn ngủ quá, ngủ một giấc thiệt ngon”.

Tên giám thị phụ trách chuyển cơm ngạc nhiên hỏi:

“Ừa, xếp đâu rồi, sao để tụi bay lénghenghê vậy?”

“Đi ỉa” – tiếng la ở cuối hàng nổi lên thiệt lớn.

Hắn ta đập mạnh gót giày xuống đất sỏi, nạt:

“Xỏ lá, thằng nào đó?”.

“Thưa xếp, em” – và Thạch gáo bước ra khỏi hàng, đứng thẳng đuột như một cây cau.

Tôi đứng phía sau chót nghe một tiếng bộp như người ta lấy búa đập lên đá.

“Lần sau nhớ ăn nói lễ phép – tên giám thị lắm bầm – Trưa nay một vắt. Phật luôn chiều. Số mấy?”.

“Dạ thưa xếp 17”.

Hắn quay sang người lính.

“Chút nữa về, anh nhớ nhắc tôi số 17”.

Người lính hình như không nghe thấy lời gã nói, mắt dôi về phía đám bắp chạy ngút ngàn ra phía biển và la lên “ổng về kìa”.

Tên giám thị trại 28 vai mang súng, tay ôm bụng nhăn nhó bước ra khỏi hàng rào cây bao đám bắp. Hắn tiến về phía đám đông một cách chậm chạp và mệt nhọc. Tới nơi hắn vắt súng bừa lên gốc cây khô, ngồi bệt xuống.

“Đau bụng quá. Ăn phải cái giải gì không biết nữa!”.

Thạch gạo quay xuống phía tôi cười cười ra ý hắn đoán chính xác. Tôi cười trả lễ.

Bữa ăn trưa diễn ra thật lẹ, gọn gàng: người lính điếm danh, chấm công rồi bắt đầu phát cho chúng tôi mỗi đĩa bốn vắt cơm lớn bằng thỏi đất con nít chơi nghịch, một dùm rau muống trộn muối, hai con cá trích lớn không hơn ngón tay trở Đông. Riêng Thạch gạo chỉ được vắt cơm với rau muống muối ớt. Hắn bị cắt mất phần cá và ba vắt cơm. Mặt hắn tiu ngủi ngồi nhai chậm chạp từng miếng như sợ phải ăn hết, có thì giờ ngồi nghiền nát chút chất ngọt từ những hạt cơm hẩm mốc, những gốc rau muống già còn nguyên cả rễ. Hình phạt với Thạch vẫn thường xảy ra với chúng tôi, nên không ai ngạc nhiên, cắn cú nhai, nuốt một cách chậm rãi như cố lắng nghe một chút bở béo lẫn khuất đầu đó từ từ luồn qua hai hàm răng, trôi qua cổ họng và nằm yên vị trong cái dạ dày

luôn cồn cào, thôi thúc, réo gọi. Tôi không hơn gì bọn họ, cũng chậm chạp nhai kỹ từng cọng rau muống, nghiền thật nát chúng dưới hàm răng khoẻ. Nhai đến những sợi xơ già dai nhanh nhách cũng phải tưa nát ra. Lúc mới nhập trại, cả bọn đều chê loại rau khó chịu này. Thấy tôi hào hứng với những sợi rau có thể trói chặt tay người, chúng gạ đổi lấy cá, cơm. Và bọn họ đã gọi tôi là *con heo ồm ồm*. Tôi không phản ứng. Sau này, nhân lúc cả trại được tắm biển tôi mới giải thích cho chúng hiểu rằng một ký lô rau muống chứa chất bổ dưỡng gần bằng với ký thịt bò. Chất sắt trong rau giúp chống lại các loại bệnh tật, đòn roi... Bằng cớ là mấy tháng bị giam nhốt, tôi vẫn không hề suy yếu. Cả bọn tin lời tôi và đặt cho biệt danh khác: *bác sĩ*. Từ đó món rau vàng úng này đắt giá hơn là cơm hẩm, cá ươn...

Ăn xong, chúng tôi lại xếp hàng nối đuôi nhau nhận từ tay người lính nửa ca nước nhỏ xíu. Tên nào đứng sau nhận được một ca thì bữa đó coi như được chúa ban phước lành cho hần, hoặc chỉ còn được phần năm thì là trời phạt. Cho nên thằng đứng sau là kẻ chịu thiệt thòi nhiều nhất và cũng là người may mắn nhất trần gian đối với một hoàn cảnh khốn khó như thế này. Có lúc Đông nói đùa “nếu em là con lạc đà thì sướng biết mấy”. Nó nói đúng. Ở một lúc nào đó, hạnh phúc con người chính là con vật được hoá thân. Nhưng bằng cách này hay cách khác chúng tôi lại phải phấn đấu, chống chọi và cam chịu. Chỉ có những giây phút như hôm nay mới thật là thần tiên. Sung sướng biết bao khi được ngồi dưới tán lá cây rợp bóng râm, được thông dong ngồi ngắm những cụm mây xốp nõn trắng bay ngang qua đầu, giữa bầu trời xanh lơ, hứng ngọn gió mát thấm da, nghe sóng biển vỗ

âm ì từ xa vọng về như một khúc nhạc đồng quê có bước chân trâu trên bờ ruộng, có tiếng tiêu hòa vào tiếng ếch ương, châu chuộc... trong ráng chiều óng vàng chân trời xa... Ở ngoài đời, động từ ỉa nghe thật thô tục làm sao, đôi khi trở nên ghê tởm. Nhưng trong thế giới của bọn tôi, nếu có một tên giám thị bị đau bụng như hôm nay chẳng hạn thì thật ơn phước. Nếu chúng tôi cầu nguyện để hắn luôn bị mắc chứng kiết lỵ kinh niên thì thật khổ thay cho thân hắn. Nhưng thời gian hắn đang ngồi rặn... chúa ôi, quá là may mắn cho cả lũ. Bởi chúng tôi không phải hì hục khiêng những tảng đá to, nặng xếp thành bức tường dọc hai bên đường đi, chúng tôi không phải lặn lội tận rừng sâu chặt từng cành khô với cơ man muỗi vắt chống trả... chỉ có ngắm mây bay và nghĩ về đất liền như một miền mơ tưởng không bao giờ thành sự thực! Đất liền có những bà mẹ nối sợi dây thương nhớ bằng những sợi nước mắt mưa, có những người vợ đêm đêm lăn trở trên chiếc giường trống lạnh... Và người yêu... Tôi luôn tự hỏi họ sẽ nghĩ gì về chúng tôi? Có một phút giây nào chợt nhớ đến nụ hôn vội vàng? Họ có bị thời gian xóa đi như thác nước? Không thể trách được. Họ cặp tay người tình mới trên đường phố, hôn say đắm trong bóng tối nhá nhem ở những rạp xi-nê với một chút giật mình cũng quá đủ cho sự hoài nhớ, thủy chung, tôi nghĩ vậy. Có thứ quyền uy nào bắt họ phải mòn mỏi chờ đợi người tình không bao giờ trở lại. Và em, em có ở trong đám đông vội vã ấy không? Em có hát bài Ngọc Lan (mà em bảo chỉ riêng cho anh) cho ai khác thay chỗ đứng của anh? Rồi cũng những nụ hôn run rẩy, vội vàng. Tôi lắc đầu, choàng tỉnh, vượt ra khỏi cơn dị mộng với nỗi hoang mang tột cùng.

Chiếc xe quay về. Hai tên tù già ngồi lắc lư trong thùng gỗ trông như hai hũ mắm rỗng. Cây súng của người lính đặt ngang như một khúc củi mục. Đợi cho chiếc xe khuất sau rừng cây, lão giám thị 28 ra lệnh cho chúng tôi giải tán, nghỉ. Bọn tôi mỗi người tự tìm một chỗ ngã lưng vừa ý và dự hiểu tại sao hắn có biệt nhãn với chúng tôi trong những buổi trưa đi lao dịch.

Bọn tôi cũng thừa hiểu hắn tiến ra phía lùm cây xách chiếc túi da lại chỗ gốc cây có tảng đá phẳng như tấm thớt to để làm gì. Hắn ghếch chân lên đòn gỗ, súng đặt trên hai vế, từ từ lôi những gói thuốc lá như khiêu gợi sự thèm muốn. Mười đồng một điếu Bastos đen, bốn chục đồng một điếu Capstan, Ruby Quân tiếp vụ mười lăm đồng, điếu con mèo có giá từ tám chục đến một trăm đồng... Bốn mươi ba thằng người bắt đầu lật bầu áo, gỡ cạp quần hay mò trong giải rút lôi ra những đồng tiền cong queo. Ở xa trông chúng tôi không khác một lũ khỉ rừng đang chụm vào nhau bắt rận. Những tờ giấy bạc chìa ra, tay kia cầm vội điếu thuốc thật chặt trong tay, như sợ có người bất ngờ giật đi mất.. Khói bắt đầu bay thành cột mỏng, vương vãi, tan loãng. Cả bọn chìm lú vào khói thuốc, không một lời nói, không một tiếng động. Mọi người cố tận hưởng những cảm giác sáng khoái. Đầu óc như giãn ra. Chỉ có những giây phút này, đám tù lao dịch mới có những ảo giác mộng lung thoảng chốc và có ảo tưởng như mình đang sống bên ngoài vòng đai sắt, được tự do.

Tôi mua hai điếu chia cho Đông. Hắn nhận lấy châm lửa. Cả tháng nay hắn chưa được người nhà tiếp tế. Dĩ nhiên, tôi là người đầu tiên phải chia sớt cho nó chút hạnh phúc bé nhỏ.

Đông ngồi dựa lưng vào gốc cây. Tôi xoải cẳng nằm dài trên bãi cỏ khô, lơ mơ nghe tiếng gió thổi rì rào trong đám lá bắp. Gió mơn man bên tai và rì rào ve vuốt trên mặt. Ngoài xa kia, biển vỗ ì ầm rồi thì ào ào nhỏ như một hợp tấu khúc khở nhục. Tôi thiếp dần trong giấc ngủ nặng nề và mơ thấy mình đang ngồi ở vỉa hè Sài Gòn uống ly cà phê đắng ngắt.

Mười bảy. Mười tám. Hai lăm. Ba mốt. Bốn ba. Đủ rồi. Đứng trước bước. Tám mươi sáu bàn chân đen đúa, ồm o xiêu xẹo lê qua cổng sắt. Hai người lính gát vôi vàng kéo tấm cửa chằng kềm gai tua tủa, đóng kín sau khi tên tù cuối cùng bước qua khỏi lần ngạch. Tới vòng rào thứ hai chúng tôi đứng lại điểm danh. Vào trong sân trại, điểm danh. Giải tán. Một tốp ngồi ngoài hiên. Một tốp chui vào phòng. Tốp khác đi quanh quẩn trong khu vực hẹp như ngóng trông, chờ đợi, tìm kiếm thứ gì. Tiếng đầm bốp bắt đầu lạch chạch nổi lên. Sau một ngày vác đá, lẩn cây những bắp thịt được giãn nở dưới những bàn tay thô ráp. Tôi và Đông thay phiên nhau, kẻ nằm dán lên tấm chiếu rách, kẻ đầm ơ hờ.

Đông cúi xuống hỏi nhỏ:

“Sao cả tháng nay không có chuyến tàu nào ra cả, anh?”

“Biết đâu gia đình cậu bạn” – Tôi trả lời cho qua chuyện.

“Em mong tin quá. Hôm nay là ngày hai mươi chín tháng bảy rồi. Còn một năm hai tháng hai sáu ngày là em mãn”

“Về học lại không?” – Tôi hỏi.

“Học hành gì được nữa anh. Năm nay em gần mười bốn rồi. Biết có được đi lính không nhỉ?”

“Sợ không được đi lính. Nước mình thanh bình từ hồi nào vậy?”

“Đâu biết” – Đông ngây thơ.

“Hay lấy vợ vậy” – Tôi hỏi đùa.

“Em sợ”

“Thì em đừng vác dao rượt đuổi vợ như từng rượt ông hiệu trưởng và mấy tên cảnh sát là em chứ gì?”

“Nhắc chi tới chuyện đó”.

Cả phòng vụt ngồi dậy im lặng. Có tiếng bước chân loạt xoạt ở bên ngoài hành lang. Đông dựng vội tôi lên như dựng một khúc cây. Trong trại này không có lệ đấm bóp. Bị cấm ngặt. Tên tù nào lỡ bị bắt quả tang sẽ phải bị cúp khẩu phần ăn hai ngày. Cho nên giữa đám tù và bọn giám thị vẫn canh chừng nhau hoài hoài.

Tiếng loạt xoạt mỗi lúc càng gần rồi ngừng hẳn trước cửa phòng 28. Tên giám thị ló đầu vào, chìa mảnh giấy, gọi:

“Ba mươi chín B đâu?”.

“Dạ, có mặt” – Tôi la lớn.

“Lên văn phòng ngay” – Giọng vừa hách dịch, vừa ban ơn.

Tôi đứng lên. Chỉ có Đông ngó tôi. Mọi người tù khác đều yên lặng, không nhúc nhích. Kêu lên kêu xuống trong trại là chuyện thường nên chẳng ai buồn để ý. Ngay cả khi những tên giám thị lôi xềnh xệch một cái xác máu me đầm đìa, tả tơi như chiếc mền rách. Đám tù cũng chỉ liếc ngang thật nhanh, rồi thôi. Mỗi một thân xác ở nơi địa ngục này đều tự giữ lấy thân, cam chịu và ích kỷ. Ích kỷ trở thành bản chất tốt nhất để bảo vệ lấy mình.

Tôi bước theo tên giám thị mà không thể đoán được điều

gì sẽ xảy ra. Qua hai chiếc cổng sắt và đi một đoạn khá xa, tên giám thị bảo tôi đứng chờ trước cửa văn phòng khu trại giam và bước vào trong. Đây là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy khu vực này. Tôi dựa lưng vào thành trụ xi măng đợi vừa đưa mắt quan sát khắp lượt: những hàng cây được cắt tỉa nắn nót, lối đi trải đá cuội trắng (tôi đoán là công sức của anh em tù lặn xuống biển sâu, giữa bầy cá mập xám vớt lên), những chậu cây cảnh... Mùi hôi từ quần áo trên người xông lên tận mũi khiến tôi khó chịu. Ba ngày nay chưa được lệnh tắm rửa. Hôi hám, ghê lở, ồm ồm, chí rận, bọ chét... là dấu vết của một hình dáng rất dễ phân biệt giữa những người tù và kẻ khác ngoài đời. Bất thần có tiếng gọi:

“39B vô đi”.

Tôi lặng lẽ xô cửa bước vào.

Tên giám thị đứng đập chân, khúm núm xoa hai tay vào nhau:

“Dạ thưa sếp, đây là tên 39B phòng 28” – Rồi hấn xoay về phía tôi – “đây là ông tân giám đốc trại, phải biết lễ độ, nghe rõ chưa?”.

“Thôi được rồi, anh có thể bước ra ngoài”.

Tôi gật đầu chào ông ta. Nét mặt người trưởng trại còn hơi trẻ so với chiếc ghế ông đang ngồi, và có chút gì thời lỗi mà tôi đoán chừng là ông ta mới bước chân vào vị trí không lấy gì làm vui vẻ này. Tôi cố tìm trên đôi môi, khoé mắt, ở hàng lông mày... những nét đanh ác, dữ tợn của hầu hết những tên chúa ngục, nhưng chưa hề thấy; hay ông ta giấu kỹ đâu đó đằng sau vẻ thời lỗi kia. Chừng như hiểu được cái nhìn soi mói, dò xét của tôi, ông ta nhếch nụ cười vừa phải, hỏi:

“Thế nào?”.

Tôi nhìn xoáy vào người ông ta mà không trả lời. Ông ta đưa tay chỉ chiếc ghế đẩu trước bàn ra dấu bảo tôi ngồi xuống. Tôi chần chừ quay nhìn sang chỗ tên giám thị đứng lúc mới vào, nhưng hắn đã đi tự lúc nào.

“Không sao, anh cứ ngồi xuống”.

“Vâng, cảm ơn ông”.

“Anh đã ở đây bao lâu?”.

“Bốn năm hơn hai tháng”.

“Àn anh kêu bao nhiêu?”

“Năm năm”

“Tội gì?”

“Có phương hại đến an ninh quốc gia”

“Tội nặng!”

“Vâng, thưa ông”

“Ở ngoài anh hành nghề gì?”

“Đủ nghề, nhưng nghề nào cũng thất bại”

“Có một lúc anh dạy học?”

“Hai năm” – Tôi trả lời và không hiểu ông ta muốn gì.

Ông ta quẹt lửa châm hút và chìa gói thuốc mời tôi, nói tiếp:

“Hình như anh khó chịu lắm thì phải?”

Tôi đổi tư thế ngồi.

“Ở hoàn cảnh như chúng tôi, ít ai dám nói ra những điều mình suy nghĩ trong đầu”.

“Tôi không lạ. Và sau này anh có thời gian dài làm báo?”

Tôi bắt đầu cảm thấy khó chịu thật sự. Ông ta đã biết cả rồi, sờ sờ trong đồng hồ sơ dày cộm kia, còn bắt tôi cung khai làm gì nữa? Ông ta sẽ bày những trò gì nữa đây. Tôi tự hỏi và im lặng thay vì trả lời.

“Từ lúc bước vô phòng tới giờ, anh nghĩ tôi thế nào?”.

Tôi nhướng cặp mắt lên mà không nhìn vào cái gì. Bên ngoài có tiếng kiểng báo hiệu giờ cơm chiều.

“Hình như tôi vừa mới trả lời”

“Thôi được, kể từ hôm nay anh có thể thông thả đôi chút, không phải trở vào phòng cũ. Anh ở đây giúp tôi”.

“Cảm ơn tấm lòng tốt của ông. Tôi còn đưa em nuôi khi gặp nhau trong hoàn cảnh tai hại này! Dĩ nhiên một tội tù không được quyền làm như vậy nhưng nó còn nhỏ quá...”

Ông ta khoát tay:

“Tôi hiểu, tôi hiểu. Ngay sáng mai tôi sẽ cho đưa nhỏ đó lên với anh luôn. Nó sẽ tưới cây ngoài sân kia, được chứ? Anh có thể về phòng được rồi. Tạm biệt”.

Tôi chào ông, bước ra. Tên giám thị đứng chờ sẵn bên ngoài hành lang. Tôi bước theo hắn trở về trại với nỗi lòng hoang mang, không hiểu tại sao có trường hợp lạ lùng này?

Bọn tù đang ăn cơm. Đông nhận phần cho tôi và chờ tôi về. Tôi ngồi xuống bên nó, ăn chậm rãi. Đông có vẻ lo lắng, bồn chồn. Hắn muốn hỏi tôi nhưng nghĩ sao lại cúi xuống và nốt chỗ cơm còn lại trong ca. Tôi nuốt miếng cơm cuối cùng và lặng lẽ bỏ vào chỗ nằm.

Tiếng muỗi bay vo ve. Tiếng đập tay chan chát. Tiếng rên rỉ, lẫn trở của mấy người tù già.... Tất cả tạo thành âm thanh mòn rĩ, lúc lớn lúc nhỏ không rõ ràng làm tôi nhức óc. Tôi cố nhắm mắt, bịt hai lỗ tai, nhưng thứ âm thanh mòn rĩ tàn tạ kia cứ len lén chui vào một cách trơn tru. Đôi ba lần xoay trở, nhưng ở phía nào cũng vẫn phải nghe. A, mày phải nhớ thân phận mày là một thằng tù, một kẻ mà đám đông nhân danh luật pháp đã đặt ra cho mày một chỗ đứng riêng biệt và cần phải được giáo dục

lại một cách cẩn thận theo khuôn mẫu của các cá nhân tự cho mình có một quyền uy tối thượng. Luật pháp là một thứ đạo đức tuyệt đối bất khả vượt lên trên tất cả mọi ý niệm hữu hình hay siêu hình. Trước, y là một cục đất của toàn thể khối đất thấp cao, khô cứng. Nay, y phải trở thành một viên ngói hay một viên gạch, một chiếc trà nung bởi vì chiếc máy đã uốn nắn y, không thể để mãi là cục đất được. Một ngày mày phải làm việc mười hay mười lăm tiếng, đổi lấy mấy nắm cơm và một dùm rau để thân thể còn có khả năng chống chịu nơi sơn lam chường khí. Bắt buộc. Đó là một thứ triết lý sống theo kiểu ống thổi lửa. Bởi vì một khi có làn hơi thổi vào, tức thì khói hay lửa phải bật ra. Mày chỉ là một nhánh củi khô thôi mà.

Những điều này đã làm khổ đầu óc tôi những ngày đầu không ít. Và dần dà, đã thành thói quen chịu đựng, như đêm người chồng phải nghe tiếng ngáy của vợ; như người giúp việc trở thành chiếc máy đa hiệu vậy.

Vậy mà chiều nay đây, chính buổi chiều tai quái này đã đẩy cuộc đời tôi rẽ qua một ngõ khác. Sẽ được chút ít tự do, tôi tự nghĩ lao lung, có phải như thế chẳng? Một chuyện may trong đời tù tội? Trong đầu tôi bắt loé lên tia lửa của sự ngờ vực. Phòng 28. Văn phòng trại. Thoải mái. Đúng rồi. Chẳng có gì khác. Mày lao lực mười tiếng mỗi ngày. Mày ăn cơm hẩm. Mày rung đùi ngồi trên văn phòng. Xâu lại mày vẫn là một thằng tù, không thể là con người khác. Luật pháp đang cầm cây kẽm đứng sau lưng. Phải, mày chỉ là một thằng tù chính hiệu một khi mày còn quanh quẩn trong cái hóc xó này.

Bên ngoài trắng sáng vàng vạc. Trắng trải vàng trên khoảng sân rộng, trắng lóng lánh, ngả ngớn trên những

tàu lá mã đề ướt đầm sương, chói sáng và lấp lánh trên mái tôn của căn lều phía bên kia. Đông nằm cạnh tôi thở đều đặn. Hẩn ngủ. Vì trùng mỗi một đã thấm đẫm trong cơ thể hẩn. Vâng, mày chỉ là một thằng tù.

Công việc mới của tôi là biên chép sổ sách. Mỗi ngày nhận bao nhiêu tù mới, loại nào; trả về đất liền bao nhiêu. Những tấn gạo, cá khô, muối... nhập kho và xuất bằng đơn vị ký lô gam... mỗi trại, mỗi phòng nhận.... Tôi điên đầu. Đông ngồi bên kia lật chồng báo cũ coi mấy bức tranh hí họa, cười một mình. Thỉnh thoảng nó cũng giúp tôi một vài công việc nhỏ sau khi đã tười xong những hàng cây cảnh ngoài sân, nhưng không khí chung quanh vẫn căng thẳng, ngột ngạt đến khó thở. Tự dưng tôi nhớ tới Thạch gạo, đám bắp, những hầm đá, bãi biển và dòng suối trong veo... Chúng nhảy múa, hiện lờ mờ trên những con số, cột dọc ngang. Đủ. Rồi. Đứng trước bước. Âm thanh đó lúc xa lúc gần xoáy tròn như cơn lốc quanh những cột số dài đặc trên cuốn sổ dày cộp.

Chuông đổ leng keng. Một ngày nữa lại trôi qua. Tôi xếp sổ sách bước ra ngoài. Gió nồm thổi nhẹ, mát. Người y tá trưởng đi qua, mời tôi điếu thuốc. Cuộc đời tôi sao thay đổi quá nhanh như vậy? Thiệt tình tôi không thể nào hiểu nổi. Tất cả mọi người đều bắt nhìn với cặp mắt khác, làm như tôi không phải, không hề là thằng tù?

Người y tá ném mẫu thuốc và dùng chân dẫm nát, nói:

“Anh đi khỏi, phòng 28 lắng chuyện. Bữa kia đánh giám thị. Nay lại phá ngục. Thôi đi nghe. May mắn” – Hẩn vỗ vai tôi, bỏ đi.

(...) Ngày nối ngày liền đêm trôi qua chậm chạp và chán ngắt. Vẫn những dòng số nối nhau nặng trĩu. Nếu được

chút quyền, có lẽ tôi không ngần ngại xin ra trại với bọn Thạch, Lân, Mãnh, Thúc... với những tảng đá to, những đòn cây súc nặng. Ngày tháng lướt thướt buồn tênh và vô vị... cho đến cái ngày định mệnh oan nghiệt xảy ra: tôi được lệnh ân xá trước hạn. Tôi không ngạc nhiên vì chuyện này, bởi trước tôi đã có nhiều người. Nhưng kinh hoàng khi ngồi vào bàn ăn ở tư thất ông giám đốc. Một bữa ăn nhỏ để chia tay người tù đã giúp ông ta nhiều việc. Bàn ăn phủ khăn trắng, ba chiếc cốc thủy tinh, những con cá biển và thịt rừng với đèn đóm sáng choang. Một người tù và một người cai ngục đối mặt nhau. Mấy phút sau một thiếu phụ xuất hiện trong màu áo trắng sáo. Tôi đứng lên sững sờ. Người cai ngục đứng lên theo giới thiệu:

“Đây là vợ tôi, mới từ Sài Gòn ra chiều hôm qua, còn đây là anh Khâm được tự do kể từ 8 giờ sáng nay”.

Tôi gật chào như một cành cây xau héo. Tôi nâng cốc chạm môi mà như thể chiếc cần vọt kéo gàu nước từ giếng sâu lên. Bữa ăn đến nghệt thở. Những điều xảy ra trong cuộc sống mà người ta gọi là ngẫu nhiên sao lại rơi đúng vào trường hợp này? Tôi cảm mất xuống đĩa thức ăn trắng bong như bữa ăn của tên tử tội trước giờ hành quyết. Không thể có một sự ngẫu nhiên tai ác như thế. Rõ ràng người thiếu phụ ngồi trước mặt tôi là Thảo, vợ tên cai ngục (ông ta đã giới thiệu rõ ràng như vậy). Ngọc Thảo đã hát cho tôi nghe bài *Ngọc Lan* trên dòng Bassac ở Cần Thơ ngày nào đây sao? Ngọc Thảo đã cho tôi ngồi trên xe lôi lủn sâu vào vườn mận chín ngày nào đây sao? Đôi mắt em, làn môi em, bàn tay thon mỏng của em và tấm thân em rung lên như con chim non ngày nào... khiến lòng tôi quặn thắt, đau nhói không cùng... Tôi đặt

lát bánh mì xuống đĩa, đứng dậy và bước ra ngoài...
Bầu trời tối đen. Những ngôi sao li ti cao vọi vọi. Mặt
sân như mặt biển mênh mông đen. Tôi ngã bổ nhào
xuống biển sâu. Người thiếu phụ mặc áo màu trứng sáo
thì đứng đứng đứng trên bờ đá.

(trích Tập san Nhà Văn, số tháng 3.1975)

HOÀNG YÊN TRANG

**“...Nàng cười bằng mắt rất ngoan. Tôi chợt nhớ Duyên. À
anh Thạch chưa đi lính sao. Phương vừa nói vừa nhìn tôi.
Tôi mà đi lính nổi sao Phương. Nàng ờ ờ có vẻ buồn. Sao
nàng không hỏi tôi đã có vợ con gì chưa. Đi đâu cũng
nghe nói đến lính tráng hết...”.**

TRÊN ĐƯỜNG

Duyên không ngờ anh có thể theo nổi hết khoá Thủ
Đức. Chính anh cũng đâu ngờ thế Duyên. Suốt hai giai
đoạn anh đã cố nhập được với đám đông (đám đông đưa
anh dần dần không bỏ một buổi thực tập nào). Hồi sáng
anh đã nắm bàn tay phải đưa lên tuyên thệ cùng với đám
đông rồi. Và bây giờ anh đã Chuẩn úy rồi đó thấy
không. Chiếc nút đồng này đâu phải nhỏ em, Duyên
lặng thinh nghe tôi nói. Hai tay nàng trống không. Mái

tóc cong ôm lấy chiếc cổ cao tôi nhìn muốn cắn ngay lên đó. Vết cắn thật ngon. Làm gì anh nhìn em dữ thế vậy anh Thạch. Tôi nói đâu có gì. Nàng cười. Ừ, này anh Thạch, Duyên nghe người ta nói anh thương nhiều người lắm rồi phải không. Người ta nào. Nàng cười. Tôi ít nói Duyên còn ít nói hơn tôi. Sự im lặng làm tôi thấy Duyên gần tôi hơn. Thành linh tôi ôm hôn Duyên như vũ bão. Nàng biết tính tôi như vậy nên chờ cho cơn đam mê của tôi dịu xuống nàng mới từ từ gỡ tay tôi nói khẽ. Thôi anh, mấy anh kia đang nhìn mình đó anh. Họ cười chết. Cười gì em, trước sau gì anh cũng cười em mà. Họ cũng như mình thôi chứ có khác đâu. Nàng cười. Nụ cười sau cơn hôn thật tươi thật quyến rũ. Tôi ôm hôn Duyên lần nữa. Đôi mắt Duyên tê dại hẳn như sắp chết. Trong cơn mê tận cùng con người gần gũi đến cái chết sao. Tôi trút tất cả những đam mê của tôi ra khiến thân thể Duyên oằn oại dưới bàn tay dã thú của tôi. Chắc nàng đã chết. Tôi cảm thấy yêu thương Duyên vô cùng. Thế gì anh cũng cười em, Duyên ơi em đừng chết. Tôi buông Duyên ra. Nàng sửa lại dáng ngồi. Đôi mắt trở lại mơ màng. Nàng mân mê những ngón tay tôi thật trìu mến. Nhớ mai kia Duyên lại đi lấy chồng nữa anh có buồn như mấy lần trước không anh. Buồn chứ em. Duyên có vẻ không bằng lòng câu trả lời của tôi. Nàng cắn ngón tay út ngược nhìn tôi. Cũng chẳng sao phải không anh. Anh đã nhìn quen nhiều lần như vậy rồi mà, mấy lần kế tiếp nữa kể gì. Chuyện đâu dễ thế em. Em biết mỗi lần người yêu đi lấy chồng anh đã xài phí tuổi trẻ anh như thế nào không, cũng may là chưa người nào ra vẻ phụ rẫy anh cả. Họ viện cớ này hay cớ khác cho đỡ dằn. Để chi. Anh cũng muốn thế. Mỗi người cứ chọn một tự do. Còn đến phiên

em. Chắc Duyên cũng vậy thôi, con gái mà anh. Rồi nàng cười buồn. Mưa đã chớm nặng hạt. Gió hất vào nơi chúng tôi ngồi lạnh buốt. Hàng gòn hai bên đường lốm đốm những ánh điện vàng yếu ớt. Vài cặp trai gái che poncho đi dưới trời mưa chậm chạp hưởng ra cổng trường. Tiếng hát đàng giăng đường của người ca sĩ quen tên nghe mơ hồ đứt đoạn theo từng cơn gió. Chiếc xe jeep chạy ngang làm đêm đen thêm. Hai bàn tay Duyên đã thấy lạnh. Tôi lấy áp vào má tôi. Những hạt mưa làm da mặt tôi trơn rít. Hình như anh gầy hơn lúc trước. Sao người ta đi lính trông khoẻ ra, còn anh. Ừ, còn anh thì như vậy đó. Liệu nhà binh có giúp ích gì cho anh không. Như việc gì. Nhiều việc lắm như việc anh nuôi lớn tình yêu em chẳng hạn. Anh bị quan quá. Anh bị quan làm sao anh đủ sức để bây giờ anh làm chuẩn úy. Chắc em không ngờ anh đi khóa này coi như một kẻ tình nguyện chứ đâu phải thầy giáo bị động viên. Em biết không, trước khi khám sức khoẻ nếu anh muốn hoãn anh chỉ cần nhịn ăn và thức khuya chừng vài hôm chứ gì. Thế suốt khoá anh có tìm thấy gì không. Có lẽ anh chưa nhớ ra. Đàng giăng đường bây giờ đã đến màn kịch. Những diễn viên đối thoại có vẻ vui làm nhiều tiếng cười đồng vờ ra trong mưa. Mưa đã gần tạnh. Trời trong hơn đôi chút nhưng chưa có vì sao nào loé lên. Thôi Duyên về nghe anh. Duyên kêu tôi đưa nàng ra cổng. Về tối như thế này mẹ rầy không Duyên. Anh quên rằng bây giờ Duyên đã lớn rồi sao, có thân phải lo chứ. Ừ, lớn rồi. Nhớ mới đây còn gọi anh bằng chú Thạch, mau quá hử Duyên. Duyên thẹn bấu mấy móng tay vào vai tôi. Anh Thạch này kỳ quá. Thôi để Duyên gọi anh lại là chú Thạch nhé. Thưa chú Thạch Duyên về. Mười ngày phép nhớ đến thăm

Duyên nghe chú. Duyên chạy từng bước nhỏ dễ thương ra khỏi cổng. Chiếc taxi vừa đón khách xe rô máy chạy để tôi đứng bơ vơ nơi cổng nhìn dài theo con đường thăm tối mệnh mang ý nghĩ.

Tôi quay trở vào. Vừa ngang đến giảng đường thì buổi văn nghệ giúp vui ngày mãn khoá cũng vừa dứt. Đám đông vỡ ra mấy ngả cửa thiếc. Những anh chuẩn úy lon mới tinh. Những sinh viên mang alpha, những cô gái mặc đủ loại đủ màu. Trời nhờ nhờ ánh điện tôi không thấy được trên nét mặt họ một tâm trạng nào. Những tiếng nói tiếng cười phức tạp. Những chiếc xe nhà lấm tấm nước mưa. Chắc bây giờ Duyên đã đến nhà rồi đó Duyên. Trên xe em đã thấy được gì nơi nét mặt của những cô gái đồng hành có người yêu là lính như em, rồi em về nhà em thấy tình yêu có ích gì cho em chưa. Tôi rẽ sang đường về trại. Mái ngói tối đen, những bức tường bất động. Nơi đã chứng tỏ chúng tôi đã có mặt gần chín tháng. Những đàn anh chúng tôi hiện giờ đã về đâu. Những đàn em chúng tôi hiện giờ chắc có kẻ còn đang lang thang ngoài phố hay ngồi mỗi một bên những trang sách học thi hay đang thủ thủ với người yêu bằng những câu giả từ lãng mạn. Căn trại nằm đó không chờ đợi cũng không lạnh nhạt chứa một khoảng không gian cố định lẫn đều theo tháng năm. Mấy cây gòn mặc sức lớn thay lá rụng trái lưa thưa vài dấu vết trên sân sau những bàn tay tạp dịch buổi sáng. Tôi vào giường ngồi tháo giày. Bao quân trang tôi đã buộc lại gọn gàng trước khi Duyên vào thăm tôi. Rồi ngày mai tôi còn để dấu vết gì nơi đây. Không tất cả. Tôi đã sống ở đây gần chín tháng thật sao. Tiếng một vài người bạn trẻ trầm trồ không khí buổi văn nghệ khi nãy. Chiếc mông T. Ph. ác quá về

Pleiku làm sao thấy được ta. Những tiếng cười đồng loạt vang lên. Phòng bớt vẻ nặng trịch trịch khi tôi mới bước vào. Mười chiếc giường còn trống, còn bao nhiêu thì đã sẵn sàng. Mặc sức cười mặc sức nói và gì nữa. Tôi đi ra sau cầu đi tiểu. Không còn những gánh hàng bún bò vịt lộn chề đậu trong nhà tắm này nữa. Chuẩn úy cả rồi mà, ai còn ngồi đó ăn nữa. Tôi một tay giúp cho sự bài tiết một tay sờ sờ lên chiếc nút đồng cộm cộm. Cơn gió tạt qua làm tôi thấy hơi lạnh. Đã mùa mưa. Tôi ra đơn vị nhằm mùa mưa. Tôi đưa cánh tay lên ngắm nghía. Tôi cười. Duyên không ngờ anh có thể theo nỗi hết khóa Thủ Đức. Buổi đi hành đầu tiên quanh Liên Trường tôi đã thấy lo cho sức khỏe tôi. Tôi nghĩ lại giật mình. Sao con sinh ra với thân thể này ở giữa cuộc đời này. Cái gì đã tạo ra tôi. Tôi thử tôi đi tôi đứng tôi nói tôi cười tôi khóc tôi sống. Tôi không thể lớn được một chút nữa sao. Tôi không thể nặng được vài ký nữa sao. Đã ba mươi rồi mà. Tôi bất lực nhìn lại thân thể tôi. Tôi không làm gì được cho thân thể tôi cả. Mặc dầu nhiều lần tôi đã bỏ ra mấy tháng trời luyện tập tắm bổ bổ hút thuốcbỏ đi chơi bởi nhưng cũng không hơn được gì. Rốt cuộc đâu cũng vào đó. Tôi lại trôi dạt theo với cơ thể tôi. Liệu tâm hồn có tự do được với thể xác không. Tôi nghe người ta đã bàn nhiều về linh hồn. Tôi chỉ còn bầu vú được một chút hy vọng về một huyền thoại nào đó chẳng. Để chi. Tại sao chúng ta lại cứ phải tưởng tượng rằng Sisyphe được hạnh phúc. Qua buổi kế tiếp tôi phải cố sức quá nhiều, lần lần tôi nhập cuộc lúc nào cũng không hay. Cầm Garant lưng đeo túi nặng hai chân cứ bước cứ chạy có khi tưởng hai chân của ai đâu không liên hệ gì đến giác quan tôi cả. Rồi cũng chuẩn úy đó Duyên ạ. Anh biết khi thấy anh

cầm giấy gọi động viên nhiều người đã nhìn anh nói đi ít ngày rồi trở về với giấy hoãn vì lý do sức khỏe chờ gì. Anh có đau bệnh gì đâu em. Anh đủ sức chiến đấu mà. Bác sĩ đã sắp anh vào hạng đó chờ sao. Anh sắp sửa tham dự cuộc chiến tranh này đó em. Chiến tranh gì mà lâu dữ mẹ anh thường cần nhần không biết với ai, mẹ anh sợ thằng em độc nhất của anh cũng không khỏi, trễ lắm cũng đến khoá hai mươi rồi bà thở dài, anh nói gì anh cũng không nghe, mẹ anh đã già rồi đau yếu liên miên, chắc em chưa biết mẹ anh đâu, từng tuổi đó rồi mà chưa thấy mặt con dâu nào cả. Quả hai anh em anh tệ thiệt rồi bà nhìn ra lại thở dài. Còn mẹ em thì anh đã gặp rồi. Mẹ em còn trẻ hơn, chắc cũng ít lo rầu điều gì nhiều đâu. Em có bao giờ nghĩ đến chiến tranh không. Em đã có người yêu là lính rồi đó nghe. Tôi trở vào leo lên giường nằm. Nghe như muốn sốt. Chỉ còn mấy giờ nữa tôi đã từ biệt nơi này rồi. Tôi kéo túi ngủ lên khỏi ngực cố ngủ vớt một chút.

Anh này coi ốm mà dữ. Anh như vậy mà dữ với ai em. Thôi anh đi. Mới ở chưa đầy đêm mà đành thôi sao. Tôi tìm vuốt ve mơn trớn trên những chỗ xúc động của cơ thể đàn bà. Nhột anh. Em mà còn nhột nữa sao. Người gái điểm nín thình. Tôi thấy buồn buồn về lời tôi vừa nói, rồi nghĩ đến vài người con gái gọi là con nhà lành. Tôi nâng đầu nàng đột ngột tìm môi hôn. Không thấy một cảm giác mạnh nào chạy trên môi. Tôi lấy ngón tay trở xoa xoa trên đôi môi khô của nàng. Ừ em như vậy mà còn hôn em được sao. Thôi mà em. Tôi thấy trong người hết náo nức ham muốn. Thôi bây giờ mình ngủ nghe em gần sáng rồi. Tôi vói tay lấy quần áo. Nàng nói một câu chắc nịch. Không, bây giờ thì tới phiên em. Tôi để mặc

nàng muốn làm gì thì làm trên cơ thể thừa thãi của tôi. Duyên ơi anh yêu em nhớ em vô cùng. Anh nói gì đó. Không. Hai thân thể cử động liên hồi đến lúc tôi thấy thân thể tôi mệt rũ rã rồi nàng cũng vừa buông tôi ra. Tôi nằm dang hai tay ra như đôi cánh. Tôi muốn bay đi trong vùng không có trọng lực. Tôi đưa mắt nhìn người gái điểm leo ngồi lên chiếc lavabo vặn nước rửa. Tiếng nước chảy từng hồi nghe vui vui. Nàng cũng đẹp đấy chứ, còn trẻ mà không tìm ra người chồng nào sao. Bây giờ đàn ông đã khan hiếm trên thị trường hôn nhân rồi sao. Tin chiến sự tổng kết mỗi ngày bao nhiêu người chết, bao nhiêu người bị thương. Nàng trở vô mừng mặc quần áo tắm vài giọt nước hoa mùi thật đi. Nằm đó hoài sao anh không đi tắm rửa gì đi. Tắm rửa chi em. Nói rồi tôi ngủ thiếp đi không một cơn mộng nào về xáo trộn tinh thần. Khi tôi thức dậy đã có nắng sớm lọt vào khe cửa sổ phòng khách sạn gây khúc trên giường. Người gái điểm đã ngồi trước bàn trang điểm. Đã qua một đêm nữa rồi. Còn mấy ngày nữa. Về sao anh. Về chờ ở chi em. Ừ. Tôi đến hôn phớt nhẹ lên mái tóc nàng rồi bước ra cửa. Không khí buổi sáng đã làm tôi tỉnh táo. Đoàn xe nhà binh mười mấy chiếc làm nghẹt cả xe cộ ở ngã tư thành phố. Tôi nhìn lên thấy những gương mặt trầm tĩnh đen đúa khăn quàng cổ màu đỏ rực rỡ nón sắt sơn rằn dử tợn. Vài hôm nữa tôi nhập vào hình ảnh hùng dũng đó sao. Đợi cho đoàn xe qua khỏi tôi len lỏi giữa đám xe cộ bị động đang rồ máy băng qua đường tìm món điểm tâm. Người con gái tóc buông dài ngừng xe solex gọi tôi. Kia anh Thạch lâu quá mới gặp lại anh. Tôi thẳng thốt gật đầu chào. Phương ở dưới này sao. Vâng Phương đã về đây rồi, dạy sử địa. Phương là người bạn khá thân với tôi

hồi còn học chung một lớp Đệ Nhất ở tỉnh. Những kỷ niệm tuổi học trò không còn thấy gì ở Phương. Dáng dấp đó đã từng làm tôi mê mết một thời. Tôi vốn đại gái từ thuở còn rất siêng năng. Những bài thơ tình lãng mạn đều đều trong những quyển vở toán cho mượn chép bài. Đôi mắt với những nét vẽ rất mơ. Kết quả cuối năm đó tôi hỏng thi vào đại học. Bẵng đi một thời gian dài tôi mới nghe nói nàng đi sư phạm ban sử địa và nghe đã có chồng. Hồi này anh còn thơ thẩn gì nữa không. Thịnh thoảng cũng có vài bài cho vui. Nàng cười bằng mắt rất ngoan. Tôi chợt nhớ Duyên. À anh Thạch chưa đi lính sao. Phương vừa nói vừa nhìn tôi. Tôi mà đi lính nổi sao Phương. Nàng ờ ờ có vẻ buồn. Sao nàng không hỏi tôi đã có vợ con gì chưa. Đi đâu cũng nghe nói đến lính tráng hết. Quên giới thiệu với anh nữa, anh nhà Phương dạy cùng trường mới vừa vào Thủ Đức khoá này. Tôi đáp bằng quơ. Nếu đi lính nổi cũng nên đi cho vui chơi. Ừ anh thì cái gì cũng vui hết. Anh ở ngoài có vẻ thông thả ghê. Thế ra tôi có vẻ thông thả lắm sao. Mà tôi thông thả thật còn đến mấy ngày nữa tôi mới đi trình diện đơn vị. Thôi, hôm nào rảnh anh ghé nhà chơi. Nàng đưa tôi địa chỉ. Gần đến giờ dạy rồi Phương đi nhé. Chiếc solex chở nàng đi khuất dãy nhà. Tôi bỏ tấm danh thiếp có ghi địa chỉ nghề nghiệp nàng vô túi rồi bước vào quán cà phê. Cô chủ ngồi giữ quầy hàng tôi mới quen mấy hôm nay cười chào tôi. Tôi tìm bàn phía ngoài gọi ly cà phê sữa hai hột gà sống một gói Méliá vàng một hộp quet, nhìn thiên hạ qua lại trên đường. Tôi làm gì trong mấy ngày còn lại của tôi đây. Hết quanh quẩn ở nhà lại đi lục lạo các phòng ngủ. Bạn bè thì đã tứ tán khắp nơi rồi. Tôi thấy mười ngày phép mãi khoá hơi dài. Tôi chợt nhớ tôi

chưa đi thăm Duyên./.

(Lời Tòa Soạn)

*Hoàng Yên Trang hay Trần Như Liên Phượng là bút hiệu của cố **Trung úy Trần Văn Thạch** đã ngã xuống trên chiến trường Chương Thiện ngày 10-6-1965 đang ở tuổi 29. Trước khi nhập ngũ, anh là nhà giáo.*

*Trước khi vĩnh biệt cõi đời, Hoàng Yên Trang đã xuất bản 2 tập thơ: **Đi Hoang** và **Đêm Không Ngủ**. Tập thứ 3 **Làm Thân Con Gái** chưa kịp in ấn thì anh đã từ già chúng ta. TQBT xin trích đăng truyện ngắn Trên Đường anh gửi cho tạp chí Văn Học 2 ngày trước khi vĩnh biệt chúng ta.*

(Tạp chí Văn Học không có số vì bìa không còn . HYTrang chết ngày 10/6/65, mà truyện này gửi ngày 8/6/65 đến ngày 12/6 toà soạn Văn Học mới nhận. Như vậy có lẽ số báo này phát hành vào khoảng tháng 7/65 ???)

NGUYỄN CÁT ĐÔNG

Trần Như Liên Phượng

Tôi đọc thơ Trần Như Liên Phượng trên các báo nhiều năm trước khi được gặp anh. Gặp không bao lâu thì anh vĩnh viễn ra đi ở tuổi tròn trềm ba mươi.

Đầu năm 1964, Lan Sơn Đài từ nhiệm sở dạy học Sóc Trăng trở về quê nhà Cái Vồn, ghé Cần Thơ bàn với vài anh em viết lách việc làm tờ Tiếng Động Mùa Hạ (về sau đổi thành Tiếng Động). Tờ tạp chí không sống dai. Và thành phần nòng cốt cũng ra đi gần hết: Trần Văn Thạch (Trần Như Liên Phượng) ra đi trước nhất, rồi đến Lê Văn Hiến, Lan Sơn Đài, Quách Dực Thanh (chết

bức tử trong tù CS), Ưu Thức Nguyễn Văn Tâm, Kiều Tâm Khánh. Hình như bây giờ còn lại chỉ có Triều Uyên Phượng và Nguyễn Cát Đông.

TNLP chết trẻ đang lúc tài năng sung mãn. Một đêm thượng tuần tháng 6 năm 1965 anh em Tiếng Động đã làm một đêm canh thức tại căn nhà nhỏ số 59 đường Cống Quỳnh Cần Thơ để khóc người bạn thơ đã bỏ anh em mà đi quá vội. Chỉ 3 hôm trước đó, ngày cuối tuần đầu tháng 6, KTK và NCD đã đón tắc ráng vào Kinh Năm thăm Trung Úy Thạch khi sư đoàn 21 Sét Miền Tây đang dưỡng quân ở đó. Chúng tôi mang vào cho anh 2 cây thuốc Lucky Strikes, anh chia cho cả đại đội, chúng tôi hứa sẽ gửi thêm vào. Thuốc chưa gửi kịp thì Thạch đã ra đi. Thạch nói lính chiến sống chết bất thường, anh hút Lucky để cầu may. Cái may mắn của Thạch thì chúng tôi không thấy, chúng tôi chỉ thấy 3 cái tên 3 người con gái anh yêu (Như, Liên và Phượng) đã vận vào sinh mệnh của anh. Con tạo đổ hường nhan; một hường nhan như Kiều đã sống dở chết dở, thế mà Thạch dám mang vào mình 3 cái hường nhan thì tránh sao khỏi mệnh bạc. Hoàng Yên Trang, một bút hiệu viết truyện của Thạch, cũng lại là một hường nhan!!!

Thêm một lần chào kính người bạn thơ đã ra đi bốn mươi năm trước.

Houston, Nov. 2005



Thơ

HẢI PHƯƠNG • KHÊ KINH KHA • NGUYỄN
LƯƠNG VỊ • PHẠM NGỌC LƯ • NGUYỄN ĐỨC
NHƠN • ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ • CAO VỊ
KHANH

HẢI PHƯƠNG

Ghé Lâm Tri Thăm Cự Tiên Điền Và Kiều Nương

Áo khuya
lay động gió rừng
môi hôn tằm tã
nửa chừng non xanh.

Lời tình hát mãi
vô thanh
thân ta trụi lá
xót cảnh vong thân.

Thềm câu lục bát như diên
ghé Lâm Tri thăm cự Tiên Điền
với Kiều Nương.

Khi Chu Mạnh Trinh Vịnh Kiều

Mở ra
khép lại
trăng già nửa
đất thấp trời cao
nắng dậy thì.

Ví thử
Liêu Dương không cách trở
hồng nhan chưa dễ
ghé Lâm Tri.

Khi Kiều Đến Sông Tiền Đường

Trăng ơi
trăng ngậm vành khuya
thì con sông ấy
đằm đìa
nước non.

Cuộc tình bày trận nhân gian
trăng ơi
treo phận hồng nhan ngời ngời.

Tiếng đàn xưa
nhịp cung rơi
tiếng đàn nay
lại ngôn lời vô ngôn.

Biết đâu
dặm cỏ xanh còn
tháng giêng em lại
thiền môn cõi người.

Khi ở La Jolla Beach
1998

Khi Ra Tù Trở Về Sài Gòn Năm 1985

Ra tù
ngẩn bước lai rai
phố khuya buồn nổi

đêm dài cô thân.
Ta về
em bước tần ngần
nắng pha cổ tích
dấu chân bụi mờ.

Ta về
cơm áo bơ vơ
phù vân nguyệt xế
loạn bờ biển dâu.

Ta về
đâu thấy gì đâu
thấy con phố cũ
rêu màu chiêm bao.

Ta về
lỡ chuyển ngựa thồ
ráo con mắt ngó
lệ khô đầm đìa.

Saigon 1985

KHÊ KINH KHA

Nụ Hồng

đêm nao nằm mộng giữa vườn hoa
hoa nở trăm bông dưới nguyệt tà
và em như nụ hồng đỏ thắm
lời lẽ trong vườn riêng với ta

kê môi ta muốn hôn hồng đỏ
bỗng thấy trăng tan bóng nguyệt nhòa

đêm nay ngồi lại giữa vườn xưa
vườn xưa nay vắng một nụ hồng
lòng ta, ôi con đường xa vắng
biết đến bao giờ ta mới quên

em
em ơi, hãy nở trong tôi một nụ hồng
hay thả trong tôi lời tình nồng
dù chỉ một lần trong giấc mộng
tôi cũng cam lòng
phận trăm năm

Nỗi Niềm

vầng trăng sáng quá đêm nay
nhìn trăng mà nhớ
tháng ngày chiến tranh
ai đã mất
ai yêu em ?
sao tình
như mảnh áo xanh
rách rồi

người chiến sĩ
đã chết rồi
còn đây
nước mắt
em ngồi ru con
à ơi
trắng sáng mệnh mông
sao chưa sáng hết vào lòng nhân gian ?

(1978)

Tri Ân

(tặng THThư và PVNhàn)

mấy mươi năm
đã qua rồi
mấy mươi năm
 một khoảng đời
nhận tin anh
thấy bồi hồi trong tim

trăm năm
gió thoảng
mây chìm
trăm năm
thân thể
buồn tênh
trên tay
thế sự tử hờn
ai hay ?

trắng vàng một mảnh
trên vai
bao mùa thu
lá vàng bay
bao tình non nước
hồn đầy xót xa

dù đời
xế bóng nguyệt tà
dù lòng
đã lấm lệ nhòa
buồn vui chia sớt
tuổi già tri ân

KhêKinhKha
10.27.05

NGUYỄN LƯƠNG VY

Bích Khê

*Gờn gợn bóng huyền hồ
Kiếp tài hoa bạc mệnh
Tình Huyết đọng mùa thơ
Biết bao giờ em đến?!...*
5/1973

(Âm Vang và Sắc Màu)

Em bí mật chôn ta
Trong tinh hoa của sắc
Trong hui hắt của màu

Trong tiếng khua thời khắc
Gọi là lộc khổ đau

Lộc khổ đau tươi rói
Xuân Tượng Trưng phúc trời
Ta chết ngay trong lời
Lộc biếc vang một ý
Nở thanh khí một trời

Núi Thiên Ấn ngũ vùi
Sông Trà chảy xót ruột
Thơ ta ngùn một nùi
Tinh Huyết ngân một giọt
Em bí mật hoài thai

Hài nhi bọc tinh âm
Khóc xanh hết bờ cõi
O oe hồng tiếng nói
Kiến trúc chín bậc trầm
Mười bậc cao vùi vùi

Thơ lạ như thần ứng
Âm thương đau móng sắc
Ta chết ngay tức khắc
Giữa trời Xuân Tượng Trưng
Tinh Huyết bỗng thơm lừng...
5/2003

PHẠM NGỌC LƯ

Bâng Khuâng Mùa Rụng

Gói bằng màu đỏ lá phong
Gởi về tôi một sắc lòng còn tươi
Vô tình gói cả mùa rơi
Mang mang phong vị phương trời tri âm

Bồi hồi khói quyện “ đan tâm ”
Có ai vừa thả hương trầm vào thơ?
Mà thao thức nhúm tàn tro
Mà nghe mực nghẹn bút khô thở dài!

Mơ màng đang chạm tay ai
Bâng khuâng mùa rụng...nhặt vài lá phong
Gói giùm tôi một nỗi lòng
Thả vào mây trắng bênh bồng chiều thu...

9.2005

NGUYỄN ĐỨC NHƠN

Hoàng Hôn Trên Bến Nước

Rồi một chiều lá vàng rơi lác đác
Em ra đi bỏ lại chút tình xưa
Tôi vẫn đứng giữa dòng sông bát ngát

Chiều lại chiều trôi mãi giữa hư vô

Vàng nhạt nguyệt có mong ngày gặp lại?
Từ trăm năm chờ biết đến bao giờ!
Con nước lớn đã xuôi về biển cả
Dòng sông ơi! Có thấm lạnh đôi bờ?

Chiều xuống thấp mây trời trôi lãnh đãng
Trôi về đâu em có biết chẳng em?
Tôi lặn đạn một đời không bến đỗ
Ngày cuối ngày lãnh lẽ bước qua đêm

Nhìn khói sóng hoàng hôn bay lảo đảo
Tôi đã say và em đã ra đi
Tôi và em hai phương trời cách biệt
Em cạn tình, tôi cũng cạn ly!

Mượn men rượu cho vơi niềm tâm sự
Dốc Hồ Trường cho cạn chén ly tao
Giai nhân hê! Rượu hê! Say túy lúy
Khi say rồi! Trời đất cũng quên mau!...

Arlington, 11 – 2005

ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ

Đường Lạnh

Buồn nửa ngày xanh mắt biển khơi
Về đây chiều quạnh nhớ nhung người
Tiếng xưa gõ nhịp vào xa vắng

Những xác vàng khô động bóng dài
Mùa đã tàn thu từ hôm qua
Heo may còn lạnh đến bây giờ
Lá rơi ngơ ngác trên đường cũ
Mừng đón tôi về thăm dấu xưa
Những bước chân đi nhăm dỹ vắng?
Một vòng tay với mãi cô đơn
Cúi đầu nghe nhịp đời vang vọng
Ai tiễn đưa ai mấy dặm đường
Còn lại gì không giữa chốn này
Cho tôi buồn trọn buổi chiều nay
Phút giây tâm niệm nghiêng vầng trán
Kỷ niệm xa rời trên cánh tay

SG-1961

CAO VỊ KHANH

Mùa Thu và Những Hết Lụi Của Nó

1.

Mùa thu vàng đột non cao
Phố tôi vàng lịm nổi rầu rĩ em
Chia tay chưa nhớ, đã thềm
Đã buồn thu đậm bạc niềm ái ân

2.

Thu rơi cho lá vàng bay
Lá bay mấy đổi thu phai mấy vàng
Lá vàng hay lệ rơi vàng
Mà thu thay lá lại vàng vọt tôi

3.

Cũng mùa thu của năm qua
Cũng hơi sương đọng mùi da thịt nào
Cũng hàng lá đỏ lao chao
Mà người thì đã buồn hao hụt người

4.

3 giờ ra đứng làm thinh
đang tay như Chúa trầm mình chịu đau
em xa, cuối một kinh cầu
làm sao em đứng chịu sầu cùng tôi

5.

3 giờ trời úng sương mù
lòng tôi úng lá vàng thu cuối mùa
người đi tay mới vẫy đưa
sao tay đã lạnh như lửa... chiêm bao

Và Chút Lệ Cuối Năm

còn đây chút lệ cuối năm
gởi cho nhau, giữ rất thắm... người ơi
giọt từng giọt, những lệ đời
chắt chiu cho đủ một đời đoạn yêu



Truyện

TRẦN HOÀI THƯ • TRẦN BANG THẠCH •

TRẦN HOÀI THƯ

“...Náo nức đến độ ông quên nghiên cứu bản đồ về địa điểm của nhà bảo sinh tại một tiểu bang xa, nơi mà đứa bé mà ông gọi là cháu nội, mở mắt chào đời. Ông cũng quên mang cả áo lạnh. Còn phần vợ ông, thì hối thúc ông không kém. Bên tai ông bây giờ chỉ vang vọng hai tiếng rất yêu dấu. *Cháu nội*. Hai tiếng lạ lẫm, bây giờ trở thành quen thuộc. *Cháu nội*. Phần quà quý báu đến với đời người có phải để làm sưởi lại những ngày tháng quạnh hiu ? *Cháu nội....*”

ĐÚA CHÁU

Từ khi ông được thăng lên chức ông nội, ông mới hiểu đó là một phần thưởng ưu hạng mà thượng đế dành cho một đời người lúc về chiều. Món quà ấy đến lúc vợ chồng ông phải thui thủi trong căn nhà trống trải, đôi khi nỗi buồn hiu quạnh như rung rung trên những nhánh cây phong, cây sồi, mà lá mỗi năm lại xanh đó, vàng đó, úa héo đó, khi mà cảnh vật như héo hắt đến nỗi nề. Nó có mặt khi mà ông gặm nhấm được thế nào là tuổi xế, tuổi già, tuổi về hưu, tuổi lão. Khi mà bốn bức tường trắng soi bóng ông mỗi ngày, trong khi cái kim đồng hồ như lưỡi hái tàn bạo cắt bỏ đi không thương xót những phần sinh động của đời. Mắt đã loá, trí nhớ đã mòn, tóc đã bạc, da đã nhăn. Nó đến khi hơi thở đã hụt, và có những nỗi u hoài man mác khi ông nhìn trời đất, hay chạnh lòng khi nhìn một nghĩa trang xếp hàng những ngôi mộ bên đường hay đọc những tin cáo phó, phân ưu trên các báo. Phải. Đó là tin mừng. *Vợ con sinh rồi. Tại bệnh viện X.*

Số phòng. Chỉ một cái tin đánh lên từ xa vào nửa đêm từ thằng con là như một tín hiệu kỳ diệu. Để ông bà phải hối hả lên xe, và lên đường giữa đêm khuya với tất cả sự náo nức.

Náo nức đến độ ông quên nghiên cứu bản đồ về địa điểm phải đến, nơi mà đứa bé mà ông gọi là cháu nội, mở mắt chào đời. Ông cũng quên mang cả áo lạnh. Còn phần bà, thì hồi thức ông không kém. Bên tai ông bây giờ chỉ vang vọng hai tiếng rất yêu dấu. *Cháu nội.* Hai tiếng lạ lẫm, bây giờ trở thành quen thuộc. *Cháu nội.* Phần quà quý báu đến với đời người có phải để làm sưởi lại những ngày tháng quạnh hiu ? *Cháu nội.* Với quả đất này, thêm một con người nữa góp mặt vào cõi nhân sinh đông đúc, và với đất nước này có thêm một công dân, với giòng tộc ông, hay nói riêng, với cái gia đình tị nạn này sau hai mươi lăm năm ở xứ người, nó là cái chỗi để từ đó nó đâm nhánh toả cành xum xuê hoa trái. *Cháu nội.* Cám ơn thằng cháu vì nhờ nó mà ông bà mới có được niềm vui hân hoan trong bóng xế chắc chắn là không vui. Thật vậy, có ai dám nghĩ đến cảnh cô liêu của người già phải chạm trán nhất là người ấy có một quê nhà phải bỏ mà đi. Có ai dám nghĩ về những bước gập trúc khắp khểnh, và một mặt trời đỏ ối trên hàng cây thánh giá. *Cháu nội.* Hay là một bông hoa quý mà tuổi già được nhận từ đời trong khi thân cây đã sắp hết nhựa ?

Trong cõi đêm dày sương mù có hai kẻ đang cố gắng tìm đường qua tiểu bang lân cận. Mắt ông kém, nhưng chân ông đạp mạnh ga. Bà luôn luôn cảnh cáo về cái kim vận tốc đã vượt xa giới hạn. Những chiếc xe chạy muộn

màng, mờ ảm hai ngọn đèn pha khi xe lên cao. Những cửa nạp tiền mãi lộ (toll) chần lối. Ném đồng tiền vào chiếc rổ lưới sắt, và lại rổ máy nhấn ga. Có khi qua vùng núi, sương che phủ đến ngợp thở, mà sao ông vẫn quên đi nỗi mệt nhọc hay cơn buồn ngủ, để lòng cứ trôi hồi môn nao. Và khi trả chặng cuối cùng, ông hỏi người thu tiền về thị trấn mà ông đang tìm đến. Bà ta sốt sắng chỉ vẽ, và khi ông kể là ông đi thăm cháu nội đầu của ông, là bà ta reo lên: Congratulations ! để chia sẻ niềm vui với ông. Vâng, cảm ơn bà. Và cảm ơn cuộc đời. Cuộc đời đã dâng tặng biết bao niềm vui kỳ diệu. Có điều là mình không biết đón nhận đó thôi, phải không thưa bà. Tôi biết là nửa đêm này, có một cặp vợ chồng trẻ đang ngất ngây vì có đứa con đầu lòng, thì cũng có một đôi vợ chồng già đang vui mừng quá độ vì có đứa cháu đầu tiên. Khi lửa sắp nguội tàn thì vẫn có ngọn lửa khác cháy lên. Khi sự sống sắp khô héo thì vẫn còn sự sống khác tiếp trợ. Phải vậy không, thưa bà ?

Đêm lặn đều trên bốn bánh xe. Những con đường vắng xe thưa thớt. Những ngôi nhà bên đường đóng cửa. Thị trấn đã chìm trong giấc ngủ say. Chỉ có một tiệm fast food còn mở cửa. Ông ghé hỏi thăm đường. Người bán hàng ân cần chỉ dẫn. Ông ta lại lo lắng hỏi: "Bộ ông bà có chuyện gì emergency mà hỏi bệnh viện ?" "Không, chúng tôi đến thăm cháu chúng tôi mới chào đời." Người đàn ông đưa tay bắt: "Congratulations!:".

Congratulations! Chúc mừng !". Từ người thu tiền mãi lộ đến người bán hàng đêm. Và có lẽ, khi nghe tin này, không một ai lại không chia vui cùng ông bà. Ông theo

hướng chỉ, chạy chậm để tìm tên đường. Và bên cạnh ông, bà reo lên. Bệnh viện đây rồi. Xe vào parking trống trải. Dễ chừng hai giờ sáng. Người nữ y tá trực sau khi nghe ông giải thích lý do, cũng buông lời chúc tụng. Congratulations ! Rồi ông bà lên thang máy. Ở đây, người nữ hộ sinh hướng dẫn ông bà vào phòng nghỉ hộ sản. Cậu con trai xem như con chim trống, đứng đấy, không biết làm gì. Cô dâu gương mặt rạng rỡ niềm vui. Chúc mừng một đôi vợ chồng được lên ngôi vị là cha mẹ. Bé nằm trong nôi, được quấn trong chăn chỉ chừa mặt đỏ hồng. Chúc mừng vợ chồng hai con...Bà nói. Ông áp mặt vào cháu ông. Miệng bé khẽ mở. Ông bỗng nghe lòng thật ấm áp vô cùng. Một nỗi ấm áp khó có thể diễn tả.

Sự mâu nhiệm kỳ diệu của cuộc sống là đây. Bắt đầu là một hài nhi đỏ hồng, đôi mắt nhắm nghiền. Ông nắm bàn tay của nó. Ông bỗng nó vào lòng. Nhỏ bé trong vòng ôm, ông áp mũi lên đầu, ông khe khẽ hát ru.

Bắt đầu từ đó, hai vợ chồng ông có thêm niềm vui mới. Những niềm vui nho nhỏ mỗi ngày mỗi nảy nở, như những giọt nắng lóng lánh trong cảnh cô tịch của tuổi già. Ngày ngày bà gọi điện thoại để hỏi thăm về đứa cháu. Hàng ngày ông bà nhận được những tin tức báo cáo về nhân vật mà ông phong là "thống soái tỵ hon". Và cứ một hay hai tuần, ông bà đều lái xe trên ba tiếng đồng hồ để thêm một lần bỗng ấm, nưng niu đứa cháu nội của mình.

Có lẽ, đó là một sự bầu víu cuối cùng giữa lúc mọi điều

như bay vượt mất. Con cái thành vợ thành chồng, và bỏ đi, và bay nhảy. Chúng có đời riêng. Chỉ có đám cháu mới thật sự được ông bà bỗng ầm nung niu, hôn hít như giữ lại quà tặng của đời người. Bởi vậy, ông không ngạc nhiên, khi ông biết có một ông bạn lớn tuổi phải chấp nhận những tháng ngày buồn tẻ nhất, cô quạnh nhất ở xứ Mỹ này, để săn sóc dùm hai đứa cháu nội. Lần nào gặp gỡ, ông ta đều buồn bã than thở chỉ mong được trở lại quê nhà: "Nơi này tôi đâu có gì, suốt ngày quanh quẩn trong bốn bức tường, không bạn bè, không láng giềng, thấy tuyết trắng phủ ngoài trời mà buồn thúi ruột. Tôi phải trở về. Tôi qua đây tuổi đã gần 60 nên mọi sự quá trễ...Muốn đi đâu cũng phải nhờ đến con mình. Thấy nó làm việc quá cực, tôi không nỡ..." Nhưng rồi, nói thế, buồn thế, than thở thế, mà ông ta vẫn ở lại đất Mỹ này đã hơn hai năm rồi. "Tại vì hai đứa cháu nội. Thấy không ai săn sóc chúng, tôi không nỡ xa. Để chúng lớn rồi tôi mới yên lòng..."

Cảnh một ông già 65 tuổi, một thân một bóng, không vợ, không bạn bè, qua Mỹ rất muộn, trong khi ở bên nhà ít ra cũng có cơ ngơi, bạn hữu, láng giềng, chấp nhận ở lại để săn sóc cháu mình, có phải đó là tâm trạng chung của những người lớn tuổi ở xứ này ? Nỗi hy sinh này quả thật quá to tát. Một đời cho con bây giờ cho cháu. Cho dù bàn tay nhăn nheo kia có run rẩy khi thay tả, khi tắm rửa, hay pha sữa, hay bỗng ầm đi nữa.

Bởi vậy, nên khi nghe thằng con gọi điện thoại nhờ ông bà coi giữ dùm thằng bé một ngày, mặc dù đã có cuộc

hẹn với bạn bè, ông bà cũng thất hẹn, lên xe mà đi ngay. "Tội nghiệp cho chúng, lâu lâu cho chúng một ngày nghỉ xả hơi. " Bà nói và ông đồng ý. "Nghĩ thì cũng tội cho chúng. Ngày xưa ở VN, bên cạnh có nội ngoại cô dì, có cả người vú hay giúp việc săn sóc giúp đỡ tận tình. Nhưng ở Mỹ này, không có ai hết. Hai đảng nội ngoại thì ở xa, bà con thì không có ai..."

oOo

Khi ông bà đến nhà, nhấn chuông, và khi con ông mở cửa mở ra, thì gương mặt thẳng cháu nội hiện ra sau tấm kính. Đôi mắt đen láy của nó hết rảo nhìn ông rồi đến bà, có vẻ lạnh lùng, chẳng có dấu hiệu gì mừng rỡ cùng hai người khách. Chỉ có ông bà thì như hai cơn gió lốc từ bên ngoài tốc vào. Ông đưa tay muốn bồng. Bà đưa tay muốn ẵm. thằng bé ngẩn ngừ một chốc, đầu hơi ngã về phía sau, rồi lại nhìn hai người như quyết định cho ai được ân huệ. Ông không cần đợi chờ, ôm chầm lấy nó. Hình như bây giờ thân thể nó nặng hơn. Và bắp đùi bắp tay chắc hơn và bự hơn. Ông hôn nó. Hôn lấy hôn để. Mùi sữa vẫn còn thơm ngậy trên miệng nó. Nó quay mặt tìm cách tránh né. Và mỗi lần ông hôn lên mặt nó, là mỗi lần nó nhắm mắt.

Thương quá đi. Niềm thương mến không thể diễn tả được trong lòng ông bây giờ. Tại nó ruột rà với ông. Tại nó là cháu ông. Hay tại nó mủm mủm, nhỏ bé, đôi mắt sáng, chiếc miệng xinh xinh. Ông bắt đầu bồng nó đi rảo khắp phòng. Thằng bé tỏ vẻ bằng lòng. Nó trao đôi mắt

nhìn cùng khắp. Nhất là lúc mà ông dừng lại bên cửa kính nhìn ra ngoài nhà. Ông không hiểu rõ về tâm lý trẻ con, nhất là đứa bé ấy mới tròn vừa thôi nôi có nghĩa là đúng một tuổi, nhưng ông nghĩ, lúc này là giai đoạn thăng cháu ông đang học làm quen. Có lẽ những bông hoa ngoài sân, hay chiếc xe hơi mới chạy lướt qua, hay có lẽ nó thềm ra ngoài kia, một thế giới mới lạ của nó. Bởi vậy nó tỏ thái độ bằng hành động, hai tay bấu lấy cửa và hai chân đạp. Ông bồng nó lên, áp cả người nó vào cửa kính. Nè, xe hơi kia con. Thăng con nít hàng xóm đó con. Ông nói với cháu, dù ông biết nó không thể hiểu thế nào là chiếc xe hay đứa con nít hàng xóm. Nó đứng ngây người. Còn ông, càng nhìn nó lại càng hôn lên đầu, bà hôn lên chân. Ông cắn lên bàn tay, bà hít hà má. Thăng bé lại càng mở mắt lớn. Có lẽ nó phải khóc thét lên vì khi không có hai kẻ vô chụp nó như con mèo. Nhưng nó bắt đầu nhoẻn nụ cười. Bây giờ nó mới tỏ vẻ thân thiện. Nó cười khanh khách khi ông áp mặt ông vào ngực nó. Mắt rục rỏ, miệng tươi sáng, chiếc đầu tóc loe hoe tuần trước nay đã trở nên rậm hơn, dày hơn. Nó trao đôi mắt sáng về ông. Một bàn tay sờ lên đầu tóc ông và và bàn tay kia đã vội vàng chụp lấy cặp kính lão. Ông hốt hoảng giữ chiếc kính khỏi rớt.. Ông nghe một nỗi yêu dấu ruột rà trong vòng tay của ông. Như thể là một phần người của nó chuyển vào người ông. Mùi sữa vẫn còn thơm thơm. Ông xiết mạnh đến độ thăng bé phải vùng vẫy, cục cựa tay chân, mặt đỏ gù. Ôi cái mặt bầu bĩnh, những sợi tóc loe hoe, những ngón tay bé tí, mủm mủm. Chiếc miệng lộ mấy răng cửa. Cái tả nổi phồng ở đáy quần. Đôi mắt đen lay láy. Ông cắn khế vào tay chân nó. Ông áp mặt vào lòng nó, giả vờ thụt lét. Nó

nhắm mắt cười.

Đến một lúc nào đó, hai tay ông cảm thấy rã. Ông trao lại cho vợ ông. Và thằng bé lại thêm một lần đổi chủ. Có lẽ nó quá chán với cảnh kẻ bồng người ẵm này, nên nó bắt đầu phản kháng. Hành động phản kháng này được biểu lộ qua hai chân trì xuống, thân mình vùng vẫy, như thể phá bức hai cánh tay kèm kẹp của kẻ bồng nó. Nó muốn được tự do chẳng. Nó tụt xuống nhanh, đến nỗi bà nội của nó phải hoảng hồn bó tay chịu thua. Không biết nó học ở đâu hành động phản kháng qua đường lối tích cực này. Không khóc, không nằm vạ, mà vùng vẫy rồi trượt lẹ làng cả thân hình nhỏ bé. Không ai có thể cản nó khi nó muốn. Và khi đôi chân vừa chạm xuống đất là nó bước như chạy. Đôi chân dù chưa vững, bước thấp bước cao, có lúc như thể hụt hẫng, thân hình như mất thăng bằng, nhưng cứ đi như đi vào chỗ không người. Lần này nó là kẻ có uy quyền tối thượng. Ông nội nó ở góc phòng, bà nội nó thì ở đầu phòng. Và thằng bé thì cứ bước như bước vào chỗ không người. Đến đâu phá đến đó. Đến đâu hết rờ mó, lòi ra, rồi chán, rồi quay mặt nhìn ông bà nội, cười, đôi mắt sáng lên trên gương mặt bầu bĩnh. Tội tình cho đàn máy hát tối tân, bị vá chùm vá đụp bởi băng keo, để đề phòng cậu bỏ tay vào lỗ điện nguy hiểm. Ngay cả đầu thang lầu cuối thang lầu, cha mẹ nó cũng ráp vào những cửa chắn như những hàng rào ngăn đường tiến của địch quân. Cả một căn nhà đều được dựng lên phòng tuyến bằng những rào cản, hay được bảo vệ bằng những khúc băng keo, giấy lót bằng bong bóng plastic để che chở màn ảnh TV, stereo, hay những góc kệ, góc bàn có thể gây thương tích. Rõ ràng

nó đến đâu mang theo bão tố đến đó. Có khi nó muốn thử mấy cái nút bấm trên dàn máy stereo, khiến ông phải nhào đến, ngăn chặn kịp thời. Ông bỗng chấu bỏ lên sofa. May ra nó ngồi yên một lúc. Hai chân nó duỗi ra. Mắt nhìn ông lung linh, miệng cười vui. Ông giả làm chó, sủa gâu gâu. Nó khoái lăm, cười thành tiếng. Được thể ông càng sủa nhiều hơn. Càng đóng vai một cách điệu nghệ hơn. Có nghĩa là ông nhả mặt thè lưỡi, bò, sủa. Ông cố gắng làm hài lòng cậu chủ tí hon. Tất cả vì nó, để thấy mặt nó hơn hử, đôi mắt rực sáng, chiếc miệng nở nụ cười lộ mấy cái răng cửa mới mọc. Ông không cần nhân vị, nhân bản gì ráo. Ông là một thí sinh để nó chấm điểm. Có khi ông đóng vai ngựa để chấu ông cười hăng hắc khi ngồi trên lưng ông. Có khi ông chơi trò trốn tìm khiến cậu cười rộ rần, chạy vòng vòng quanh phòng, bất kể chạm đầu vào tường hay chiếc ghế. Nó làm ông trẻ lại như thời con nít. Nó khiến ông trở thành một kịch sĩ tài danh mà không xấu hổ.

Cũng có lúc ông bà ngăn chặn không kịp, để nó phải vấp té ngã lăn ra trên thảm, miệng meo. Bà vội bỗng lên, vừa đỡ vừa nói: "Này, để bà đập cái nền nhà này đã làm chấu bà đau, này bà đánh rồi..." Thằng bé ngừng khóc, lại trao đôi mắt ngơ ngác nhìn. Rồi lại đòi xuống đất. Rồi lại chạy, hai chân mới tập bước, chưa vững, ngã nghiêng lão đảo. Rồi ông lại chạy theo, lúc trái lúc phải lúc chặn đầu chặn đuôi. Có khi ông hết hồn vì thấy nó như thể đâm đầu vào chiếc bàn chiếc ghế hay góc cột. Ông vội vàng phóng tới. Có khi ông ngồi chưa kịp thở, nghe im lặng, một nỗi im lặng đầy khả nghi, thì thấy cậu chấu nội đã vọc tay vào trong thùng rác bốc đồ. Bây giờ

ông mới thông cảm về nỗi cực khổ của người giữ trẻ. Nhất là người giữ trẻ là người già cả. Nếu không tình yêu thương ruột rà kia, chắc ít ai dám đảm nhiệm vai trò ấy cả.

Ông cảm thấy mệt. Và chỉ còn cách giúp ông đỡ mệt là bỏ thằng bé vào chuồng. Ông tin nó sẽ vui với một lô đồ chơi. Nhưng chỉ một lát, nó đã vịn mà đứng dậy, rồi làm dữ. Hai chân đạp. Hai tay đưa ra đòi bồng khiến bà nội phải hoảng hốt bồng lên, không quên rồi rít xin lỗi: "Ghét ông nội này ghê. Ta lớn rồi mà bắt ta nhốt trong chuồng".

Rõ ràng, trong cuộc chiến này, ông bà là kẻ chiến bại hoàn toàn.

Thằng bé dường như đắc ý với chiến công nên mắt càng sáng lên, và thoả mãn nằm tựa cằm vào vai bà nội. Bà bồng vừa vỗ vào mông vừa hát khẽ. Dường như cậu ta muốn ngủ nên im lặng không còn bày tỏ những phản kháng như trước nữa. Bà thì thào: "Xem chừng nó buồn ngủ rồi. Đừng gây tiếng ồn."

Ông mừng không xiết. Ít ra nó cho ông bà một thời gian để hưu chiến, trước khi ra tay quần thảo tiếp.

Nhưng nó lại mở mắt, lại muốn đòi xuống đất. Lần này yếu hơn cho biết là nó đã thấm mệt. Bà bỏ nó vào chiếc ghế đu, cột thân thể lại bằng sợi dây nịt vải rồi vừa đưa chiếc nôi vừa ru bằng bài hát quen thuộc. Ông cũng vậy, cũng tiếp bà đưa theo nhịp, và cũng hát theo. Hai ông bà mặc nhiên đồng ca. Ông cố gắng hát bằng tất cả tấm lòng tha thiết nhất, thành khẩn nhất, như mong thằng

cháu tí hon của ông bằng lòng, để lời ca biến thành lời ru nhiệm mầu khiến nó quên phá, quên đòi xuống nền nhà, cho đôi mắt nó trở thành lim dim mà chìm vào giấc ngủ. Bà cũng vậy. Có lẽ chưa bao giờ ông nghe bà ca tuyệt vời đến vậy. Có lẽ cũng như ông, bà muốn biến lời ca thành những nốt nhạc điệu kỳ để mong cho đứa cháu nội của bà chấp thuận cuộc hưu chiến một vài tiếng đồng hồ trước khi bày ra một trận chiến khác. Bởi vậy, bà nhắm mắt, và ông cũng nhắm mắt. Từ Trịnh Công Sơn, qua Phạm Duy đến Tô Vũ, Đoàn Chuẩn Từ Linh... Bao nhiêu tài năng điệu nghệ được trút ra mong biến thành cây sáo thần du dương để làm mềm lòng viên tướng tí hon. Vừa hát vừa theo dõi đôi mắt của thằng cháu nội mà tim như muốn nghẹt thở.

oOo

Có điều cũng nhờ bản hợp ca rất tình cờ ấy mà ông bà có dịp được trở lại song ca trong những dịp họp mặt có tính cách thân hữu gia đình. Chuyện này gây ngạc nhiên cho đám bạn bè quen biết. Từ trước đến bây giờ, họ chỉ thấy hai người cầm miệng suốt buổi, luôn luôn từ chối những lời mời mọc giúp vui. Nhưng bây giờ, bỗng nhiên họ thấy ông bà xuất quân mà là xuất quân với những bài hợp ca, song ca, có bè có giọng hẳn hoi. Và không biết có mùi hay không, cố sao sau khi dứt lời thì những tràng vỗ tay khen ngợi như pháo nổ. Chẳng những khen tặng mà còn đề nghị làm CD để đời nữa !

Vâng. Nếu quả thật vậy, thì ông bà cần phải cảm ơn thằng cháu nội. Chính cậu "hoàng tử bé" này đã tạo ông

bà thành hai mầm già. Và cái kỳ công này chỉ đến một lần, sẽ không bao giờ đến lần thứ hai. Bởi lẽ bây giờ nó cũng đã lớn. Chắc chắn nó không bao giờ chịu ngồi vào lòng chiếc ghế đu nhỏ bé ấy, để bắt nó phải nghe những bản nhạc tình tiền chiến thêm một lần nữa !

Tháng 11, 2005

TRẦN BANG THẠCH

“... Ông ngủ nhưng tiếng chuông đồng của ông vẫn còn rung trên tay của cả ngàn người khác tiếp nối ông. Khi những trái tim còn biết thổn thức thì tiếng chuông đồng còn ngân vang. Bằng cách nầy hay bằng cách khác, tình thương luôn có mặt trên thế gian nầy...”

NGƯỜI LẮC CHUÔNG

Gần cuối tháng 12 dương lịch năm nay có một thiệp chúc Xuân đến với tôi thật sớm, trước Tết Nguyên Đán cả tháng . Đó là một điều lạ. Tôi chưa hề nhận một thiệp xuân nào sớm như vậy, từ trước đến nay. Điều lạ thứ hai là cùng một bao thư với thiệp chúc xuân này, tôi có cả một thiệp chúc mừng Giáng Sinh đến trễ cả tuần. Hai điều lạ này được giải thích trong một mảnh giấy nhỏ viết tay kèm theo. Qua mảnh giấy nhỏ này, thắc mắc của tôi được giải tỏa: anh con thấy trong các giấy tờ để lại của

người cha mới chết một thiệp Giáng Sinh và một thiệp chúc mừng Năm Mới Ất Dậu. Mỗi tấm thiệp được để trong một bao thư có đề sẵn địa chỉ của tôi. Anh con bỏ cả hai tấm thiệp vào một bao thư rồi gửi cho tôi. Coi như thay người chết gửi lời chúc tới ông bạn còn sống. Lá thư bất ngờ cũng báo cho tôi biết một cái chết bất ngờ. Cùng một lúc với những lời chúc tốt đẹp là một nỗi buồn thật lớn đến với tôi. Tôi biết từ nay tôi vĩnh viễn mất một ông bạn hàng xóm tốt bụng của tôi từ hơn hai mươi lăm năm qua. Tội nghiệp ông già, biết mình tuổi đã cao, sống nay chết mai, nên ông đã chuẩn bị sẵn những gì cần phải làm. 24 lần Giáng Sinh và 24 lần Tết Nguyên Đán đã qua chưa lần nào gia đình tôi thiếu các tấm thiệp chúc mừng của ông. Năm nay, năm thứ 25, ở giờ phút thứ 25, giờ phút cuối của cuộc đời, ông vẫn không quên chúng tôi.

Thật sự thì chúng tôi là bạn hàng xóm chỉ trong hai năm đầu khi chúng tôi đến Mỹ. Mới chân ướt chân ráo nhập vào một dòng sống hoàn toàn mới lạ, không có một người thân quen, chúng tôi thấy tạm yên lòng cư ngụ trong một căn nhà nhỏ tại một khu khá tạp nham, toàn là dân da đen và dân Nam Mỹ có lợi tức thấp; hiếm thấy một người da trắng lạc lõng đi ngang qua xóm. Sau hai năm gia đình chúng tôi làm ăn có khấm khá hơn và các con cũng cần có những trường tốt hơn nên chúng tôi dời đến một nơi khác, cách chỗ cũ hơn một giờ lái xe. Hai năm ở cạnh nhau đã đủ cho một tình hàng xóm nảy nở. Những năm còn lại chúng tôi vẫn hay gặp gỡ, nhứt là vào những dịp lễ lạc hay ăn mừng năm mới, mừng sinh nhật....hoặc thăm hỏi tin tức nhau qua thư từ và điện

thoại.

Thuở đó là vào khoảng cuối năm 80, chúng tôi đến Mỹ trong cái lạnh cóng da của một nhiệt độ đông đá. Căn nhà chúng tôi mượn thuộc căn nhà đã quá cũ, cả trăm năm tuổi, vách ván, sàn gỗ kê trên những cục gạch xi măng khiến gió lạnh chui vào nhà một cách dễ dàng từ bốn bên và từ dưới sàn nhà. Ba đứa con tôi tuổi từ một rưỡi đến 12 tuổi, chúng mặc vào nhiều lớp áo quần mà rằng vẫn đánh lộp cộp. Đó là những giờ đầu tiên khi chúng tôi mới dọn vào nhà. Tôi thấy một cái máy sưởi đặt âm trong vách nơi phòng khách, tôi vặn hết nút này đến nút nọ mà vẫn không thấy hơi nóng phát ra. Túng cùng, vợ tôi đưa ý kiến là nên nhờ người ở nhà kế bên sang chỉ dẫn. Tôi rất ngại ngùng khi phải gõ cửa nhà người hàng xóm không quen vì lúc đó đã hơn mười giờ đêm. Chỉ cần không delay một phút, ông hàng xóm đã làm chiếc máy sưởi tỏa hơi nóng. Rồi vợ con ông mang cả đồng quần áo ấm cho chúng tôi, có cả mấy bao potato chips họ nói là ăn cho ấm bụng. Cả nhà chúng tôi cảm ơn. Ông hàng xóm nắm chặt tay tôi, ông nói rõ và chậm từng lời, sợ rằng tôi chưa quen tiếng Mỹ. Tôi vẫn còn nhớ như in hình dáng cao gầy, gương mặt đen mun làm rõ hàm răng trắng và đôi tròng mắt trắng nhìn thẳng vào mắt tôi. Ông nói là ông luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi, đừng ngại ngùng gì hết. Ông cho tôi số điện thoại, bảo cứ gọi ông hay vợ con ông bất cứ khi nào chúng tôi cần. Ông nói ông tên là Otis Clark, nhưng ông thích được gọi là The Bell Ringer, hãy gọi ông là Ringer cho gọn. Thuở đó cả nhà chúng tôi gọi ông là Ringer, coi như là một cái tên riêng; sau này mới biết ý nghĩa của nó và biết vì sao ông Otis thích được gọi như vậy. Sau

cái đêm đầu tiên đó thì chúng tôi cần họ nhiều trăm lần nữa trong suốt hai năm ở gần nhau và cả khi ở xa nhau. Ông bà là cố vấn của gia đình chúng tôi về đủ mọi chuyện. Từ chuyện ông Ringer dạy tôi cách sử dụng máy cắt cỏ, máy xén cỏ đến việc thay nhớt cái xe. Bà Ringer thì từ việc đưa vợ tôi và các con đi ghi danh ở trường, đến việc dạy vợ tôi tiết kiệm bằng cách mua hàng sale và cách dùng coupons khi đi chợ. Khi chuyện trò với chúng tôi, họ nói chậm rãi, rõ ràng từng tiếng. Đặc biệt là họ hay gợi chuyện để chúng tôi nói. Tiếng Mỹ chúng tôi khá hơn nhờ gia đình này. Cách sinh hoạt chúng tôi được xuôi chèo mát mái hơn trong cái xã hội lạ lẫm này phần lớn là nhờ họ. Cũng qua gia đình này chúng tôi có cái cảm tưởng đầu tiên là người Mỹ tử tế. Về sau chúng tôi biết ông bà Otis không những chỉ tử tế với riêng gia đình chúng tôi hay vài gia đình trong khu xóm, mà ông bà này tử tế với tất cả mọi người. Điều này thì tôi xin được nói sau. Cái ấm áp của đêm đầu tiên đó đã bắt đầu cho một nghĩa tình lân lý kéo dài suốt hai mươi lăm năm nay. Suốt thời gian đó chúng tôi thương mến và hiểu nhau hơn. Bà Otis mất 12 năm trước, sau đó cậu con trai duy nhất đi làm xa, ông già Otis đã nghỉ hưu từ hơn hai mươi năm trước. Ông sống một mình trong căn nhà cũ, nhưng ông không cô đơn vì chừng như công việc chiếm hết thì giờ của ông. Muốn đến thăm ông, chúng tôi phải thông báo vài ngày trước. Hoặc đôi khi tự dưng ông ghé nhà tôi ngủ một đêm để kể cho chúng tôi nghe chuyện đời. Các con tôi rất thích nghe Uncle Ringer kể chuyện. Càng hiểu tâm tình của ông và càng biết nhiều những sinh hoạt của ông, chúng tôi càng quý trọng ông. Bây giờ thì ông đã đi rồi. Tắm thiệp Xuân Ất Dậu tôi chưa kịp

gởi cho ông. Những dòng tưởng nhớ này như lời cuối cùng chúng tôi tiễn đưa ông, người hàng xóm tốt bụng.

Nhớ tới ông Otis là tôi nhớ tới điều mà ông đã nói với tôi khi hai người ngồi uống bia ở sau nhà ông hơn hai mươi năm trước. Ông chỉ nói có một lần mà tôi mãi nhớ hoài. Ông Otis nói ông nợ cuộc đời quá nhiều, sợ rằng cả đời của ông, ông cũng không trả nổi. Ông mất ở tuổi tám mươi lăm. Một đời người như thế cũng gọi là dài. Nhưng cái nợ với cuộc đời mà ông tự nguyện gánh trên vai đã hết chưa hay ông vẫn còn khệnh khạng vác xuống tuyến đài? Nghĩ tới điều này khiến tôi càng thương ông, vì tôi biết một khi thế giới này còn hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh, bệnh tật và xã hội này còn những kẻ nghèo đói, tật nguyền, không nhà, không miếng ăn, không cái mặc... thì The Bell Ringer thổi đồng đen của tôi vẫn ngày ngày muốn làm người lắc chuông nơi cửa chợ. Tôi biết ông muốn mãi mãi là người lắc chuông, dù cho trăm năm, dù cho ngàn năm nữa. Người đàn ông da đen cao, gầy, xương xẩu, ít học mà có trái tim to như trái núi, một tấm lòng dào dạt mệnh mông như nước đại dương. Gần cả đời lắc chuông giữa chợ kêu gọi tình thương, chắc chỉ có một ông Otis Clark này. Ông nói từ khi nhận diện được những đau khổ của cuộc đời đến với riêng ông, ông muốn được góp phần nhỏ mọn của mình làm vơi đi ít nhiều những đau khổ cho càng nhiều người càng tốt. Ông Otis kể với mọi người về cuộc đời của ông. Cậu bé Otis lúc mới 5 tuổi đã là một bé mồ côi cả cha lẫn mẹ. Người ta nói cha mẹ cậu một hôm từ thị trấn Cheyenne của tiểu bang Wyoming mang đứa con trai Otis 5 tuổi xuôi nam lập nghiệp, mong thoát khỏi kiếp tôi đòi. Lúc tới gần đây

Rocky Mountains thì ông bà Clark mất tích trong một trận bão tuyết. May mắn được cứu, cậu bé Otis sống lang thang không nhà với người cha nuôi nghiện rượu và với một con chó đói. Cha con ngày ngày kiếm miếng ăn nơi khu Lincoln Park của tiểu bang Colorado. Khi cha nuôi chết, cậu Otis 10 tuổi đã biết phải tìm cái sống bằng chính sức lực và ý chí của mình. Tiếp tục ước muốn của cha mẹ, Otis xuôi nam, sống vất vưởng trên các đường phố với đủ ngành nghề, từ bán báo đến quét dọn nhà hàng, lau chùi cầu tiêu công cộng.... Lớn hơn một chút, Otis về vùng đồng cỏ Texas làm các công việc nơi trang trại, chăn bò, vắt sữa, lái máy cày. Cuộc đời Otis thật sự thay đổi ở tuổi 18 khi một ân nhân đem Otis về thành phố lớn, dạy cho ít chữ nghĩa và dạy nghề thợ tiện. Từ đó Otis đứng vững vàng trên hai chân mình. Cũng từ đó chàng thanh niên Otis bắt đầu nghĩ tới một sự trả ơn cho người đã cứu mình ra khỏi vùng u tối. Otis cũng không thể quên những cảnh khổ chung quanh, cảnh khổ mà suốt quãng đời niên thiếu mình đã chịu. Những ngày cuối tuần người ta thấy chàng thanh niên Otis la cà nơi các công viên, hay các góc đường dưới cầu xa lộ mang những bịch đồ ăn thức uống cho những người không nhà. Nhiều người trong số này đã được Otis giới thiệu việc làm, tạo dựng lại cuộc đời và tiếp tục trả ơn đời như anh Otis. Một thanh niên da trắng thất tình thất chí, bỏ học, bỏ nhà cửa đi làm homeless, Otis tới lui, chuyện trò, khuyên nhủ, rồi đem về nhà nuôi ăn học. Ngày anh thanh niên nhận bằng kỹ sư điện, anh đã ôm Otis giữa hội trường mà khóc như một đứa con nít. Nhiều lần Otis đến các nhà tạm trú cùng với các người thiện nguyện phục vụ những bữa ăn cho người vô gia cư. Sau khi tham

dự thể chiến thứ Hai, người lính giải ngũ Otis biết được các hoạt động cứu trợ rất hữu hiệu của hơn 3000 đơn vị phục vụ thuộc tổ chức thiện nguyện The Salvation Army. Otis bắt đầu tham gia hoạt động cho The Salvation Army kể từ đó. Cũng kể từ đó Otis chỉ thích được gọi là Người Lắc Chuông- The Bell Ringer. Từ mùa đông năm 1945 The Bell Ringer tên Otis bắt đầu mặc bộ đồng phục của The Salvation Army, cầm cái chuông đồng đứng tại các cửa chợ vào những ngày lễ để kêu gọi lòng hảo tâm của con người đối với con người.

Những ngày đầu ở Mỹ, không ai trong gia đình tôi biết The Salvation Army là gì. Chúng tôi chỉ biết tổ chức thiện nguyện Đạo Binh Cứu Khổ này qua người hàng xóm mà chúng tôi gọi là Ringer. Vào những ngày cuối tuần hay những ngày lễ như Thanksgiving hay Christmas chúng tôi thấy Ringer cùng các bạn của ông mặc vào tấm áo choàng màu đỏ, choàng phủ phía trước ngực và phía lưng, trên có in dấu hiệu của The Salvation Army và có dòng chữ: I Am A Bell Ringer. Người bell ringer tay cầm cái chuông đồng nhỏ đứng lắc chuông bên cạnh cửa ra vào tại các khu chợ. Người hảo tâm bỏ tiền vào cái thùng đỏ có nắp khóa kín, treo trên cái giá 3 chân. Hai năm ở bên cạnh ông tôi biết thêm rất nhiều điều về The Salvation Army, một tổ chức quốc tế được hình thành từ năm 1865 tại Luân Đôn để giúp đỡ về mặt tinh thần và vật chất cho những người kém may mắn trên toàn thế giới, không phân biệt chủng tộc hay tôn giáo. Tổ chức được du nhập vào Mỹ từ năm 1880 với chi nhánh đầu tiên ở New York City. Các con tôi thì có bên cạnh một nhân vật sống để nghe, để biết và để học những bài học quý giá về tình người. Thằng con lớn của

tôi đã gia nhập The Salvation Army ngay sau khi tốt nghiệp đại học hồi năm 1992. Ông Ringer trông thật hào hứng mỗi lần nói chuyện với chúng tôi về công việc lặt chuông của ông. Công việc nào thì cũng có niềm vui, nỗi buồn. Nhưng với ông Ringer thì suốt mấy mươi năm lặt chuông, ông chỉ có niềm vui, ông quả quyết nói với chúng tôi như vậy. Ông không có nỗi buồn. Ông lặt chuông xin tiền, có người cau có với ông, ông cười tươi đáp lễ. Có người ngược mặt làm ngơ, ông thương cho họ và cầu nguyện cho họ. Thỉnh thoảng có người mua cho ông bữa ăn trưa hay một chai nước uống, ông vui vẻ cảm ơn. Trên chục năm trước, có em nhỏ tự nhiên rời tay mẹ, chạy tới kéo ông ngồi xuống, hun một cái chụt vào má ông, rồi bé kể tai nói với ông rằng bé thương ông quá, khi lớn bé sẽ làm như ông. Chuyện đã xảy ra thật. Cô bé 5 tuổi lúc ấy đã không đợi khi lớn mới thực hiện được lời hứa với người Bell Ringer nơi cửa chợ. Lúc 7 tuổi, cô bé biết bày ra một cái bàn đặt bên lối ra vào công viên gần nhà để bán nước giải khát vào mỗi cuối tuần. Cô bé đã kiếm được vài chục đồng mỗi tháng. Người ta mua nước lemonade của em như là một cách giúp em thực hiện ước muốn của mình. Mỗi năm, đúng vào buổi chiều trước ngày Lễ Giáng Sinh, Christmas Eve, như một hẹn ước bất thành lời, cô bé đến gặp người Bell Ringer của cô, thân mật nói những lời chúc lành với ông rồi nhét vội món tiền góp nhặt cả năm vào cái thùng 3 chân màu đỏ. Năm nào cô cũng làm như vậy, hơn chục năm rồi. Cô bé gọi ông là Ringer. Ông gọi cô là Little Santa. Như vậy là đã đủ cho một sự quen biết nhau. Có lẽ cả hai không thấy cần phải biết tên thật của nhau. Họ biết họ đang làm gì. Có một lần vào đầu năm 82, ông Ringer hăm hở

nói với tôi về một đồng tiền vàng, một loại gold coin, trị giá hơn 200 đô la, lần đầu tiên được một người bí mật nào đó bỏ vào thùng tiền tại Chicago. Rồi sau đó cứ mỗi lần một nơi nào đó nhận những đồng gold coins thì ông Ringer đều cho tôi hay để cùng vui với ông. Nhiều khi ông chỉ ghé nhà tôi một vài phút đồng hồ chỉ để thông báo những tin vui như vậy. Chẳng hạn như hồi năm 85, một người nào đó đã bỏ vào thùng ở thành phố Kirsville, bang Missouri, một đồng gold coin sản xuất 20 năm trước cuộc Nội Chiến, có giá trị cả ngàn đô la; đủ cho một nhóm hơn trăm người nghèo có một bữa ăn Giáng Sinh thịnh soạn. Hàng năm, như là một trò chơi nhân hậu tốt đẹp từ một hay nhiều nhà hảo tâm bí mật, những đồng gold coins cứ rơi vào nơi này, nơi nọ; đến nay tổ chức The Salvation Army nhận được hơn 300 đồng gold coins. Năm năm trước, ông Ringer của tôi muốn có một đồng gold coin rớt vào cái thùng của ông coi như quà sinh nhật thứ 80 của ông. Mùa Giáng Sinh năm đó rồi cũng qua, lễ mừng sinh nhật của ông cũng đã qua mà đồng gold coin cũng chưa chịu đến với ông. Ông than với tôi là các đồng gold coins vẫn chưa chịu xuôi Nam. Tôi an ủi ông rằng ông đã nhận và đã cho biết bao nhiêu là những đồng gold coins từ cả sáu mươi năm nay rồi. Một tuần trước lễ Giáng Sinh năm nay, từ một nơi cách xa tỉnh nhà hàng ngàn dặm, xem báo tôi thấy loan tin nhân viên Salvation Army tìm thấy một đồng vàng tên là South African Krugerrand bọc trong một đồng bạc giấy, có lẽ người bí mật muốn tránh tiếng kêu khi bỏ vào thùng ở trước cửa một tiệm Walgreens trên đường West University của Houston. Đây là lần đầu tiên một đồng gold coin trị giá 400 đô la đã xuôi Nam, đã đến Houston.

Tự nhiên tôi thấy vui và nghĩ ngay tới ông bạn già Ringer của tôi. Tôi bỏ lững cột báo tại đây, không muốn đọc tiếp tên người bell ringer để được hồi hộp mà nghĩ rằng chính cái thùng tiền của người Ringer thân mến của tôi đã nhận được đồng tiền quý hiếm ấy. Có thể lắm chứ. Ở cái tuổi 85, người Bell Ringer của tôi không còn bao nhiêu ngày tháng nữa. Chẳng lẽ niềm mơ ước của ông không thành sự thật sao?

Bây giờ nhận được tin ông mất, tôi thấy dù cho đồng tiền ấy có rơi vào thùng của ông hay không thì ông cũng là người đón nhận và phân phát nó, cũng như ông đã đón nhận hàng vạn tấm lòng vàng và phân phát hàng ngàn đồng tiền vàng trong suốt hơn sáu mươi năm làm người lắc chuông giữa chợ.

Cả cuộc đời ông, ông cũng đã cho thiên hạ rồi!

Ông Otis Clark, người Bell Ringer của tình thương, chúc ông ngàn đời yên ngủ trong niềm mến yêu của những người khốn khó. Ông ngủ nhưng tiếng chuông đồng của ông vẫn còn rung trên tay của cả ngàn người khác tiếp nối ông. Khi những trái tim còn biết thổn thức thì tiếng chuông đồng còn ngân vang. Bằng cách này hay bằng cách khác, tình thương luôn có mặt trên thế gian này. Cô bé 7 tuổi đã biết đem những đồng tiền nhân nghĩa đến gửi gắm ông. Cô bé ấy bây giờ là một thiếu nữ và vẫn là người Santa Nhỏ Bé của ông, vẫn hàng năm làm nhiệm vụ của một Ông-Già-Nô-En-Có-Thật.

Ngủ đi ông, The Bell Ringer , người hàng xóm tuyệt vời của tôi.



TRANG VĂN HỌC & ĐỌC SÁCH

NGUYỄN VI KHANH • MANG VIÊN LONG •

NGUYỄN VI KHANH

**VĂN HỌC TỰ DO KHAI PHÓNG
VĂN LÀ NGUỒN HY VỌNG**

*“ Lịch sử luôn luôn duyệt lại
Không ai lừa được cuộc đời...”
Lê Đạt, 7-1956*

Đến tháng Tư 2005 này là miền Nam đã bị bức tử 30 năm! Giới lãnh đạo cộng-sản trong nước thay đổi diễn văn nhiều lần và cả nhìn nhận một số sai lầm trong số có sai trái về "biệt kích văn-nghe", nhưng căn bản chế độ toàn trị vẫn vậy! Trong bài này chúng tôi ghi lại những thăng trầm về văn-hóa văn-học tự do đã xảy ra trong 30 năm và từ đó thử nhìn về tương lai!

Sau 30-4-1975

Chúng tôi xin trích lại đoạn đã viết vào năm 1997 trong tiểu luận *40 Năm Văn-Học Chiến-Tranh*: "Việt Nam Cộng Hòa bị xóa trong lịch sử kẻ thắng đã dành, văn học của kẻ chiến bại Việt Nam Cộng hòa cũng bị xóa bỏ bằng những nghị định và chiến dịch. Nghị định 20-8-1975 của Lưu Hữu Phước bộ trưởng Thông tin văn hóa của chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam cấm lưu hành sách báo xuất bản tại miền Nam trước đó. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV (1976) ghi rõ nhiệm vụ phải "quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng và văn hóa thực dân mới" ở miền Nam (1). Tác giả và tác phẩm. Những trình diện và những lớp học tập. Tháng 3-1976, từng đoàn từng đoàn cán bộ cần quét tịch thu hết sách báo

xuất bản dưới thời chế độ cũ, để đốt, "tẩy". Chiến dịch thanh toán "bọn văn nghệ sĩ phản động" khởi đầu sáng 3-4-1976, hai ngày sau vụ nổ công viên con rùa đường Duy Tân : công an lùng bắt hầu hết văn nghệ sĩ và trí thức. Một danh sách 122 tác giả miền Nam với toàn bộ tác phẩm bị cấm lưu hành. Sau đó là tù đầy, cải tạo, và khi nghi bóng nghi gió lại tiếp tục càn quét thu vén sách Việt Nam Cộng Hòa như vào tháng 3-1981. Nhà Nước ra hẳn một cuốn danh mục sách và tác giả cấm lưu hành. Những gì không xuất phát từ văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản đều phải xóa bỏ, phủ định, vì "mảng" văn học này bị kết án là "đồi trụy hóa con người", "phục vụ xã hội tiêu thụ miền Nam" tức một thứ "văn học phục vụ chính trị phản động", phản cách mạng - những cái nhãn hiệu có thể làm tiêu mạng con người ! Từ 1975 đến nay (1997) có gần 20 cuốn sách chữ bởi phê bình văn nghệ Việt Nam Cộng Hòa: văn học tay sai nhưng đáng sợ như những trái bom!" (Đại Nam, 1997, tr. 63-64). Trong chiến dịch lên án và triệt hạ này, theo thống kê chính thức năm 1981, chính quyền cộng-sản đã tịch thu trên toàn quốc 316,924 cuốn sách; riêng ở Sài-gòn 60 tấn sách (151,200 cuốn), 41,723 cuộn băng nhạc, 53,751 bức tranh, 631 cuộn phim. v.v. (2).

Như vậy, sau khi "chiến thắng", các cán bộ và cả guồng máy liên gấp rút tấn công và thủ tiêu những thành tích văn-hóa văn-học ở miền Nam trước khi họ đến. Những khóa "bồi dưỡng chính-trị và văn nghệ" liên tiếp được mở ra ở Sài-gòn, nơi có nhiều "phản động" nhất! Sau đó tiếp tục tấn công về lý luận với những "công trình tập thể" như cuốn *Văn hóa, văn nghệ miền Nam dưới chế độ*

Mỹ-Ngụy, tập 1 do Trà Linh, Trần Hữu Tá, v.v. soạn (Hà Nội : Văn Hóa, 1977); hai năm sau ra tập 2, do Trần Độ chủ biên (Hà-nội : Văn hóa, 1979). Trong cuốn này, cán bộ cộng-sản tỏ ra sợ chính sách văn-hóa thời đệ nhất cộng-hòa, thời sau đó họ coi thường hơn vì lãnh đạo bất lực và giới văn-ngệ phân hóa. Những nhân danh dân-tộc, nhân dân của các cây viết của miền Nam bị họ gọi là "văn-hóa mạo hóa". Các tác-phẩm văn-học có tính hiện thực xã-hội, nhất là vào những năm cuối trước 1975, thì bị họ kết án là "độc được" vì vừa "đồi trụy" vừa "chống cách-mạng một cách có ý thức"(tr. 313) của những Nguyễn Thụy Long, Hà Huyền Chi, Văn Quang, Thế Uyên, Phan Nhật Nam, Doãn Quốc Sỹ, Duyên Anh, ... Những tác-giả khác bị mũi tên nặng có thể kể: Nguyễn Mạnh Côn, Nhất Linh, Nguyễn Vỹ, Nguyễn Đức Quỳnh, Lê Văn Siêu, Lê Hữu Mục, Thanh Tâm Tuyền, Văn Quang, Dương Nghiễm Mậu, Võ Phiến, Nguyễn Đình Toàn, Nhã Ca, ... Xuân Vũ, Kim Nhật và những cây viết "chiêu hồi" dĩ nhiên bị họ chĩa mũi dùi nặng hơn!

Sau đó, viện Văn-học (Phong Lê, Hoàng Trung Thông, ...) ra cuốn *Văn-học Việt Nam Chống Mỹ, Cứu Nước* (Hà-nội : Khoa Học Xã Hội, 1979), trong đó đã gọi Mỹ là "tên sen đầm quốc tế", là "tên đầu sỏ chủ nghĩa thực dân mới"! Riêng Phạm Văn Sĩ trong *Văn học Giải phóng Miền Nam 1954-1970* (Hà-nội: ĐH&THCN, 1975) để lại nhận xét ... bất hủ (thời đồ) : "văn-chương chống Cộng là thứ văn-chương xảo trá đê hèn nhất của Mỹ-ngụy ở miền Nam" (tr. 377). Ngoài ra còn có Phong Hiền với *Chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ ở Miền nam Việt Nam :*

Khía cạnh tư tưởng và văn hóa 1954 - 1975 (Hà-nội. : Thông tin lý luận, 1975. Tb 1984); và viện Khoa học giáo dục in *Tìm hiểu chính sách giáo dục thực dân mới Mỹ ở Miền Nam Việt Nam và những tác hại của nó* (Tp.HCM : Tp. Hồ Chí Minh, 1980), v.v.

Nói chung là nhiều ý và lập luận trùng điệp, nhưng nhất đôn nặng ký vẫn là cuốn của Lữ Phương, *Cuộc xâm lăng về văn hoá và tư tưởng của đế quốc Mỹ tại miền Nam Việt Nam* (Hà-nội: Văn hoá, 1981). LP là thứ trưởng thông tin văn-hóa chính quyền quân quản tháng 5-1975 và là người có liên hệ đến nghị định 20-8-75 nói trên, Miền Nam Cộng-hòa theo chủ nghĩa dân chủ vừa pháp trị vừa nhân đạo, do đó đã bị bá đạo cài khá nhiều người nằm vùng, hoạt động cho kẻ thù. Lữ Phương là một, ông ta dựa trên một thứ đạo đức (giả hiệu) và dân-tộc (tức tổ quốc thành đồng) để lý luận, phê bình chống văn-nghệ miền Nam. Tập sách của ông ta do đó khá chi tiết và có cơ sở lý luận cộng-sản. Ông ta đã chứng minh "thực dân mới Mỹ" và các chính quyền miền Nam dùng "chiến-tranh và bạo lực văn-hóa tư tưởng" để "xâm lược" và "bành trướng" cùng "chiến-tranh tâm lý là đòn bẩy của mọi hoạt-động văn-hóa - tư tưởng"(tr. 31, 37), trong đó các viện đại học cũng như nhóm văn-hóa văn-nghệ như *Sáng Tạo, Hiện Đại, Văn Hữu á-Châu, Quan Điểm*,... được đưa lên bàn mổ. Ông gọi tập thể các nhà văn hóa và văn-nghệ sĩ miền Nam là "đội quân văn-hóa phản động" trong đó có Nguyên Sa, Nguyễn Mạnh Côn, Lý Đại Nguyên, Dương Nghiễm Mậu, Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, LM Hoàng Sỹ Quý, v.v. Văn-hóa dân-tộc chủ trì bởi những Kim Định, Nguyễn Đăng Thục, Lê Văn Siêu, Thái Văn Kiểm, Nguyễn Sĩ Tế, ... là những nhà lý

thuyết theo ông là "bản địa" và lạc hậu, thần bí,... không ... khoa học như ... Mác-Lê cộng-sản - thời đó thôi, vì gần đây ông viết " Chủ Nghĩa Marx Và Cách Mạng Vô Sản Việt Nam", "Huyền thoại Hồ Chí Minh" v.v. là để tự xóa và thanh toán xóa cả chế độ từng được ông ca là ... khoa học và lý tưởng - ông thành ... đối-kháng chế độ!

Trong đợt đầu của chiến dịch bôi xóa văn-học miền Nam, cuốn được nói đến nhiều trở thành huyền thoại, là *Những Tên Biệt Kích Của Chủ Nghĩa Thực Dân Mới Trên Mặt Trận Văn-Hóa Tư Tưởng* do nhà xuất-bản Văn-hóa in năm 1980 và tái bản nhiều lần. Tập này gồm 10 chương, nêu đích danh 10 nhà văn miền Nam để xóa bỏ sự nghiệp văn-hóa và văn-học của họ, những người theo họ là nguy hiểm nhất vì ảnh-hưởng "di hại" lâu dài. 10 "*biệt kích*" đó là Vũ Khắc Khoan, Doãn Quốc Sỹ, Nhất Hạnh, Nguyễn Mạnh Côn, Duyên Anh, Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo, Võ Phiến, Hồ Hữu Tường và Nhã Ca. Bốn trong số đã thoát ra ngoài nước hoặc đã ở ngoài từ trước (NH), sáu còn lại bị bắt và cầm tù hai năm rồi có người bị bắt lại và tù lâu hơn hoặc chết trong nhà tù (NMC) hoặc vừa ra khỏi tù (HHT). Các vị bị gán đủ hình dung từ như "*biệt kích, nguy hiểm, du đảng, bồi bút, v.v.*"!

Để khích động thêm, năm 1982 tờ Tuổi Trẻ Sài-gòn ra thêm cuốn *Vụ Án Hồ Con Rùa* mà người viết nó, Huỳnh Bá Thành, năm vùng trước 1975, thêm thất dựng chuyện tố cáo các nhà văn giạt mìn sát hại dân và âm mưu lật đổ cộng sản. Và để kết thúc đợt đầu, là tập *Những Tên Biệt Kích Cầm Bút* (Công an nhân dân, 1986; TpHCM:

Văn Nghệ TpHCM, 1994), mang hình thức truyện vì tên các nhân-vật đã cắt ngắn hoặc đổi, do công an Minh Kiên và Nam Thi viết. Nhà văn Hoàng Hải Thủy qua Mỹ theo diện HO đã phóng bút viết dựa theo tập này đăng báo Ngày Nay (Houston) sau in thành tập cùng tựa *Những tên Biệt kích Cầm bút* (Toronto: Làng Văn, 2000). Trong cuốn sau này, nhà văn họ Hoàng dùng mình và vụ xử tám nhà văn thơ về tội "gián điệp" - tất cả bị bắt tháng 5-1984 và vụ xử cuối cùng xảy ra năm 1986, làm điểm tham chiếu. Các vị kia là Doãn Quốc Sỹ, Dương Hùng Cường, Lý Thụy Ý, Nguyễn Thị Nhạn, Nguyễn Hoat, Trần Ngọc Tự và ca sĩ Khuất Duy Trác. Thành thử "biệt kích" cũng có hai loại: *biệt kích cầm bút* "gián điệp" và *biệt kích văn-hóa tư tưởng*; nhà văn Doãn Quốc Sỹ là vị được cộng-sản sợ nhất nên ông được ... chăm sóc kỹ cho đến ngày ra đi đoàn tụ gia-đình nhờ áp lực quốc tế! Trong hoàn cảnh căng thẳng thường trực của đời sống thời toàn trị đỏ (cấm đoán viết, di chuyển, liên lạc,...), Doãn Quốc Sỹ gửi *Đi!* in ở ngoài (Lá Bối, 1982), ký bút hiệu mới Hồ Khanh, với ghi chú "sáng tác quốc nội", cũng như Thanh Tâm Tuyền, Hoàng Hải Thủy và một số nhà văn thơ khác.

Đợt đầu có tính cách tàn bạo, vừa chính-trị vừa hình sự, vừa văn-hóa, tâm lý vừa kinh tế, xã-hội, với mục-đích hoàn toàn quật ngã hình hài và thân thể người văn-ngệ sĩ sống ở miền Nam cộng hòa. Sang đợt hai, lý trí được dùng đến dù tính toàn trị, cả vú lấp miệng em vẫn thịnh trị!

Đợt hai, giới phê bình nhập cuộc như Lê Đình Ky với

Nhìn lại Tư-tưởng Văn nghệ thời Mỹ ngụy. (TpHCM: NXB TpHCM, 1987), nhưng người ta nói nhiều đến Trần Trọng Đăng Đàn vì bộ sách 2 tập của ông, thật ra là một "luận án khoa học Matxcơva" "tiến sĩ 1 khoa học Ngữ văn" (1987), sau được thêm bớt và tái bản nhiều lần và luận án có là nhờ khởi mớim trước với tập *Nọc độc văn học thực dân mới Mỹ* (Tp.HCM : Tp.HCM, 1983). Bộ sách đó có tựa *Văn-học thực dân mới Mỹ ở miền Nam những năm 1954-1975* (Hà-nội : Sự Thật, t. 1-1988; t. 2-1991). Tái bản thêm trang đổi tựa là *Văn-hóa văn nghệ phục vụ chủ-nghĩa thực dân mới Mỹ tại Nam Việt-Nam 1954-1975* (TpHCM; Long An: Thông tin, 1990). Hai lần tái bản gần đây sửa chữa thêm và đổi tựa thành *Văn-hóa văn nghệ Nam Việt Nam, 1954-1975.* (Hà-nội: Thông tin, 1993; HN: NXB Văn-hóa Thông tin, 2000).

Ông TTĐĐ dùng phương-pháp nghiên cứu lô-gích và bác phương-pháp lịch-sử để nghiên cứu giai đoạn 1954-1975 văn-học miền Nam này, vì nếu dùng phương-pháp lịch-sử sẽ phải "bóp méo lịch-sử" và dĩ nhiên chấp nhận nền văn-học đó như là kế tục của nền văn-học Việt Nam truyền thống (1, tr. 12). Ngược lại, ông ta đề cao và coi như chính thống mảng "văn-học tự phát có chỉ huy" của những nằm vùng như Vũ Hạnh, Lữ Phương, Lê Vĩnh Hòa, ... thuộc Lực lượng bảo-vệ văn-hóa dân-tộc và các tờ *Tin Văn, Nhân Loại, Công Lý*, v.v. tức thứ văn tuyên truyền, dụng-văn cho chính-trị. Với phương-pháp lô-gích, ông phân biệt ba loại văn-học ở miền Nam trong đó loại "văn-học phản động về chính-trị" được chiếu cố tận tình, một cách hần học và phản ... văn-học! Nhất Linh được TTĐĐ tả là "một tay cầm bút phản động trộn lẫn với

hoạt động chính-trị phản động mà tên tuổi đã gắn liền với những đảng phái phản động và vô biên, với những vụ tống tiền man rợ năm 1946 (...) lợi dụng danh nghĩa là một thành viên của chính phủ lâm thời ... đi dự hội nghị Đà Lạt đã đánh cắp mấy triệu bạc quỹ công để trốn chạy theo quân Quốc dân đảng Tàu" (1, tr. 82). Tấn công và loại bỏ cả những nghiên cứu văn-học của miền Nam về các thời chữ Hán và Nôm và về văn-học cổ-diễn thế giới, ông cảnh cáo là "trận đồ bát quái". TTĐĐ tức tối khi đề nghị trao đổi văn-hóa của Hà-nội đầu năm 1960 bị các nhà văn, giáo sư của miền Nam chống và hạ giá "văn-hóa" của chế độ cộng-sản miền Bắc, cũng như cố cãi là miền Nam đã "phóng đại" vụ "Nhân Văn giai phẩm"!

TTĐĐ kết thúc với việc đề cao những khóa "bồi dưỡng chính-trị và văn nghệ" như là ân huệ của cách mạng, vì cho rằng văn nghệ miền Nam thời này "có tính chất phản động, tồi bại của văn nghệ dưới chế độ thực dân mới - một thứ văn nghệ phục vụ cho chiến-tranh tâm lý, động viên thanh niên đi lính, đánh thuê cho Mỹ, xuyên tạc, bôi nhọ cách mạng, đầu độc nhân dân, đẩy thanh niên vào con đường truy lạc, du đảng, đi điếm, lưu manh, làm băng boai truyền thống tốt đẹp của văn-hóa dân-tộc, chạy theo thị hiếu thấp hèn để mưu việc trục lợi ...". Theo ông ta, văn nghệ miền Nam bị ba khủng hoảng: "thiếu cơ sở triết lý xuyên suốt (trước học thuyết Mác-Lê), thiếu lý tưởng chính-trị và thiếu hiện thực xã-hội ổn định theo một mô hình lý tưởng", vì cũng theo ông, văn nghệ sĩ miền Nam "ẩn náu trong mặc cảm tội lỗi, trong chiêu bài tự do giả hiệu, trong ảo tưởng về tinh thần

nhân-đạo dưới chiêu bài lên án chiến-tranh, ẩn nấu trong ngộ nhận có tham gia phản ánh hiện thực xã-hội, và cuối cùng, ngộ nhận rằng họ có đóng góp, có tìm tòi, sang tạo về mặt hình thức nghệ thuật cho văn-học nước nhà" (1, tr. 102-112). Với ông, nội dung là yếu tố cơ bản, quan trọng nhất của tác-phẩm văn-học và cả hình thức nghệ thuật, "ta đòi hỏi hai mặt đó đều phải tốt một trăm phần trăm". Dĩ nhiên, ông ta đã dùng cái phương-pháp lô-gích để đi đến kết luận như thế và đồng thời tự hào về thành quả của "nền" văn-học minh họa và bạo động của họ! Tự hào và dạy dỗ này, sau 1987 sẽ bị chính người văn nghệ sĩ trong nước quay mặt, chối bỏ! Vậy mà khi soạn tập 2 vào năm 1990, ông ĐĐ này vẫn cường điệu chống vì sợ "xảo quyệt của bọn cầm đầu văn hóa thực dân mới" hô hào "việc loại trừ những tàn tích 'văn-hóa', 'văn-nghệ' thực dân mới cũng là điều kiện quan trọng để tiếp sức cho những ai thực tâm vươn tới cái thiện"(2, tr. 119) khi Hội Nhà Văn phải ra thông báo cảnh giác hội viên trước "tình trạng hỗn loạn sách nguy hiểm làm ngã lòng những người cầm bút chân chính". Hội Nhà Văn này cũng là hội được hội viên Nguyễn Huy Thiệp chiếu cố vào đầu năm 2004 qua loạt bài "Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhائم lẫn của nhà văn" trên báo *Ngày Nay* (Hà Nội).

Sau Cởi Trói 1986

Với những biến-động xáo trộn đến căn bản cục diện thế-giới của thời hậu-chiến-tranh-lạnh (perestroiska 1985, bức tường Berlin, Thiên An Môn 1989), trong nước phải "đổi mới" dù dè dặt đổi có vẻ mới đến đổi như cũ, phải "cởi trói" văn nghệ sĩ, dù cởi rồi trói nhưng dần dà cũng có những thay đổi thật, khởi từ tâm trí, ý chí đưa đến

hành động. Những Nguyễn Huy Thiệp và Nguyên Ngọc tận dụng kẻ hở Cởi để nói cái riêng, cái "trật đường rầy", những phản tỉnh chính-trị và đào thoát từ đó đã xảy ra. Nhà văn Nguyên Ngọc là người đã công khai hóa cái phản tỉnh này, trong "Đề cương đề dẫn thảo luận ở hội nghị đảng viên bàn về sáng tác văn học" vào tháng 6-1979 (nhưng chỉ được in trên báo *Lang Bian* số 3, 4-1988, 9 năm sau!), ông đã đặt nghi vấn : "... Phải chăng lúc này có hiện tượng không ít phổ biến là người viết, vẫn cứ viết mà không thực tin ở chính điều mình viết ra: người là muối mà chính người lại không mặn thì biết lấy gì để muối người...". Cũng từ đó ở trong một quốc-gia toàn-trị độc đảng mới có những ấn-phẩm in ra bị thu hồi rồi in lén, mới có hiện-tượng in sách hoặc của tác-giả từng bị cấm hoặc đang "phản bội" lại Nhà Nước. Không gì ra ngoài vòng dịch-lý của trời đất, khi ra nghị định và chiến dịch hủy hoại, bôi xóa văn-học "phản động, thực dân mới Mỹ Ngụy" là đã gây mầm hôi sinh, tưởng tiếc cho nền văn-học và những con người làm văn-học thời đó. Vào Nam, Dương Thu Hương và những người làm văn nghệ của miền Bắc đã công khai hoặc gián tiếp nhìn thấy và cảm nhận sự thật và những cái đẹp, cái hay của cuộc đời và con người nơi đây!

Những người làm văn nghệ miền Nam bị định mệnh xếp vào hàng "thua trận" đã không có ai viết để tự chối bỏ và trát tro bạn bè cùng hoàn cảnh; trái lại có người như Nguyễn Hiến Lê trước có cảm tình với "cách mạng" nay viết *Hồi-ký* phê phán và tố hối hận. Sống trong một chế độ như vậy, đánh giá các văn nghệ sĩ là một việc khó khăn và đầy tế nhị! Sau khi có chính sách "đổi mới", từ

1988, đã có những nỗ lực thẩm định lại những tác giả và tác phẩm từng bị kết án là phản động (và có cả tác giả bị thủ tiêu!): Trương Vĩnh Ký, Hồ Biểu Chánh, Tự-Lực văn-đoàn, Nam-Phong tạp-chí, phong trào Thơ Mới,... Nghĩa là trước khi "cho phép" "mồ ma miền Nam" được quật làm ... khảo cổ, đã có những "mồ ma, cô hồn" khác được khai quật trước, vì lần hồi đã có những nhà nghiên cứu đi trước rồi nhà báo, nhà văn theo sau, dám "cởi mở" hơn khi nhắc đến và bàn đến những tác-giả nhiều thập niên trước đó vẫn có "vấn đề" chính-trị, cách-mạng, cải lương xã-hội, v.v. như Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Quang Dũng, các tác-giả thuộc nhóm Tự Lực Văn đoàn, Tân Dân hay Nam Phong tạp-chí, cũng như các tác-giả miền Nam như Trương Vĩnh-Ký, Hồ Biểu-Chánh, v.v. Đoàn Phú Tứ và bài thơ Màu Thời Gian được "phục hồi", hết bị "oan" đã "rơi vào hố thẳm của nghệ thuật tư sản bé tấc"!

Những "tọa đàm" và hội nghị gọi là "khoa-học" được liên tục tổ-chức dù giới lãnh đạo văn-hóa vẫn chưa theo kịp thời đại: về Tự Lực văn đoàn 1988, về văn-học miền Nam thời khởi đầu ở trong Nam 1989, về Hồ Biểu-Chánh tại Tiền giang 1988, tọa đàm "Trương Vĩnh-Ký với vấn-đề văn-hóa" tại Sài-gòn 8-2001, v.v. Một số tuyển tập từ các hội nghị này được xuất-bản đánh dấu những sửa sai, nói lại, đánh giá lại, có thể kể : *Truyện Ngắn Nam Phong; Tự Lực văn đoàn : con người và văn-chương* (1990); *Tự Lực văn đoàn trong tiến trình văn-học dân-tộc* (2000),... Các nhà nghiên cứu văn-học như Vũ Gia xuất-bản các nghiên cứu của ông về Nhất Linh, Hoàng Đạo (1997), v.v. Một số nghiên cứu và lý luận gia

cộng-sản thay đổi lập trường 180 độ, viết lại theo quan điểm mới những gì chính họ đã viết thời trước đó. Nhất Linh được đề cao là "một tấm lòng thiết tha canh tân văn-hóa dân-tộc", tựa một nghiên cứu trên tờ văn-hóa nghệ-thuật (242, 8-2004). Phạm Cự Đệ, một văn-học sử gia, từng xỏ toẹt giá trị của Tự Lực văn đoàn, Vũ Trọng Phụng, phong trào Thơ mới, ... trong những nghiên cứu *Tiểu Thuyết Việt Nam hiện-dại* (2 tập, 1974-5), đã gọi Xuân Thu Nhã Tập là "nghệ thuật tắc tị, kín mít, khó hiểu"(3), nay lập luận (nghịch) lại theo Cởi trói. Năm 1989, ông theo thời "hội luận, hội thảo" nhìn khác về Tự Lực văn đoàn "có hoài bão về một nền văn-hóa dân-tộc và thực sự đã đóng góp lớn cho nền văn-học dân-tộc"(4). Khoảng năm 2000, ông đăng báo hải-ngoại đánh tiếng xin ấn-phẩm của người Việt hải-ngoại để ... nghiên cứu và viết lại lịch-sử văn-học cả thế-kỷ. Một tập tổng luận *Văn-Học Việt Nam Thế Kỷ XX : những vấn-đề lý-luận và lịch-sử* do ông chủ biên vừa được xuất-bản (Hà-nội : NXB Giáo dục, 2004. 971 tr.) trong đó các soạn giả đã "thừa nhận" vài vị ở hải-ngoại như Nguyễn Mộng Giác, Nam Dao, Thụy Khuê, Đặng Tiến, Nguyễn Hưng Quốc, ... Thơ hải-ngoại và vài khuynh-hướng mới cũng được nhắc nhở tới! Về phần các nhà văn ở miền Nam trước 1975, họ được nói đến nhưng chưa đủ tầm quan trọng đóng góp của họ! Dù sao, đã có khác với những tổng kết trước đó như *Nhìn Lại Một Chặng Đường Văn-Học* (Nxb TPHCM, 2000) của Trần Hữu Tá. Theo tập này thì trong 21 năm (1954-1975), người cộng-sản và nằm vùng thân Cộng vẫn độc diễn và đóng vai chính, người cầm bút quốc-gia chân chính vẫn bị phỉ báng, kết án, nhưng nhiều nhà văn thơ không làm chính-trị đã được Trần Hữu Tá

đưa vào ... sử, như các nhà văn Võ Hồng, Nguyễn Văn Xuân, Phan Du, nhà thơ Kim Tuấn, v.v. hoặc "lôi kéo" rất phớt qua như Bình Nguyên Lộc, Nhật Tiến (tr. 96)!

Ngoài các tác-phẩm được tái bản riêng từng tập, các tác phẩm của các tác giả thuộc Tự Lực văn-đoàn và tiền chiến đã được in lại lần đầu trong tuyển tập *Văn Xuôi Lãng Mạn Việt Nam (1930-1945)* (1989-90, gồm 8 tập), sau đó có bộ *Văn Chương Tự Lực Văn-Đoàn* (1999) 3 tập. Một số tác-giả trước đó từng bị phê phán, cấm đoán xuất-bản và sinh hoạt, từ những năm kháng-chiến 1945 đến khoảng 1987, những nhà văn liên hệ đến vụ án Nhân Văn giai-phẩm hoặc xét lại như Quang Dũng, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Vũ Trọng Phụng, Đoàn Phú Tứ, Hàn Mặc Tử, ... người đã quá cố người còn sống (mòn) lần lượt được xét lại, từ 1988, được các cơ quan báo chí và hội của Nhà Nước nhắc nhở tên tuổi hoặc được xuất-bản công khai (Quang Dũng, Đặng Đình Hưng, ...) hoặc tình cờ, kiên trì (Phùng Cung với tập thơ *Xem Đêm* 1995; Hoàng Cầm với *Mưa Thuận Thành* 1988, còn tập *Về Kinh Bắc* thì chờ từ 1959 đến 1994 mới được xuất-bản dù vẫn có điều kiện!), v.v.

Cũng từ đó, một số giáo sư, nhà văn của chế độ Việt Nam Cộng-hòa được tham khảo, lên tiếng hoặc nghiên cứu công khai trở lại, những giáo sư Nguyễn Văn Trung, Bằng Giang, Vũ Văn Kính, ... Một số nhà văn thơ miền Nam cũ bắt đầu cộng tác hoặc gửi đăng bài trên các báo và cuối cùng thì xuất-bản sách công khai như 30 năm trước, của những Lê Phương Chi (*Tâm Tình Văn-ngệ sĩ*), Thế Phong (ký Thế Nhật), Nguyễn Tôn Nhan nhà thơ

thành học giả (*Từ Điển Văn Học Cổ Điển Trung Quốc, Từ điển Thành Ngữ Trung Quốc, Từ điển Hán Việt : Văn ngôn dẫn chứng, Kinh Lễ, v.v.*), Huỳnh Phan Anh (*Không Gian Và Khoảnh Khắc Văn Chương* tuyển trích lại những bài từ hai tập trước 1975 và bài mới viết về các tác giả ngoại quốc), v.v. Về phần sáng tác tái xuất những Cao Thoại Châu, (*Bản Thảo Một Đời*, 1991), Nguyễn Bắc Sơn (*Đời Như Một Nhà Thơ Đông Phương* 1995), Huy Tưởng (*Hỏi Đường Cùng Mây Trắng...*), Ngự Hữu (*Thị Trấn Khô*, được thân hữu xuất bản sau khi mất), v.v. Cả xuất-bản và gửi tác-phẩm ra ngoài nước một cách công khai hơn trước đó: Nguyễn Thụy Long xuất-bản nhiều tập *Hồi Ký Viết Trên "Gác Bút", Giữa Đêm Trường*, ..., Thế Phong gửi xuất-bản *Hồi Ký Ngoài Văn-chương*, Văn Quang gửi bài đăng trên Internet, trở thành giấy liên lạc trong ngoài, giúp vài nhà văn và xuất-bản *Sài-gòn Cali 25 Năm Gặp Lại*, v.v. Ở đây chúng tôi không muốn nói đến "tác-phẩm" của những nhà văn thơ theo cộng hoặc nằm vùng vì dĩ nhiên được trả công nhất là những năm đầu sau 1975. Nay thì "chân dung" nhiều người trong số đó đã phải nhiều tang thương khác!

Kế đó là hiện-tượng sách và sách dịch của các nhà văn sống thời Việt Nam Cộng-hòa từng bị cấm, nay được tìm kiếm để in lại. Chúng tôi không tham khảo được thư-mục ấn phẩm hàng năm của Thư Viện quốc-gia Hà-nội, nhưng cũng được thông tin về hiện-tượng này. Các tác-giả của miền Nam lần hồi được in lại, bắt đầu với Thế Uyên, Nguyễn Mộng Giác với bộ *Sông Côn Mùa Lũ* (Hà-nội : Văn-học, 1998) - đã là một "biến cố" (không

văn-học dĩ nhiên!), thơ và sách Bùi Giáng, truyện Ngọc Linh, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, ... Các nghiên cứu văn-hóa dĩ nhiên được dùng lại, cả trang trọng giới thiệu, như của Kim Định, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Đăng Thục, ... Vấn-đề nay không còn là in được hay được in mà là vấn-đề bản quyền! Khi có dịp "tham quan" nước ... cựu-thù Hoa Kỳ và Pháp, nhiều người đến các thư viện quốc-gia và đại-học tham khảo và cả lợi dụng chụp phóng ảnh đem về trong nước in lại. Thử hỏi nếu không có những "tên" thực dân mới (HK) cũ (Pháp) giữ hoặc tặng cho các văn khố và thư-viện thì gia tài văn-hóa Việt Nam làm sao tìm lại được từ những tro tàn "phần thư" thời đại mới gây ra?

Cũng cần nói đến hiện-tượng sách miền Nam ấn bản in trước 1975 từng bị cấm (và đốt) nay đã (tái) xuất hiện ở các thư viện đại học trong nước như ĐH Sư phạm Sài-gòn. Xin ghi lại vài tựa sách: *Chiến tranh cách mạng : tiểu luận và tài liệu* (Thế Uyên. Sài gòn: Thái Độ, 1968, số định danh: 355.4 TH250U-ch); *Tổng thức vận toàn diện : vận mệnh dòng tổng hợp các nhận thức toàn* (Lý Đại Nguyên. Sài gòn: Lý Đại Nguyên, 1956, số định danh: 181.197 L600NG-t), *Mối tình màu hoa đào* (Nguyễn Mạnh Côn. Sài gòn: Giao Điểm, 1967), toàn bộ của Nguyễn Văn Trung và Nghiêm Xuân Hồng trong có *Cách mạng và Hành động* (Quan điểm, 1964, số định danh: 909.7 NGH304H-c), cũng như một số sách của Tạ Tỵ (2), Doãn Quốc Sỹ (13), v.v. Nếu không có sách của người và đảng cộng-sản Việt Nam bên cạnh thì người mơ ngủ sẽ tưởng đang ở Sài-gòn ... trước 1975!

Gần đây nhiều nhà văn chúng tôi biết đã in sách trong nước (rẻ và đẹp hơn) từ thơ đến truyện, như Phạm Ngọc

(*Mùa Khát Vọng*, NXB Đà Nẵng, 2004). Nguyễn Ước đã in lại nhiều bản dịch về tôn giáo và văn-hóa. Đây là nói về sách xuất-bản hoặc tái bản đảng hoàng hoặc cửa sau, chưa kể đến những vụ "luộc sách" (in ăn cắp sách)! Nguyễn Thị Thanh Bình có ghi trên bìa tập truyện *Dấu Ấn* mới xuất-bản 2004 rằng bà từng in chui ở Việt Nam. Nhà thơ Phan Nhiên Hạo (*Chế Tạo Thơ Ca* 2004) gần đây đã gửi đăng thơ trên báo trong nước (*Người Hà-Nội,...*) và được trân trọng giới thiệu với người đọc trong nước (*Văn-Nghệ Trẻ* 25-2-2005). Trần Thiện Đạo sống ở Pháp và từng cộng tác tạp-chí *Văn* thời Trần Phong Giao cũng xuất bản *Chủ nghĩa Hiện sinh và Thuyết cấu trúc* (NXB Văn học 2002) và *Cửa Sổ Văn Chương Thế Giới* (NXB Văn hoá Thông tin, 2003). Một số khác trước sau về Việt-Nam lại ngỏ ý muốn về sống ở trong nước!? Nguyễn Quốc Trụ về trong nước lên báo trong đề cao cái trong. Nhà thơ Du Tử Lê về nhưng tuyển tập *Thơ Tinh* (NXB Văn-nghệ TP HCM, 2005) của ông đã in và được Trần Mạnh Hảo, v.v. trân trọng giới thiệu đã xuất lại bị tịch thu và cấm! Yên Tử cư-sĩ Trần Đại Sỹ (*Nam Quốc Sơn Hà* 2003, *Anh Hùng Đông A Dựng Cờ Bình Mông* 2004 NXB Trẻ), ... xâm nhập thị trường tiểu-thuyết lịch-sử trong nước. Nhiều người viết ở Đông Âu từng đi lao-động và tị-nạn nay xuất-bản trong nước: Nguyễn Văn Thọ tin thơ *Mảnh vỡ, Cửa sổ, Bên kia trái đất*, tập truyện *Gió Lạnh, Vàng Xưa* (2004), giải thưởng của báo Văn Nghệ, hội Nhà văn Việt Nam và báo Văn nghệ Quân đội; Lê Minh Hà xuất-bản *Những Giọt Trầm* sau khi đã thành công với độc giả Việt Nam ở hải-ngoại; Phạm Hải Anh, giải thưởng của hội Nhà văn Việt Nam 2003 với *Đi Hết Đường Mưa* (NXB Hội Nhà văn), Thế

Dũng với Hộ Chiếu Buồn, v.v. Thuận sống ở Pháp, sau khi in *Made in VietNam* và *China Town / Phố Tàu* (NXB Đà Nẵng, 2005) được Nguyên Ngọc đề cao, tự xem như nhà văn trong nước. Nguyễn Hòa gần đây khi phê bình tập *Văn-Học Việt Nam Thế Kỷ XX* của Phan Cự Đệ đã đặt nghi vấn : "...với văn học của người Việt ở hải ngoại chẳng hạn, khi mà trong những năm gần đây, tác phẩm của một số nhà văn lâu nay đã định cư ở nước ngoài như Nguyễn Mộng Giác, Thế Dũng, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Quỳnh Trang Cindi Nguyen, và gần đây nhất là của Thuận... đã được xuất bản trong nước thì có nên, dù chỉ là bước đầu, bàn đến văn chương của người Việt ở hải ngoại?" (evan.com, 31-3-2005).

Biên-giới trong-ngoài còn không? Một số dùng tiền mua bằng hiệu nhà xuất-bản trong nước để in sách đem từ ngoài về, số khác người trong cuộc mới biết như Nam Dao (*Trăng Thuê Áo Ảnh* 2004), Mai Ninh (*Áo Đàng* 2003, do Nguyên Ngọc đề tựa - lại Nguyên Ngọc!) - tất cả đều do Hội Nhà Văn Hà-nội xuất-bản. Mai Ninh in thêm *Cá Voi Trầm Sát* (Nxb Trẻ, 2004). Hai cây viết "du học" này đi theo khuynh-hướng thời thượng ngoài-in-trong của nhiều nhà văn đi trước. Thực hư lịch-sử sẽ phán nhưng chúng tôi ước đoán mấy "trí thức" nguy-tín và *dân du học từng phản chiến hoặc thờ ma cộng-sản trước 1975 sẽ là nhóm ra mặt tung hoành mảnh đất lăm người nhiều ma của thị trường chữ-nghĩa ở hải-ngoại cũng như trong nước* và mặt trận đã ... bắt đầu! Ngoài ra, "mảng" văn-chương "thuần túy, vị nghệ-thuật" đã có nhiều giao lưu, hợp tác. Các tạp-chí *Thơ, Hợp Lưu*, v.v. đã là nơi gặp gỡ thường xuyên. Tuy nhiên "mảng" "văn-

học đấu tranh" là mắng nhiều cảm tính và lý tưởng sống chết thì trong hay ngoài nước vẫn là những con đường rầy xe lửa không ga bến. Trong hoàn cảnh giao thời đó, nhóm Thư Quán Bản Thảo ở Hoa Kỳ và Canada đăng thơ văn trên tạp-chí cùng tên và xuất-bản các tập thơ và truyện của một số thân hữu (của họ) đang sinh sống khó khăn hoặc bệnh tật trong nước hoặc đã mất. Mới nhất là một số đặc biệt về nhà văn Y Uyên (18, 2-2005) , bi đát ở chỗ Y Uyên thời tử trận có người anh du học Canada thuộc lãnh đạo nhóm pro-Vietcong! Ban chủ biên Thư Quán Bản Thảo nói rõ có mục-đích nhắc nhở và ghi công văn-học miền Nam 1954-1975.

Ở trong nước, lý luận thay đổi và ngôn-ngữ sử-dụng cũng đã thay đổi theo thời. Những từ "Ngụy, Mỹ Ngụy, bù nhìn, thực dân mới, v.v." dần mất trong diễn văn chính thức, chỉ sử-dụng khi cần cảnh cáo hay lo sợ phản-kháng. Mỹ trở thành bạn làm ăn, trao đổi thương mại sau trao đổi giáo dục, xã-hội! Việt kiều "đi điếm" trở thành "khúc ruột ngàn dặm" được nâng niu, nhắc nhở mỗi khi nói đến ... tiền, kinh tế và ... tái thiết! Nghĩa trang Quân đội Biên Hòa có thể sẽ được trùng tu. Nguyễn Cao Kỳ về nước mới lái cho tư bản Mỹ, quay mặt lại đồng đội của ông với vài tuyên bố scandale. Thiền sư Nhất Hạnh cùng phái đoàn cả trăm người cũng về nhìn lại quê hương thì đã trễ, họ không còn có cơ hội chứng kiến các trại "cải tạo" và vùng "kinh tế mới", lúc đó mà họ về giảng thuyết nhân bản, từ bi thì đã quá đắt sách và lưu lại hậu thế một tấm gương không nứt rạn được!

Tựa sách của nhà lý luận cộng-sản Trần Trọng Đăng Đàn nói trong phần đầu bài này được đổi từ " Văn-học

thực dân mới Mỹ ở miền Nam" ra *"Nam Việt Nam"* khi tái bản năm 1993 và 2000 một cách ... "nhẹ nhàng"! Dù vậy, ông này mới đây vẫn giật mình đòi hỏi ... lùi: trong một hội thảo của Ban Chấp hành Hội Nhà văn TP Hồ Chí Minh đã tổ chức cuộc về Lý luận - Phê bình vào 20-3-2004, TTĐĐ đã cảnh giác đồng nghiệp và chỉ đạo: "Lượng thông tin tổng hợp hôm nay lớn. Tổ chức Hội đồng LLPBTƯ là cần thiết, nhưng tổ chức "chóp bu" chưa nắm được lực lượng, tổ chức được lực lượng. Vấn đề hiện nay nằm ở phần lý luận. Trước kia tập trung đánh giặc, chín bỏ làm mười. Hiện nay, trong các giảng đường ta giảng về lý luận thế nào? Ta phải có một êkip nắm được, hiểu được đối tác, đối đầu là ai để làm việc. Có một số người quá khích ở nước ngoài nói rằng: "Về văn hoá các anh thua rồi, bây giờ không còn gì để nói nữa". Có thật vậy không?". Chính-trị thì có lý do để lo xa và paranoid, còn toàn trị ngày nào thì không lạ gì những biện pháp đối với văn nghệ sĩ!

Ở trong nước, từ hơn mười năm nay, những người nghiên cứu của nền văn học vẫn nổi tiếng là "một chiều, phải đạo, minh họa" đã có những cố gắng thay đổi cách nhìn và cách nghiên cứu. Không dễ! Hội thảo của Hội đồng lý luận phê bình văn học, nghệ thuật trung ương ngày 14-1-2005, tại Hà Nội, vẫn loay hoay trong địa-đạo quản-lý chỉ-huy "... quan hệ giữa chính trị và văn nghệ là vấn đề có tầm quan trọng cần được chú ý nghiên cứu một cách sâu sắc, thuyết phục. Bản chất ý thức hệ của văn nghệ là điều không thể phủ nhận. Nhưng mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị nằm trong các mối quan hệ nhiều mặt giữa văn nghệ và văn hoá, kinh tế, đời sống v.v& tự thân

nó cũng là quan hệ nhiều chiều. ở đây cần tránh các quan niệm cực đoan, đi tìm văn nghệ thuần túy, hoặc xem văn nghệ chỉ là vũ khí phục vụ một cách thô thiển cho chính trị" (*Văn Nghệ* 25-2-2005).

Từ hơn thập niên qua, chữ nghĩa văn chương bị kinh tế thị trường xô đẩy, biến dạng, nhường chỗ cho một chợ sách báo đáp ứng những nhu cầu mở tầm mắt, học hỏi kiến thức ngoài sau nhiều thập niên bị cấm đoán, đưa đến nhu cầu sách báo phổ thông, kiến thức tổng quát, thường là những bản dịch từ sách báo Âu Mỹ trong số đã có những bản dịch từ nhiều thập niên trước đó ở miền Nam "cộng hoà" mà đã từng trở trêu bị đốt hủy và cấm sau tháng 4-1975 như của các tác giả J.-P. Sartre, A. Camus, E. Caldwell, F. Nietzsche, ..., như sách y học phổ thông, sách "học làm người", "tổ chức khoa học" đời sống, công việc,... Văn học rút gọn lại trong những ấn phẩm tuyển tập về những tác giả đã thành danh, cả những nhóm và tác giả từng bị phỉ báng và cấm đoán hoặc các tuyển tập truyện Âu Mỹ. Thời của dịch giả và nhà xuất bản tư và cả công nếu biết theo thời. Dịch đủ thứ, cả lý luận phê bình mà quên phát triển luận lý văn-chương nội hóa. Với sự giúp đỡ của nước ngoài như tạp-chí *Văn-Học Nước Ngoài* thuộc Hội Nhà Văn Việt Nam. Pháp tái lập trường Viễn-đông bác-cổ (EFEO), xuất-bản và trợ cấp in sách báo. Nước Đức giúp dịch và in lại H. Hesse. Các nước khác như (Thụy Điển, Áo, Nhật, Đại Hàn (khuyên hướng mới từ khi phim bộ Hàn quốc được thay món Trung quốc), ... cũng vào trong quỹ đạo mới đó! Nhà văn hội viên Hội nhà văn quốc doanh trở nên dịch-giả để kiếm được lợi nhuận và có thể được mời ra

nước ngoài tham quan. Các nhà văn nhà báo của miền Nam (Hoàng Ngọc Tuấn, Phan Kim Thịnh, Lý Hoàng Phong, ...) cũng nhờ một dịch mà kiếm sống!

Có thể nói nếu không có chính sách Cởi trói văn nghệ, đã không có những công trình nghiên cứu mới mẻ về hai nền văn học Miền Nam thế kỷ XIX cũng như miền Nam tự-do trước 1975. Và đã có "giao-lưu, gặp gỡ"! Tác-phẩm và tác-giả từng bị cấm đoán bằng nghị định và chiến dịch như Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Duyên Anh, ... được nhắc đến. Trần Trọng Đăng Đàn và các nhà "phê bình" của Viện Văn học Hà Nội có tấn công thơ tự do mà họ gọi xiên xỏ là "bí hiểm", "tắc tị", "quái thai", "hỗn tạp những rối rắm quái gở", "những thứ ngôn-ngữ ô uế tới mức thô bỉ" (5) và "dựng lại cái cây ma mà mười lăm năm về trước những người trong nhóm Xuân Thu nhả tập đã nêu lên". Đó là mặt nổi của tuyên truyền, vì mặt khác, ngay từ 1977 họ đã sợ thứ văn-học hư hỏng của miền Nam đó được người "chiến thắng" lên lật tìm đọc thời còn bị cấm. Dù bị cấm. đe, nhưng họ thú nhận đã không thành công, "không thể thỏa mãn với những công việc chúng ta (CSVN) đã làm (...) những đoạn nhạc vàng vẫn truyền đi trên các băng ghi âm một cách bất hợp pháp, những cuốn tiểu-thuyết, những tập thơ mang nội dung phản động hoặc đòi tự do vẫn được chuyển tay nhau, không những ở các tỉnh miền Nam mà ngay cả ở một số thành phố miền Bắc (...) Chúng ta phải đề cao cảnh giác, không thể xem nhẹ những tác hại của nó được" (6). Trong nước đã có những nghiên cứu "cởi trói", đã có cái nhìn "khách quan" hơn. Trần Thị Mai Nhi viết về "nhóm Sáng Tạo" đã nhìn nhận họ "*muốn có một*

*'đường hướng sáng tạo', muốn là 'kẻ sáng tạo ngôn ngữ trong thơ ca'(...). Họ muốn đổi mới niêm luật, cú pháp, chấm câu, từ ngữ trong thơ ca. Rồi việc họ chấp nhận thứ 'tiếng của vĩa hè' cũng không hoàn toàn chỉ là một sự lập dị. (...) Đúng thôi, văn học Sài Gòn gặp văn học phương Tây ở quan niệm thẩm mỹ..." (7). Bùi Giáng được chiếu cố nhiều nhất, được khám phá đủ chiều, có tạp-chí như *Thời Văn* ra cả số đặc biệt. Hoàn cảnh mới đã cho phép những phát hiện mới, mà sau nhiều thập niên mù quáng vì chiến tranh, có những cái đã bị biến hủy nhưng cũng có những nhận diện, cảm thông về những cái tưởng đã chết hoặc yếu đi như tôn giáo. Vĩa lại, tôn giáo đã trở nên nguồn sống tâm linh của nhiều người, kể cả cán bộ. Cuộc chiến chính thức tàn năm 1975, những thất bại của chuyên chính từ 1975 đến 1986 đưa đến Cởi Trói như một lối thoát dọ dẫm có cái hay là đã tạo môi trường những cố gắng mới với quan điểm mới hơn, dân tộc hơn, tổng hợp hơn. Trong hoàn cảnh đó càng ngày càng có những nghiên cứu trở về với truyền thống dân tộc thật sự, đó là điều nên mừng. Bước đầu khó khăn đã có người đi, dĩ nhiên còn cần nhiều nghiên cứu sâu xa và khách quan hơn nữa!*

Về văn-học hải-ngoại, gần đây trong nước đã có những nhận xét khác tiếng nói chính thức, như một bài viết của Nguyễn Vĩnh Nguyên trên báo *Sài Gòn Tiếp Thị* được tờ Tuổi Trẻ On-line (10-6-2005) đăng lại. Nhân điểm qua một vài cây viết phần lớn xuất phát từ miền Bắc xã-hội chủ nghĩa, ông cho rằng: "Văn học hải ngoại, bản thân cũng chia nhiều hướng; tuy nhiên với bạn đọc VN, chúng ta chỉ nên xét trên cơ sở những gương mặt đã xuất hiện tác phẩm và gắn bó với dòng chảy của văn học trong

nước, có tác động không những với cộng đồng nơi nhà văn sống và viết mà còn với người đọc trong nước. (...) Môi trường văn chương đã bắt đầu có những hé cửa tiếp nhận sự đa tuyến, đa chiều. (...) Sự phân chia giới tuyến trong và ngoài nước trên lãnh địa văn học suốt ba mươi năm qua có lẽ đã quá đủ. Hợp lưu đang là vấn đề đang được hoá giải theo thời gian. Hẳn rằng, với nhiều nhà văn chân chính ở hải ngoại, không bị câu thúc bởi những hằn học quá khứ và những lý do cầm bút phi văn chương, ai cũng muốn được hợp lưu trước khi hội nhập. Nhìn nhận và đón nhận dòng chảy văn chương hải ngoại là một câu thúc nội tại để đưa nền văn học phát triển hơn. Trong vòng khoảng 5 năm trở lại đây, có thể nói, lực lượng này đã có nhiều đóng góp, thậm chí có những tác phẩm sau khi được in tại quê nhà, thực sự gây bất ngờ đối với những đồng nghiệp trong nước lâu nay mãi lúng túng không tìm được cái nhìn mới về những vấn đề đời sống đương đại"(8).

Dù có một số chữ dùng khác biệt, người Việt trong và ngoài nước vẫn có thể đọc sách báo của nhau, tìm hiểu nhau và có những đồng tâm, tri kỷ về một số sự việc và vấn đề lớn nhỏ. Người viết xuất-bản chung trong ngoài, đã có nhiều thử nghiệm, lúc đầu phải chịu vài "chết non" vì kỷ-luật "chính-trị" như dự án của Khánh Trường chủ biên tạp-chí *Hợp Lưu* thời 1990 - ngược lại, cũng vì cái kỷ luật đó mà nhóm Montréal thân trong nước thời đó đã ra tuyển tập *Việt Kiều Với Quê Hương : Thơ Văn Người Việt Nam Ở Nước Ngoài, 1975-1990* (NXB TpHCM, 1990). Sau đó thì đã có nhiều tuyển tập nhiều cây viết trong ngoài đáng kể có tuyển tập *26 Nhà Thơ Việt Nam*

Đương Đại (Tân Thư, 2002) và nhất là khuynh-hướng thời thượng dịch đáp ứng nhu cầu "tò mò" (voyeurisme) chính-trị hơn là văn-chương của vài tác-giả trong nước và lâu lâu xen kẽ vài cây viết hải-ngoại hoặc miền Nam tự-do như các tuyển dịch của Phan Huy Đường, của Đoàn Cầm Thi (*Au R-C du paradis* 2004), ...!

*

Chúng tôi nhận ra một số nghịch lý và đương nhiên dịch lý. Trong một nghiên cứu gần đây (Miền Nam Đạo-Lý), chúng tôi đã ghi nhận những nỗ lực văn-hóa của Nam-kỳ thuộc địa trong việc bảo tồn và phát huy đạo lý truyền thống khi thực-dân Pháp đến xâm chiếm và đô hộ miền Nam Cochinchine; và các tiền bối đã thành công. Miền Nam Cộng Hòa in facto đã bị chấm dứt hiện hữu ngày 30-4-1975 (dù hãy còn sống động trong tâm tưởng và hồi ký của nhiều tai mắt và của cả người miền Nam). Nước mất thì nhà tan, con người phân tán, Việt Nam hải-ngoại thành hình. Trong nước thì người dân mất nước, mất chính quyền và thẩm quyền, mất quyền công dân, xác thân bị kiểm chế trong các trại gọi là "cải tạo" hay "kinh tế mới", dĩ nhiên văn-hóa cũng bị xóa nát vùi dập. Các sản phẩm nghệ thuật, âm nhạc (nhạc vàng), văn-chương, văn-học, văn-hóa gì gì của miền Nam cộng hòa đều bị xóa, với nghị định, với hàng trăm bài báo và sách lý luận, nghiên cứu như vừa trình bày. Nhưng kẻ thắng trận (miền Bắc cộng-sản) dù cố tình bôi xóa văn-hóa của miền Nam, đã thất bại với thời gian (vì cấm vận, chiến-tranh lạnh, đôla, v.v.). Nhưng chủ yếu là người cộng-sản Việt Nam đã không có một văn-hóa phổ quát và nhân bản khả dĩ có thể thay thế. Trong học đường, ngoài xã-hội mọi người đã nhìn thấy một thứ không-văn-hóa đang

làm bằng hoại xã-hội thời hậu chiến. Và con người đã chạy trở lại tìm những thứ mà nền móng xã-hội "mới" đã không có hoặc không thể có, của Việt Nam cộng hòa và của Nam-kỳ Cochinchine cũng như của một xã-hội Việt Nam bị phê là "lạc hậu" và cả "phong kiến" nhưng có rễ văn-hóa, có căn bản con người, một nhân bản không thiết yếu phải có tính khoa-học, nhưng có nền tảng! Nghĩa là vẫn có hy-vọng!

Nói hy vọng để khôn ngoan và khả năng khai-phóng được có cơ xuất hiện, vì hiện có những tạp-chí có vẻ giao-thoa hợp-lưu trong-ngoài đây những sáng tác có tính rác rưởi nhất thời, khai thác những dục vọng thấp hèn, rất tư riêng, bệnh hoạn, dâm-bôn, cũng được cho ra như một cố gắng để được nói đến như những "nhà văn thơ" đương-đại, hậu đương-đại hay giải phóng. Cái gọi là văn-chương, văn-học có những điều-kiện đương-nhiên hoặc ngầm của nó, mà không một tập đoàn, chủ báo hay nhà văn nào có thể tự diễn hay tác oai tác quái mà tồn tại lâu dài được. Người đọc cũng như lịch-sử văn-học hãy còn đâu đó như là thẩm phán cuối cùng!

Với đầu tư cùng du-lịch quốc tế và tiền hàng tỉ hàng tỉ mỗi năm đổ về của Việt kiều, chính quyền trong nước không ... cách mạng theo thì cũng phải thích ứng, cập nhật. Những "bóng ma" tàn tích của cuộc chiến vừa qua, như ma "thực dân mới", "biệt kích", v.v. nay đã hiện nguyên hình là ... *bạn*! Chiến-tranh xưa nay ít ai thật đại thắng, thường thì gặp thời (Điện Biên 7-1954, miền Nam 4-1975, v.v.). Đã nói chiến-tranh thì phải có thắng thua, nhưng dân-tộc thì không bao giờ thua, có chăng là giàu thêm và khôn ngoan ra dù phải thêm xương máu! Văn-

học thì lại càng không có chuyện thắng thua, nói thắng thua là trò con người bày ra, cưỡng ép, cưỡng điệu, kể cả chuyện hợp lưu! Văn-học cũng không là chuyện kinh tế hay mạnh được yếu thua! Như vậy thiển nghĩ thế thời có thể nào thì văn-học vẫn là hy vọng vì trước mắt chúng tôi không tin người Việt sẽ có đồng thuận về văn-hóa - khó, vì làm văn-hóa thì con người phải văn-hóa trước đã (to be or not to be)! Trong hoàn cảnh đó, văn-học sẽ là bước đầu, nếu thật lòng lên đường!

Chú thích

1- Trích từ *Văn Hóa Văn Nghệ Miền Nam Dưới Chế Độ Mỹ Ngụy* (Hà Nội: Văn Hóa, 1977), tr. 8.

2- Theo Trần Thọ, *Tạp-chí Cộng-Sản* 10-1981.

3- X. Phong Trào "*Thơ Mới*". Hà Nội : NXB Khoa-học xã hội, 1982. Tr 268.

4- *Tự Lực văn đoàn : con người và văn-chương*. Hà Nội : Văn Học, 1990. Tr. 57.

5- Trần Trọng Đăng Đàn. *Văn Học Thực Dân Mới Mỹ Ở Miền Nam Những Năm 1954-1975*, tập 2. Hà Nội : Sự Thật, 1991. Tr. 68, 72.

6- Trích Lời Nói Đầu. *Văn hóa, văn nghệ miền Nam dưới chế độ Mỹ-Ngụy*. Sdd.

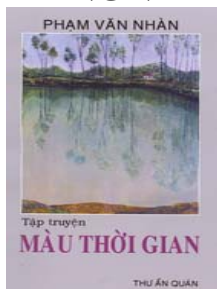
7- Trần Thị Mai Nhi. *Văn Học Hiện Đại Văn Học Việt Nam Giao Lưu Gặp Gỡ*. Hà Nội : Văn Học, 1994. Tr. 135, 136.

8- Nguyễn Vĩnh Nguyên. "Văn học hải ngoại: "đồng riêng" có gặp "đồng chung"?". Tuổi Trẻ On-line 10-6-2005.

2&9-2005

ĐỌC SÁCH

MANG VIÊN LONG



(MTG in lại ở Sài Gòn . Bản gốc In tại Hoa Kỳ, Do Trần Quý Thoại vẽ - Hình bìa do Thân Trọng Minh vẽ trong nước)

Tâm sự cùng Phạm văn Nhân Qua “ Màu Thời Gian ”

Tôi nhận được tập truyện “ *Màu Thời Gian* ” của Phạm Văn Nhân “ *qua tay*” của Nguyễn Lệ Uyên. Ngay trang đầu, cậu ấy viết: “*Thay mặt tác giả ở chốn xa xôi, kính tặng anh chị...*”. Nhận được sách, như gặp lại được bạn - người bạn văn đã hơn ba mươi năm lưu lạc xa cách; bây giờ đang ở bên tôi, trước mặt tôi!

Tôi nhìn tấm ảnh của PVN ở trang 4 bìa sách cảm thấy yên tâm, và một nỗi vui mừng vì sự khổ ải đã không làm anh thay đổi bao nhiêu! “ *Màu Thời Gian*” gồm 8 truyện ngắn (và 5 bài viết về những bạn tôi). Tôi chọn truyện cuối- “ *Vẫn Những Mùa Xuân*” viết về người em trai của PVN- thiếu úy Phạm Văn Bảy, đã chết trước một tháng khi miền Nam sụp đổ; để đọc trước tiên.

Bằng giọng văn thuật chuyện rất tự nhiên, nhẹ nhàng, có chút bi hài, và “phớt tỉnh” - PVN đã qua sự nhớ tưởng về cái chết của người em trai- và cũng là một chiến hữu; vẽ ra được toàn bộ thảm cảnh của chiến tranh, từ nhiều góc độ; từ bản thân, gia đình, bằng hữu, tình yêu, cuộc sống. Có thể nghĩ, “ *Vẫn Những Mùa Xuân*” không nói đến súng đạn, chết chóc, hận thù, kêu gào (...) nhiều như vài tác giả viết về cuộc chiến trước 1975; nhưng đã mô tả lại gần như rất đủ, những mảnh đời bị thương, biến động nội tâm - một cách rất thật, rất tỉnh, rất...thần nhiên!... “ *chiến tranh dai như đĩa xôi, làm sao tránh khỏi hả mẹ*”...

.... “ *Bao nhiêu năm trong quân đội. Lội từ vùng cao xuống đồng bằng, cuối cùng thì bị thương cửa chân. Nay nghe ông trung úy nói hiệp định ký, có hòa bình, tao chẳng biết đi về đâu sau cái tết này?* ”...(trang 90).

Cái tâm trạng chẳng biết “ *đi về đâu* ”, cuộc đời mình sẽ ra sao, như Tư, như Vân, như Bảy (...) trong cuộc chiến này - nhất là sau 1975 - là của cả một thế hệ - một lớp người được gọi tên là “ *kẻ chiến bại* ”. Hình ảnh của tương lai, của ngày mai, làm gì có trong chiến tranh... “ *Ai vậy mẹ? Bộ mẹ muốn người ta trở thành bà góa. Mẹ mang tội đấy?* ” (trang 94) - đến cái hạnh phúc tưởng đơn giản nhất (và cũng cần thiết nhất) cho đời người là tình yêu, là một mái ấm gia đình, cũng là đều...ít ai dám nghĩ đến.

Và như người mẹ già gian truân, khổ ải vì đàn con của Bảy đã rất sợ khi mùa xuân đến (!): “ *Mùa xuân. Tự nhiên bà nghĩ tới mùa xuân, bà sợ...*” - “ *Bà đâm ra sợ mỗi lần xuân đến !* ” (trang 95). Nếu chiến tranh còn, sự

hận thù còn - thì cuộc đời, mùa xuân “ *Vẫn Những Mùa Xuân* ” ảm đạm, đau thương, vô vọng như thế !

Chiến tranh trong truyện PVN, dù là một người lính ngày đêm giáp mặt với những trận đánh, với súng đạn, chết chóc(...); nhưng đặc biệt tác giả ít nói đến chuyện ở chiến trường - có lẽ coi đó là một việc bình thường; mà chỉ nói đến “ *phía sau* ”, đến thân phận; với nỗi ưu tư khắc khoải của cả một đời người.

Sự tàn phá nguy hại của chiến tranh không chỉ ở những làng mạc, thành phố bị thiêu cháy, những tổn thất về vật chất; mà là sự mất mát về con người - làm chai mòn tâm hồn, hủy diệt đời sống tâm linh; sống trong nỗi bất an, bàng hoàng, vô vọng thường trực. Nỗi kinh hoàng, đau đớn, chán chường này kéo dài, chưa biết đến bao giờ mới thực sự chấm dứt. Truyện PVN thường viết về những hoài niệm như một chút an ủi, một chút nhớ thương, một chút mơ mộng nuối tiếc... Với PVN dù là một: nơi “ *Góc Phố Cũ* ” (trang 6) cũng đủ khơi dậy cả một quá khứ mù tăm dài dặc với bao biến động khi trở về: “ *Còn sống, nhưng không ai nhìn ra khi lão bước xuống xe lam đứng nơi góc phố cũ. Lão vừa đi chậm rãi trên lề đường vừa suy nghĩ còn ai ở đây để tìm lại thăm* ” (trang 8) ; nhưng rồi; “*Thấy cái gì cũng lạ. Lạ lắm. Chỉ có những cánh rừng trước mặt lão là không thay đổi* ”. Và sau cùng, “ *Tự nhiên những giọt nước mắt của hai người lính già ứa ra trong cái lạnh hây hây của sương rừng!* ”

Cho dầu thực tại là vậy. Là sự trống trải. Là sự bi thương. Nhưng điểm phúc và may mắn thay- người lính PVN trong nỗi bất hạnh cùng cực ấy, đã luôn giữ được

tâm mình trong sáng, an tịnh, để “ *Tìm Về* ” (trang 17) để cảm nhận, để thương yêu...Dù mô tả thực tại có phũ phàng đến đâu, PVN không lớn giọng, không quá bi thương, và luôn nhen nhuốm những tia sáng ấm áp, lạc quan- để “ *Sống* ” thực cho mình. Thật thơ mộng, êm đềm với “ *Buổi sáng im ắng nào đó ngồi trên nóc lô cốt nhìn dòng sông sau những đêm thức trắng canh giữ chân cầu. Nhìn dòng nước chảy đục ngầu dưới cầu, hắt và những người lính của hắt biết là đêm qua trên thượng nguồn đã có cơn mưa núi* ”.(trang 18). Và với PVN, “ *Chiến tranh như bị hương thơm của những loài hoa trong vườn nhà Thạch xua đi, chỉ còn lại nỗi thanh bình trong những lối đi mòn qua những câu hát của người cùng đi trốn ngủ!* ” (trang 21)- Thật nhạy cảm và lãng mạng!

Sự ly tan trong gia đình người bác, người chị (Một Chút Ngậm Ngùi- trang 27) không phải là ít khi cuộc chiến kéo dài đến 21 năm- “ *Chiến tranh kỳ quặt, rõ ràng nổi da xáo thịt trong ngôi nhà của bác tôi* ” : Vợ chồng không dám nhìn nhau, cha con không dám nhận nhau- giữa hận thù vây bủa, phủ chụp lên trên thân phận con người. -“ *Tại hắt hay tại ai? Hắt không đổ thừa cho một ai cả. Tại tại ách lòng trời mới ra nông nổi*” (Hương Xưa- trang 43). Đó chính là nét đặc thù bi đát nhất của cuộc chiến ở Việt Nam. Trong cuộc sống được tính từng ngày, trong nỗi gian nan kề cận cái chết, “ Hắt” vẫn yêu, vẫn mơ mộng, vẫn hồn nhiên sống cho đời sống hiện tại của mình: đó cũng là tâm trạng của lớp trẻ miền Nam. Đó là bản năng tồn tại của giới trí thức văn nghệ một thời đất nước chiến chinh, một thời quê hương đổi thay, diên đảo...Một chút gì của “ Hương Xưa” (một bản

nhạc, giọng hát, góc phố, con đường, chiếc mũ 6 múi, mùi hương hoa sứ, chiếc áo blouse trắng...) cũng là một gợi nhớ miên man, cũng là một niềm an ủi tuyệt vời. Tuy rằng “ *Hắn bây giờ như cọng cỏ khô trôi bèo giữa dòng kênh nước đục*” (trang 56).

Tính chất nhân văn trong truyện PVN thể hiện rõ nét trong tính cách, lối sống, nếp nghĩ của nhân vật. Nhân vật Mịch (trong Màu Thời Gian) đã vượt từ nghèo khó, bằng chính sự rèn luyện, chịu đựng của mình; nhưng khi đã đạt đến một tình trạng cao hơn; luôn luôn nhìn lại, nhìn xuống cuộc đời, để xẻ chia, để cảm thông với tất cả – cho dù là một đứa bé. “*Có gì đâu, xe chạy một đôi thì chỗ ngồi cũng rộng thôi. Ông nghĩ như vậy, cho nên dù bị ngồi kẹp giữa những hành khách mà ông lại thấy vui, gần gũi bà con trong gang tấc*” (trang 47). Và “*Thời đó biết bao nhiêu lần ông hành quân qua những xóm làng, cũng những đám ruộng đó, cũng những ụ rơm đó, cũng những con trâu đứng nhìn ngơ ngác những toán lính đi qua. Xóm làng đối với ông nghe sao gần gũi. Như hôm nay cái háo hức như về lại với ông ngày nào...*” (trang 49). Hình ảnh Mịch “ *Vẫn ngồi bên lề đường, lật từng hạt bắp luộc, nhai chậm rãi như nín lại những con sóng thời gian đã trôi qua đời ông lặng lẽ...*” (trang 57).

Tôi đọc truyện PVN như để nhớ lại anh, tìm lại hình ảnh của anh, mà đã hơn 30 năm không gặp lại, thiếu vắng tin tức. Tôi đã thực sự cảm thấy thích thú bởi qua 8 truyện ngắn trong MTG, truyện nào cũng thấp thoáng bóng dáng, cuộc đời, tình cảm của anh được ghi lại một cách bình dị, chân thật – giống như con người của anh đời thường. Qua MTG, tôi biết rõ thêm một cách sâu đậm

về PVN. Một người bạn văn mà tôi quý mến. Thêm nữa, điều khiến tôi đọc MTG “ một hơi ” không nghĩ là sự gần gũi, sự thiết thân của từng nhân vật với cuộc sống của mình. Tôi cảm nhận MTG cả sau và ngoài những trang viết, bởi vì nó rất giống mình!

“*Màu Thời Gian*” có đổi thay, có biến động, có lẽ “ màu gì ” đi nữa – thì đó cũng chính là cuộc đời của PVN, của tôi, của lớp trẻ miền nam...phải cần được chia sẻ, cảm thông và trân quý! Qua *Màu thời Gian*, tôi nghĩ – PVN đã tâm sự với chúng ta rất nhiều điều (...)

Quê nhà, tháng 10.2005

Mang Viên Long

Liên lạc TQBT:

Trần Hoài Thư

tranhoaithu@yahoo.com

Phạm Văn Nhân

nhanvanpham@yahoo.com

Thành thật xin lỗi:

Vì bài vở cho số 22: viết trong khói lửa quá nhiều. Do đó những bài của các anh chị gửi đến, chúng tôi sẽ lần lượt đi vào những số kế tiếp. Thành thật xin lỗi.

